

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG
THẾ PHÁT

Địa chỉ: 04 - Đường Tứ Kiệt - Phường Mỹ Phước Tây - Tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại: 0733.919669 DD: 0982.430134



HỒ SƠ

THIỆT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 338
THẨM TRA
Theo Văn bản số 04/KQTT-338
ngày 10 tháng 3 năm 2026
Chữ và họ tên ký tên: *Trần Minh Phụng*

PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 389
Ngày 10 tháng 3 năm 2026
Người thẩm định ký tên: *Kỳ Văn Minh Phụng*

DỰ ÁN: ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOÀN ẤP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP
HÀNG MỤC: MẶT ĐƯỜNG LĂNG NHỰA - CẦU KM0+300 VÀ CÔNG KM0+572
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP

NĂM 2026

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG
THE PHÁT

Địa chỉ: 04 - Đường Tư Kiệt - Phường Mỹ Phước Tây - Tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại: 0733.919669 ĐD: 0982.430134



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 338
THẨM TRA
Theo Văn bản số 01.../KQTT-338
ngày 03... tháng 03... năm 2026.
Chủ trì bộ môn kỹ lợn:

Trần Minh Phụng

HỒ SƠ
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOÀN ẤP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP
HÀNG MỤC: MẶT ĐƯỜNG LĂNG NHỰA - CẦU KMO+300 VÀ CÔNG KMO+572
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP

NĂM 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ THI CÔNG: 38
THẨM TRA
Theo Văn bản số 01/KQTT-338
ngày 10 tháng 03 năm 2025
Trần Minh Phụng
DỰ ÁN: ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOÀN ẤP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A) XÃ NGŨ HIỆP
HÀNG MỤC: MẶT ĐƯỜNG LĂNG NHỰA - CẦU Kéo 300 VÀ CÔNG Kéo 572
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP

CƠ QUAN CHỦ ĐẦU TƯ
TRUNG TÂM CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG XÃ NGŨ HIỆP

CƠ QUAN LẬP BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THE PHÁT
Mỹ Phước Tây, Ngày 23 tháng 3 năm 2026
Giám Đốc

Nguyễn Thế Dươn

P. Mỹ Phước Tây, ngày ... tháng ... năm 2026

THUYẾT MINH THIỆT KẾ BẠN VỀ THI CÔNG

Dự án: ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOÀN AP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP

Hạng mục: MẶT ĐƯỜNG LĂNG NHŨA – CẦU KM0+300 VÀ CỘNG

KM0+572

Địa Điểm XD: XÃ NGŨ HIỆP – TỈNH ĐỒNG THÁP

I- CĂN CỨ LẬP THIẾT KẾ KỸ THUẬT :

- Căn cứ theo văn bản đề nghị của Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Ngũ Hiệp và đầu tư xây dựng công trình;

- Căn cứ hợp đồng kinh tế số: .../2026/HĐTV ngày ... tháng ... năm 2026 giữa Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Ngũ Hiệp và Công Ty TNHH TK & XD Thệ Phat về khảo sát thiết kế công trình;

- Căn cứ tài liệu khảo sát địa hình và hiện trạng tuyến do Công Ty TNHH TK & XD Thệ Phat thực hiện tháng ... năm 2026;

1- Các tiêu chuẩn áp dụng khảo sát:

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCDBVN
2	Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu	TCCS 41:2022/TCDBVN
3	Thông tư ngày 20/6/2001 của Tổng Cục Địa Chính về việc áp dụng Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN 2000	973/2001/TT-TCĐC
4	Quy phạm đo bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500, 1/1000, 1/2000, 1/5000 (phần ngoài trời)- Cục đo đạc bản đồ nhà nước	96TCN43-90
5	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao	QCVN11:2008/BTNMT
6	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng hệ tọa độ	TT-BTNMT-6/2009
7	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình.	TCVN 9398:2012
Yêu cầu chung		

2- Các tiêu chuẩn áp dụng và tham khảo trong thiết kế và thi công:

- Tiêu chuẩn khảo sát đường ô tô TCCS 31:2020/TCDBVN.

- Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế - TCVN 4054:2005

- Tiêu chuẩn thiết kế đường giao thông nông thôn, yêu cầu thiết kế TCVN 10380: 2014.

- Quy trình thi công và nghiệm thu công tác đất TCVN 4447-2012.

- Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 10380-2014 “ Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế”.

- Tiêu chuẩn thiết kế TCCS 38: 2022/TCDBVN Áo đường mềm các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.

- Tiêu chuẩn vai địa kỹ thuật trong xây dựng nền đường đắp trên đất yếu TCVN 9844 - 2013.

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8863-2025 Mặt đường láng nhựa nông thi công và nghiệm thu.

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8859: 2023 Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường – Thi công và nghiệm thu.

- Áo đường cứng – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế - 22 TCN 223 .1995

- Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế - TCVN10304:2014

- Tiêu chuẩn thiết kế cầu - TCVN 11823:2017

- Tiêu chuẩn thiết kế cầu (tham khảo) - 22TCN 272-05

- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu cầu và công TCCS: 05: 2012/TCDBVN.

- Quy trình quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng công : QCVN 07-2-2016/BXD

3- Quy mô thiết kế:

3.1- Phần đường giao thông

- Dầu công trình: Nối tiếp mặt đường BTCT rộng 3,5m, cuối công trình đường tính 864

- Chiều dài thiết kế: 1.247,68m – 64,52m= 1.183,16 mét

- Chiều rộng mặt đường: Bm= 3,5mét, độ dốc i = 2%

- Bấp đất lề đường rộng 0,75mét/bên, taluy 1/1,5, độ dốc i = 4%.

- Chiều rộng nền đường Bn= 5,0mét.

- Kết cấu mặt đường từ trên xuống như sau:

+ Mặt đường láng nhựa 2 lớp dày 2,5cm tiêu chuẩn 3kg/m²

+ Tưới nhựa lót bằng nhựa pha dầu tiêu chuẩn 1kg/m²

+ Cấp phối đá Dmax= 37,5mm dày 30cm, K≥0,98

+ Trãi vải địa kỹ thuật (không dệt) Rk≥ 12KN/m

+ Nền đường hiện hữu đắp đất (hoặc cát đen) và đảm nền đạt độ chặt K ≥ 0,95

- Cao độ hoàn thiện mặt đường: +1,80
- Modun đàn hồi Ech= 107 MPa
- Phạm vi GPMB tính từ chân taluy nền đường trung bình 6,50m
- Tải trọng thiết kế: 3,5tấn.
- Bỏ trí 1 điểm tranh xe : Km0+672
- + Diện tích điểm quay xe: 37,5m²
- + Khối lượng đắp nền: 18,38m³
- Điểm giới 1 : +1,92 Vạch bút xóa trên công hàng rào tường + lười B.40
- Điểm giới 2 : +2,01 Vạch bút xóa trên công Văn Hóa (gạch men)
- Cắm biển báo hiệu, biển chỉ dẫn giao thông chỉ tiết thể hiện trên bản vẽ bình đồ và bảng kê biển báo.

3.2- Cầu Km0+300

- Cầu thiết kế 3 nhịp dài: 6,0mét + 9,0mét + 6,0mét = 21,0mét.
- Mố cầu gia cố bằng cử tràm dài 4,7/cây, Øgốc (8÷10)cm, Øngon ≥3,5cm, mật độ gia cố 25cây/m²
- Trụ cầu BTCT hệ 8 cọc BTCT (30x30)cm dự kiến dài 17,8m/trụ T1&T2

- Mặt cầu BTCT rộng: 4,0mét, phần xe chạy 3,5mét bằng BTCT đổ tại chỗ, lan can bằng thép bản dày 8mm hàn bit đầu gia công tròn D=100mm và thép ống STK Ø27, Ø76, Ø90, Ø114.

- Kết cấu nhịp trên mặt cắt ngang gồm: hệ 6 dầm BTĐUL loại GTNT 1280 cho 1 nhịp 6,00mét, 1400 cho 1 nhịp 9,00mét
- Cao trình thiết kế dầm nhịp thông thuyền là +2,50 (thấp hơn cao độ dầm hiện hữu 0,23m)

- Tải trọng thiết kế: 3,5tấn.

- Tải tường hậu mố thiết kế sàn tiếp cận nhằm giảm lún cục bộ nền đường tại mố cầu. Sàn tiếp cận KT 3,00m x 4,10m dày 20cm bằng BTCT đá 1x2 M.250.

3.3- Công Km0+572 (Công tròn D=1000)

* Phần đề quay:

- Thiết kế đề quay số 1, đề quay số 2, đề quay số 3, vị trí thể hiện trên bình đồ.
- Cừ tràm gia cố đề quay dài 4,7/cây, Øgốc (8÷10)cm, Øngon ≥3,5cm, mật độ gia cố 10cây/md, cử đóng thành hai hàng giữa cừ.

- Chiều dài đề quay: 4,0mét + 4,8mét + 4,0mét = 12,8mét.

- Cao độ đầu cừ thiết kế đề quay 1,2,3: +1,20

* Phần công thoát nước:

- Chiều dài công: L=10,00mét, đường kính công D=1000

- Ong công BTLT loại H.10 – X60, gồm 04 đoạn mỗi đoạn dài 2,5m

- Cao độ đáy công: -0,50

- Cừ tràm gia cố móng công dài 4,7m/cây, Øgốc (8÷10)cm, Øngon ≥ 3,5cm, mật độ gia cố 25cây/m².
- Tổng chiều dài gia cố cửa công: 18,0mét. Cừ tràm gia cố cửa công, cử dài 6,0m/cây, Øgốc 12cm, Øngon ≥ 3,5cm, mật độ gia cố 14cây/md (đóng 2 hàng).

- Kết cấu công thoát nước:

- + Bê tông đá 1x2 M.200 dày 33cm

- + Bê tông lót móng công đá 1x2 M.150 dày 10cm

- + Cát đệm móng công dày 10cm

- + Cừ tràm Øgốc (8÷10)cm dài 4,7m/cây, mật độ gia cố 25cây/m²

4-Điều kiện tự nhiên và kỹ thuật:

a-Địa hình:

Đường Nghĩa Trang (Đoàn từ ấp Bình Chánh Tây – Bình Hòa A) là tuyến đường thông suốt từ DT.864 đến DT.868 là tuyến đường gom từ các đường nhánh như đường Kênh Xẻo Lã, đường phía Nam rạch Mù U và các đường liên xóm trong khu vực.

- Khi công trình được đầu tư xây dựng tuyến đường sẽ giúp thuận lợi trong việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương.

- Do đó, việc đầu tư xây dựng Đường Nghĩa Trang (Đoàn từ ấp Bình Chánh Tây – Bình Hòa A), xã Ngừ Hiệp là điều thiết thực cần được thực hiện. Góp phần đảm bảo giao thông luôn được thông suốt, thuận tiện cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa và đảm bảo giao an toàn cho người dân trong khu vực.

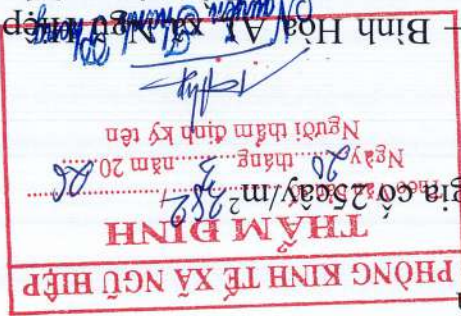
- Hiện trạng mặt đường đan bê tông cốt thép có chiều rộng 2m cao độ mặt đường trung bình +1,70. Mặt đường toàn bộ đã xuống cấp trầm trọng, nhiều ổ gà, mặt đường có nhiều vị trí cốt thép nằm trơ trên mặt đường, do mặt đường hẹp mật độ giao thông cao nên rất khó khăn cho người dân và các phương tiện khi đi trên tuyến.
- Đây là tuyến đường thông suốt từ DT.864 đến DT.868 là tuyến đường gom từ các đường nhánh như đường Kênh Xẻo Lã, đường phía Nam rạch Mù U và các đường liên xóm trong khu vực.

b. Điều kiện địa chất công trình:

Theo số liệu tham khảo về khảo sát của các công trình lân cận thì tình hình địa chất trong khu vực như sau:

- Lớp 1: Lớp sét màu nâu xám đến nâu, trắng thái thay đổi dần từ nửa cứng đến dẻo cứng, dày trung bình 1,40m.
- Lớp 2: Lớp sét màu nâu xám đến nâu đen, trắng thái thay đổi dần từ dẻo cứng đến dẻo mềm, dày trung bình 1,40m.

đeo mềm, dày trung bình 1,40m.



- Lớp 3: Lớp này nằm ở độ sâu 2,80m trở xuống tới 5m, chủ yếu là bùn sét màu xám xanh - xám xanh đen.

c- Hiện trạng đường:

- Bình đồ: Tuyến có nhiều đoạn cong, trên tuyến có nhiều ngã rẽ.
- Trắc dọc: Cao trình tự nhiên trung bình mặt đường: $+1,25 \div +1,74$
- Trắc ngang: Mặt đường có nền đường rộng trung bình 2m.
- Dọc theo tuyến có nhiều nhà cửa và ao mương.

II. THUYẾT MINH THIẾT KẾ XÂY DỰNG:

1- Vị trí công trình:

- Đầu công trình: Nơi tiếp mặt đường BTCT rộng 3,5m, cuối công trình đường tính 864
- Chiều dài thiết kế: $1.247,68\text{m} - 64,52\text{m} = 1.183,16\text{m}$

2-Thiết kế:

a- Thiết kế bình đồ tuyến:

- Tim tuyến mới cơ bản bám theo tìm đường hiện hữu.
- Kết quả thiết kế toàn tuyến có đoạn cong, một số vị trí chuyển đổi hướng và có góc chuyển hướng nhỏ, có bán kính đường cong nằm trong phạm vi cho phép.
- Trên tuyến có 02 điểm giới:
- Điểm giới 1: $+1,92$ Vách bốt xóa trên công hàng rào tường + lưới B.40
- Điểm giới 2: $+2,01$ vách bốt xóa trên công Văn Hóa (gạch men).

b- Thiết kế trắc dọc:

- Cao độ đường thiết kế : $+1,80$
- c- Thiết kế kết cấu mặt đường và trắc ngang:**
- Chiều rộng mặt đường: $B_m = 3,5\text{m}$, độ dốc $i = 2\%$
- Đập đất lề đường rộng $0,75\text{m}$ /bên, taluy $1/1,5$, độ dốc $i = 4\%$.
- Chiều rộng nền đường $B_n = 5,0\text{m}$.
- Kết cấu mặt đường từ trên xuống như sau:

- + Mặt đường láng nhựa 2 lớp dày 2,5cm tiêu chuẩn 3kg/m^2
- + Tưới nhựa lót bằng nhựa pha dầu tiêu chuẩn 1kg/m^2
- + Cấp phối đá $D_{\text{max}} = 37,5\text{mm}$ dày 30cm, $K \geq 0,98$
- + Trãi vải địa kỹ thuật (không dệt) $RK \geq 12\text{KN/m}$
- + Nền đường hiện hữu đắp đất (hoặc cát đen) và đảm bảo nền đất độ chặt $K \geq 0,95$

III- CÔNG NGHỆ THI CÔNG:

1. Công nghệ thi công mặt đường:

- Phát hoang dọn dẹp mặt bằng thi công, bằng máy ủi công suất: 110 cv

- Cần cầu bánh xích - sức nâng: 10T tháo dỡ tấm đan đường hiện hữu.
- Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu: $0,80\text{m}^3$ đào nền đường (tận dụng 75% đất đào đắp lề và lấp mương)
- Đập đất lấp mương bằng đầm dật cầm tay 70kg, độ chặt $K \geq 0,85$
- Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu: $0,80\text{m}^3$ đào nền đường (tận dụng 75% đất đào đắp lề và lấp mương)
- Đập đất lề đường bằng đầm dật cầm tay 70kg, độ chặt $K \geq 0,9$
- Đập cát nền đường bằng máy lu 9T, độ chặt $K \geq 0,95$.
- Trãi vải địa kỹ thuật loại không dệt có cường độ chịu kéo $RK = 12\text{KN/m}$
- Trãi lớp 1: Móng cấp phối đá $D_{\text{max}} = 37,5\text{mm}$ dày 15cm, đảm bảo độ chặt $K = 0,98$
- Trãi lớp 2: Móng cấp phối đá $D_{\text{max}} = 37,5\text{mm}$ dày 15cm, đảm bảo độ chặt $K = 0,98$
- Vệ sinh mặt đường.
- Tưới nhựa lót bằng nhựa pha dầu, tiêu chuẩn 1kg/m^2
- Tưới nhựa láng mặt đường 2 lớp dày 2,5cm tiêu chuẩn 3kg/m^2
- Lu bảo dưỡng mặt đường sau khi láng nhựa.
- Cam biến báo hiệu giao thông, chỉ tiết thể hiện trên bình đồ thiết kế.

2. Công nghệ thi công cầu: (Đường dây điện trung thế phía trên nên trong quá trình đóng cọc phải liên hệ điện lực để xin ngưng cấp điện nhằm đảm bảo an toàn)

- Phá dỡ cầu hiện hữu: Phá dỡ kết cấu BTCT mặt cầu, dầm ngang, trụ, móng cầu và lan can hiện hữu
- Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu: $0,80\text{m}^3$ - Đóng cọc ván thép (củ Larsen) trên cần, Nhỏ cọc ván thép để quay.
- Đào đất thi công móng cầu
- Đắp đất hoàn trả khối lượng đào

- Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu: $0,50\text{m}^3$ - Đóng cọc tràm gia cố móng
- Bê tông lót móng móng cầu đá 2×4 , vừa bê tông mác 150.
- Gia công cốt thép.
- Ván khuôn gỗ móng móng cầu.
- Bê tông móng cầu trên cần đá 1×2 , vừa bê tông mác 300.
- Bê tông gối cầu đá mi, vừa bê tông mác 300.
- Bê tông lót sàn tiếp cần đá 2×4 , vừa bê tông mác 150.
- Ván khuôn gỗ sàn tiếp cần.
- Gia công cốt thép tiếp cần.
- Bê tông sàn tiếp cần đá 1×2 , vừa BT mác 250 dày 20cm



- Xây móng bằng đá học, vữa XM mác 100 (Gói dờ sàn tiếp cận)
 - Vận chuyển đầm 1400 dài 9m đến công trình (60km).
 - Lắp đặt gối cao su gối cầu.
 - Lắp đầm bê tông cốt thép DUL 1280,1400, cho nhíp dài 6mét và 9mét
 - Gia công cốt thép lan can, khe co giãn.
 - Ván khuôn gỗ mặt cầu.
 - Bê tông mặt cầu và đầm ngang đá 1x2, vữa bê tông mác 300.
 - Bê tông nhựa carboncor dày trung bình 3cm bảo vệ mặt cầu
 - Chết khe nối bằng dây thừng tấm nhựa.
 - Sơn lan can cầu.
 - Phải bảo dưỡng bê tông theo quy định.
 - Tháo dỡ tấm đan đường hiện hữu bằng cần cầu bánh xích - sức nâng: 10 t.
 - Cần cầu bánh xích - sức nâng: 10t tháo dỡ tấm đan đường hiện hữu.
 - Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu: 0,80m³ đào đất nền đường tận dụng 75% đắp đất lề đường.
 - Máy đầm đất cầm tay - trọng lượng: 70kg đắp đất lề đường (K=0,90) tính đất mua.
 - Máy lu bánh thép tự hành - trọng lượng tính: 8,5t ÷ 9t đắp đất nền đường (K=0,95).
 - Vận chuyển đất, cát bằng ô tô từ đở 7 tấn trong phạm vi ≤ 1000m
 - Trải nilon ngăn cách (tránh mất nước bê tông).
 - Gia công cốt thép.
 - Ván khuôn mặt đường.
 - Bê tông mặt đường đá 1x2, vữa bê tông mác 250.
 - Cát mặt đường tạo khe co giãn
 - Thi công cọc tiêu bê tông cốt thép 0,12x0,12x1,025m
- ### 3.Công nghệ thi công Công
- Đóng cừ tràm Ø(8÷10)cm, dài 4,7m giữa cở dề quay bằng máy đào 0,50 m3, mật độ đóng 10cây/md. Bước thép đầu cừ. Trải tấm béc sọc nilon vào khung cừ giữa cở dề quay.
 - Đập đất dề quay.
 - Đào phá dề quay hoàn trả lại hiện trạng.
 - Đào móng công bằng máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu: 0,40 m3.
 - Đóng cừ tràm Ø(8÷10)cm, Øngon ≥3,5cm dài 4,7m giữa cở móng công, mật độ đóng 25cây/m². Vết đất đầu cừ (vết sâu 10cm). Đem cát đầu cừ (dày 10cm). Bê tông lót móng công đá 1x2, vữa bê tông mác 150.

TCVN7495:2005 (ASTM D5)	Phụ lục II	TCVN7497:2005 (ASTM D36)	TCVN8818-5:2011 (ASTM D2171)	TCVN7496:2005 (ASTM D113)	TCVN7503:2005 (DIN 52015)	TCVN7498:2005 (ASTM D92)	TCVN7500:2005 (ASTM D2042)	TCVN7501:2005	1.00÷1.05	99.0	232	2.2	100	180	46	-1.5÷1.0	60-70	TCVN7495:2005 (ASTM D5)	Phụ lục II	TCVN7497:2005 (ASTM D36)	TCVN8818-5:2011 (ASTM D2171)	TCVN7496:2005 (ASTM D113)	TCVN7503:2005 (DIN 52015)	TCVN7498:2005 (ASTM D92)	TCVN7500:2005 (ASTM D2042)	TCVN7501:2005	
Phương pháp thử	Mác nhựa đường theo độ kim lún	THẨM ĐỊNH Tên chỉ tiêu 382 Theo Văn bản số 80 tháng 6 năm 2025 Người thẩm định ký tên Nguyễn Thanh Hoàng																	1. Độ kim lún ở 25°C, 0.1 mm	2. Chỉ số độ kim lún PI	3. Điểm hóa mềm (dùng cụ vòng và bi), °C, không nhỏ hơn	4. Độ nhớt động lực ở 60°C, Pa.s, không nhỏ hơn	5. Độ kéo dài ở 25°C, 5cm/phút, cm, không nhỏ hơn	6. Hàm lượng paraffin, %, không lớn hơn	7. Điểm chớp cháy (cốc mở Cleveland), °C, không nhỏ hơn	8. Độ hòa tan trong Tricloetylen, %, không nhỏ hơn	9. Khối lượng riêng ở 25°C, g/cm³

PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP
THAM ĐỊNH
Theo Văn bản số 382/ năm 2028
Ngày... tháng... năm 2028
Người tham định ký tên

trưởng Bộ GTVT)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2014/TT-BGTVT ngày 28/7/2014 của Bộ

IV- YÊU CẦU VẬT LIỆU:

1- Nhựa đường.

- Nhựa đường dùng để thi công lớp láng nhựa nóng loại nhựa đặc gốc dầu mỏ có độ kim lún 60/70 nầu đến nhiệt độ 160°C khi tươi.
- Nhựa đường để tươi thấm bảm là loại nhựa lỏng (hoặc nhũ tương) có độ đông đặc trung bình MC70 hoặc MC30.
- Nhựa sử dụng để thi công công trình được kiểm tra theo các tiêu chuẩn trong khung tiêu chuẩn trên và phải kết hợp theo Thông tư số 27/2014/TT-BGTVT quy định về quản lý chất lượng vật liệu nhựa đường sử dụng trong xây dựng công trình giao thông.
- Quy định kỹ thuật đối với nhựa đường dùng trong xây dựng công trình giao thông

10. Các chỉ tiêu thí nghiệm trên mẫu nhựa sau khi thí nghiệm TFOT (Thin film oven test)	ASTM D1754	Chế bị mẫu theo ASTM D1754
10.1. Tồn thất khối lượng, %, không lớn hơn	0.8	ASTM D1754
10.2. Tỷ lệ độ kim lún còn lại so với độ kim lún ban đầu ở 25 ⁰ C, %, không nhỏ hơn	54	TCVN7495:2005 (ASTM D113)
10.3. Độ kéo dài ở 25 ⁰ C, 5cm/phút, cm, không nhỏ hơn	50	TCVN7496:2005 (ASTM D113)
11. Độ dính bám với đá, không nhỏ hơn	Cấp 3	TCVN 7504:2005

- Đá nhỏ dùng trong lớp láng nhựa phải được xay ra từ đá tảng, đá nui. Có thể dùng cuối sỏi xay, trong đó phải có trên 85% khối lượng hạt nằm trên sàng 4,75mm có ít nhất hai mặt vỡ, và không quá 10% khối lượng là cuối sỏi gốc silic.

- Không được dùng đá xay từ đá mac-no, sa thạch sét, điệp thạch sét.

- Các chỉ tiêu cơ lý theo (Bảng 2 - Các chỉ tiêu cơ lý quy định cho đá nhỏ dùng

trong lớp láng nhựa nóng) và (Bảng 3 - Các loại kích cỡ đá nhỏ (theo lỗ sàng vuông)

dùng trong các lớp láng nhựa nóng)

V. CÔNG TÁC ĐAM BẢO GIAO THÔNG, PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY, AN

TOÀN LAO ĐỘNG:

Bộ trí hệ thống biển, tín hiệu đèn giao thông phải tuân theo quy định của Quy chuẩn

kỹ thuật Quốc gia về Bảo hiệu đường bộ: QCVN 41 : 2024/BGTVT.

Việc điều khiển và bộ trí dam bảo giao thông khu vực thi công phải được kiểm tra

và duy trì xuyên xuyên cả ngày lẫn đêm.

Để dam bảo an toàn giao thông, hệ thống cọc tiêu và biển báo, biển chỉ dẫn và hàng

rào công trường sẽ bố trí ở vị trí cần thiết dọc theo khu vực thi công.

1. Các yêu cầu chung:

- Trong quá trình thực hiện Công trường Nhà thầu phải dam bảo cho giao thông

thông suốt.

- Nhà thầu phải dam bảo trên toàn bộ chiều dài các khu vực thi công dự án trong

điều kiện giao thông an toàn. Phải cung cấp và duy trì thiết bị và dịch vụ điều khiển giao

thông ở trong và ngoài khu vực dự án

- Trước khi bắt đầu các hoạt động xây dựng, Nhà thầu phải dựng biển báo, thanh

chắn, và các thiết bị điều khiển giao thông khác như theo yêu cầu của các kế hoạch, tiêu

chuẩn Kỹ thuật hoặc được Tư vấn hướng dẫn.

- Hàng rào tạm phải được làm để bảo vệ khu vực công trình thi công và dam bảo an

toàn giao thông hoặc các toà nhà và tại các vị trí được Tư vấn hướng dẫn.

- Ngoài giờ làm việc và trong khi hoàn thiện các công việc thi công cụ thể tiếp theo, tất cả biển báo, trừ những cái cần dùng cho an toàn công cộng, phải được bỏ đi hoặc bọc kín lại bằng thép hoặc tấm gỗ vụn sao cho không nhìn thấy được.

- Tầm phản quang trên biển hiệu, thanh, chắn, và các thiết bị khác phải được giữ sạch sẽ. Mọi vết xước, xé toạc, và rách trong biển hiệu phải được Nhà thầu sửa chữa kịp thời. Phải duy trì tính phản quang đối với các biển hiệu.

- Các hoạt động ban đêm phải được rời sáng bằng hệ thống chiếu sáng do Tư vấn chấp thuận. Hệ thống chiếu sáng phải được đặt và hoạt động không được gây chói cho giao thông công cộng. Đèn nóng sáng “sỏi đốt” không được phép sử dụng.

a. Điều kiện giao thông:

- Để tạo điều kiện cho giao thông đi qua hoặc quanh Công trình, hoặc bất kỳ chỗ

nào do Tư vấn chỉ ra, Nhà thầu phải dựng và duy trì tại các điểm qui định trên Công

trường và tại các đường dẫn, biển báo giao thông, đèn , thanh chắn, đèn giao thông và

các phương tiện khác khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của Tư vấn

- Khi cần thiết để điều khiển giao thông phù hợp hoặc khi nơi được Tư vấn hướng

dẫn thì Nhà thầu phải có mặt và tại vị trí cần điều khiển hoặc kiểm soát giao thông.

b. Vật liệu dùng cho thiết bị điều khiển giao thông:

Vật liệu dùng cho các thiết bị điều khiển giao thông phải tuân theo các yêu cầu

nêu dưới đây và như qui định trong Hợp đồng.

- Vật liệu phản quang : Trừ khi có quy định khác trong hợp đồng, các biển báo, cột

tiêu, barie chắn, rào chắn phải được phủ một lớp sơn phản quang để đảm bảo tính an

- Biển báo: Biển báo phải tuân theo các quy định trên.

2. Dam bảo về sinh môi trường:

Ngoài việc thực hiện đầy đủ luật bảo vệ môi trường cũng như các qui định bảo vệ

môi trường khu vực xây dựng, cụ thể cần dam bảo các yêu cầu tối thiểu về :

- Dam bảo các thiết bị tại công trường có mức gây ồn, rung đạt mức cho phép

bảo vệ các chỉ số an toàn giao thông đúng theo qui định.

- Chỉ vận hành các thiết bị được bảo dưỡng tốt ngoài hiện trường.

- Không để vật liệu xây dựng rơi vãi trên đường, dam bảo thoát nước.

- Để giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm không khí do hoạt động khai thác và chuyên chở

nguyên vật liệu hạn chế tối đa việc làm rơi vãi vật liệu, các xe chuyên chở vật liệu phải

có bạt che kín.

- Vật tư thi công phải có phiếu kiểm nghiệm, mẫu thử và được sự đồng ý của tư vấn

giám sát mới được tiến hành thi công

VI- PHỤ LỤC TÍNH TOÁN KẾT CẤU AO BƯỞNG

BẢNG TÍNH KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG									
Theo quy trình TCCS 38 - 2022: Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế									
Đường trình: ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOẠN ÁP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP									
I. TÍNH SỐ TRỤC XE TÍNH TOÀN:									
- Tải trọng trục tính toán tiêu chuẩn P_{tt} (kN):									
- Tính N_{tt} để thiết kế kết cấu:									
- Số làn xe thiết kế n_{lan} (lan):									
- Giải phân cách giữa:									
- Hệ số phân phối số trục xe tính toán trên mỗi làn xe $f_L =$									
II. TÍNH KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG:									
II.1. Số liệu chung:									
- Đối tượng tính toán:									
- Loại đường:									
- Loại tầng mặt thiết kế:									
- Độ tin cậy thiết kế:									
- Thời hạn thiết kế t (năm):									
- Số trục xe tính toán N_{tt} (trục/làn.ngày đêm):									
- Tỷ lệ tăng trưởng trung bình năm q (%):									
II.2. Nền đường:									
- Đất, cát nền đường:									
- Module đàn hồi E_0 (MPa):									
- Lực dính C (MPa):									
- Góc ma sát ϕ (độ):									
II.3 Tải trọng:									
- Tải trọng tác dụng:									
- Tải trọng trục tính toán tiêu chuẩn P (kN):									
- Áp lực tính toán lên mặt đường p (MPa):									
- Đường kính vết bánh xe D (cm):									
II.4. Xác định module đàn hồi yêu cầu E_{yc} :									
- Tra bảng 9, mặt đường Cấp cao A2, Đường cấp IV ta được:									
$E_{yc} =$ 91 (MPa)									
- Tra bảng 10, mặt đường Cấp cao A2, Đường cấp IV ta được:									
ta được module đàn hồi tối thiểu:									
$E_{yc\ min} =$ 100 (MPa)									
- Module đàn hồi yêu cầu dùng để tính toán:									
$E_{tt} =$ 100 (MPa)									
II.5. Kết cấu áo đường:									
Tông số lớp áo đường:									
lớp									
Bảng 3: Bảng các lớp kết cấu áo đường									
STT	Lớp vật liệu (từ trên xuống)	H (cm)	E_v (MPa)	E_{tr} (MPa)	E_{ku} (MPa)	R_{ku} (MPa)	C	ϕ (độ)	
1	Cấp phối đa dam loại 2	30	250	250	250	0	0	0	
2	Nền cát	0	35	35	0	0	0	0	

(Mô đun đàn hồi của các lớp vật liệu đang lấy theo giá trị tham khảo trong tiêu chuẩn để tính toán, sau khi có kết quả thí nghiệm thực tế tại hiện trường sẽ tiến hành kiểm toán lại để đảm bảo các thành phần vật liệu thiết kế dùng cho mỗi lớp kết cấu là tương thích với trị số các thông số thiết kế được đưa vào tính toán cường độ của kết cấu áo đường như quy định trong TCCS 38-2022)

III. KIỂM TOÀN:									
III.1. Kiểm tra tiêu chuẩn độ võng đàn hồi đối với kết cấu áo đường:									
a. Quy đổi về hệ 2 lớp:									
Việc quy đổi từ 2 lớp một từ dưới lên được thực hiện theo công thức sau:									
$E_{tb} = E_1 \cdot [(1+k \cdot t^{1/3}) / (1+k)]^3$ (Điều 9.2.4)									
Trong đó: $k = h_2/h_1$; $t = E_2/E_1$									
$h_{tb} = h_1 + h_2$									
Kết quả tính đổi thể hiện ở bảng sau:									
STT	Lớp vật liệu (từ trên xuống)	E_v (MPa)	$t = E_2/E_1$	h (cm)	$k = h_2/h_1$	H_{tb} (cm)	E_{tb} (MPa)		
1	Cấp phối đa dam loại 2	250	1,000	30	0,000	30	250		
2	Nền cát	35	0,00	0	0,00	0	250		
b. Tính $E_{ch,dc}$:									
H/D									
Tra bảng 11, hệ số điều chỉnh β :									
$\beta =$ 1,089									
Từ bảng kết quả tính đổi trên, ta có:									
$E_{tb} =$									
Module đàn hồi trung bình điều chỉnh dùng để tính toán:									
Vây kết cấu nhiều lớp được đưa về hệ 2 lớp, với lớp trên:									
- Chiều dày:									
- Module đàn hồi trung bình:									
c. Tính $E_{ch,m}$ của kết cấu:									
E_1									
$= E_{tb} =$									
E_0/E_1									
H/D=									
Tra toán đồ hình 2 tại điều 9.2.3, với các thông số H/D và E_0/E_1 ở trên, ta xác định được:									
$E_{ch,m}/E_1 =$ 0,396									
Module đàn hồi chung của kết cấu:									
$E_{ch,m} =$ 107,81 (MPa)									
d. Kiểm tra điều kiện về độ võng đàn hồi:									
Độ tin cậy thiết kế $=$ 0,9									
Tra bảng 8 được hệ số cường độ về độ võng:									
$K_{dv} =$ 1,06									
$K_{dv} * E_{yc} =$									
106 (MPa)									
$E_{ch,m} =$ 107,81 (MPa)									
$E_{ch,m} > K_{dv} * E_{yc} =$									
106 (MPa)									
Kết luận: Kết cấu đảm bảo tiêu chuẩn về độ võng đàn hồi									

PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 382/SL
Ngày tháng năm 20...
Người thẩm định ký tên
Nguyễn Thanh Hoàng

VII- QUY TRÌNH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

I/ Giới thiệu chung về công trình:

- Công trình giao thông, cấp IV, loại C
- Địa điểm: xã Ngừ Hiệp – Tỉnh Đồng Tháp
- Chủ đầu tư: Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Ngừ Hiệp.

2/ Căn cứ pháp lý để thực hiện công tác bảo trì công trình:

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư 37/2018/TT-BGTVT quy định về quản lý vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành.

3/ Nội dung, trình tự thực hiện công tác vận hành, bảo trì công trình:

3.1 Thời hạn sử dụng mặt đường:

Thời gian sửa chữa định kỳ kết cấu áo đường bao gồm sửa chữa vừa (trung tu) và sửa chữa lớn (đài tu) được xác định theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế; hoặc theo quy trình bảo trì được phê duyệt; hoặc được xác định trên cơ sở kết quả kiểm tra, đánh giá tình trạng hư hỏng, xuống cấp mặt đường. Đối với dự án này Tư vấn đề xuất thời hạn sửa chữa mặt đường tham khảo tại Phụ lục 3 Thông tư 41/2021/TT ngày 31/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải như sau:

PHỤ LỤC III

THỜI GIAN SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Loại tầng mặt ao đường (trên nền, móng đường; trên mặt cầu, đỉnh cống và trong hầm)	Sửa chữa lớn	Sửa chữa vừa
Bề tông nhựa	15	5
Bê tông xi măng	12	4
Đá dăm trộn nhựa	10	4
Đá dăm	5	3
Cấp phối	5	3
Bề tông xi măng	25	8

Trường hợp công trình hư hỏng xuống cấp không cấp không đảm bảo an toàn cho khai thác sử dụng trước khi đến thời hạn sửa chữa định kỳ, các chủ thể liên quan qua trình vận hành

khai thác bảo trì công trình đường bộ phải tổ chức kiểm tra, khảo sát đánh giá và kiểm định (nếu cần) để xác định nguyên nhân và đề xuất biện pháp khắc phục kịp thời.

3.2 Nội dung bảo trì công trình

Bảo trì công trình đường bộ là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình đường bộ theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác, sử dụng. Nội dung bảo trì công trình đường bộ đối với dự án này bao gồm các công việc chủ yếu như sau:

1. Kiểm tra công trình đường bộ: Việc kiểm tra có thể bằng trực quan hoặc bằng thiết bị chuyên dụng; kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất nhằm phát hiện các dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình làm cơ sở cho việc bảo trì công trình.

2. Bảo dưỡng công trình đường bộ được thực hiện theo kế hoạch bảo trì hàng năm và quy trình bảo trì công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Sửa chữa công trình đường bộ là các hoạt động khác phục hư hỏng của công trình được phát hiện trong quá trình khai thác, sử dụng nhằm đảm bảo sự làm việc bình thường, an toàn của công trình đường bộ. Sửa chữa công trình đường bộ bao gồm:

a) Sửa chữa định kỳ công trình đường bộ bao gồm sửa chữa hư hỏng hoặc thay thế bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình bị hư hỏng được thực hiện định kỳ theo quy định của quy trình bảo trì;

b) Sửa chữa đột xuất công trình đường bộ được thực hiện khi bộ phận công trình, công trình bị hư hỏng do chịu tác động đột xuất như gió, bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy và những tác động đột xuất khác hoặc khi bộ phận công trình không thể vận hành bình thường.

3.3 Chỉ dẫn kỹ thuật bảo trì sửa chữa

a) Bảo trì nền đường, lề đường

- Nền đường phải đảm bảo kích thước hình học, thoát nước tốt. Phát cây, cắt cỏ, tỉa cành thường xuyên, đảm bảo tầm nhìn và mỹ quan hai bên đường với tần suất ít nhất 1 lần/năm. Lề đường phải đảm bảo luôn bằng phẳng, ổn định, có độ dốc thoát nước tốt. Phàm vi gần mép mặt đường không được để lồi lõm, đọng nước trên lề đường hoặc dọc theo mép mặt đường. các công việc cơ bản:

- Đáp phụ lê: khi lê đường bị xói thấp hơn 5cm, phải đắp phụ lê bằng cấp phối đất tốt, cấp phối sỏi sạn ... san gát tạo bằng phẳng, độ dốc ngang 4-6%, đảm chặt theo thiết kế.

- Vết đất lê đường hay bất lê đường: khi lê đường có đất, cỏ, rác lảng đọng, cao hơn mặt đường, không đảm bảo độ dốc thoát nước ngang phải cắt cỏ bậc đất lê đảm bảo độ bằng phẳng và độ dốc ngang theo quy định 4-6%.

b) Bảo trì mặt đường láng nhựa

- Bảo trì mặt đường láng nhựa bao gồm các công việc chính: vệ sinh mặt đường, và ô lom cục bộ và láng nhựa lại các vị trí bong tróc, mài mòn nhằm đảm bảo độ phẳng, gá, sửa chữa vết nứt (dọc, ngang, rạn mai rùa), xử lý chảy nhựa/dồn nhựa, khắc phục lún

+ Vệ sinh: Dọn dẹp sạch sẽ mặt đường bằng máy nén khí, chổi quét.

+ Và ô gá: Xử lý các vị trí vỡ mép, ổ gà, lún lõm cục bộ hoặc lún trôi.

+ Xử lý nứt: Trám vết nứt (nứt dọc, nứt ngang, nứt rạn mai rùa, nứt parabol) với quy mô nhỏ.

+ Chống chảy nhựa: Xử lý các chỗ nhựa bị chảy, thừa nhựa hoặc dồn nhựa.

+ Sửa chỗ bong tróc: Và các vị trí mặt đường bị mài mòn hoặc bong bất lớp nhựa, xử lý sinh lún.

- Sửa chữa định kỳ (láng nhựa lại):

+ Láng lại lớp nhựa mới (có thể kết hợp rải địa kỹ thuật) để chống thấm, tăng nhằm và độ bền.

+ Bù vênh, tạo phẳng các đoạn mặt đường hư hỏng mức độ nhẹ và vừa.

b) Bảo trì cầu đường bộ

Công tác bảo dưỡng thường xuyên cầu là các hoạt động nhằm khắc phục kịp thời những hư hỏng của các bộ phận kết cấu công trình trực tiếp ảnh hưởng đến an toàn công trình và an toàn giao thông ít nhất 1 lần/năm.

- Mặt cầu và hệ thống thoát trên mặt cầu cần được vệ sinh thường xuyên. Các ống thoát nước bị hư hỏng phải được thay thế ngay khi được phát hiện.

- Sơn hoặc quét vôi lại lan can cầu tùy thuộc vào loại kết cấu của lan can. Tần suất thực hiện phụ thuộc kế hoạch được phê duyệt với điều kiện hợp đồng, có thể là mỗi năm một lần hoặc 2÷3 năm/1 lần.

- Sửa chữa nhỏ các hư hỏng của lớp phủ mặt cầu bao gồm: Ô gà, lún trôi bê tông nhựa, lún vết bánh xe, bong bất, bong tróc trong phạm vi hẹp theo nội dung sửa chữa đường.

- Bảo dưỡng thường xuyên mặt cầu bằng BTCT bao gồm các hoạt động sửa chữa các hư hỏng nhỏ dạng nứt vỡ hay sửa chữa khe co giãn tương tự như đối với loại mặt đường.

+ Bảo dưỡng thường xuyên các khe co giãn cầu theo trình tự:

+ Dọn sạch vật cứng rơi vào khe co giãn bằng phương pháp thích hợp;

+ Vệ sinh sạch sẽ các khe co và khe giãn;

- Bảo dưỡng thường xuyên đầm cầu BTCT DUL: Làm sạch các vị trí mà bê tông bề mặt của đầm bị lão hóa hoặc bị rêu mốc do nước thấm hoặc do môi trường, quét chất chống thấm hoặc vừa xi măng để bảo vệ.

- Quét vừa xi măng tại các vị trí xuất hiện vết nứt đầm nhỏ ($0,2\text{ mm} \leq D \leq 0,3\text{ mm}$). Nếu vết nứt có chiều rộng lớn hơn, xem xét sửa chữa vết nứt bằng phương pháp và sử dụng vật liệu riêng và phải dán “tem” bằng thạch cao hoặc vừa xi măng để theo dõi:

+ Làm sạch và trải lại như hình dạng ban đầu các vị trí bê tông bị hư hỏng và khuyết tật bằng vừa xi măng hoặc sử dụng loại vật liệu phù hợp;

+ Những vị trí cốt thép trong bê tông bị hở ra và bị rỉ thì phải đánh sạch rỉ và trải bằng chiều dày của lớp bảo vệ ban đầu. Có thể dùng keo gốc Epoxy có pha với xi măng (tỷ lệ theo nhà sản xuất quy định) hoặc sử dụng loại vật liệu thích hợp để sửa chữa;

+ Dầm cầu bằng kết cấu BTCT-DUL nếu có vết nứt thì phải dán “tem”, hoặc một phương pháp thích hợp để theo dõi.

- Bảo dưỡng thường xuyên gói cầu: Vệ sinh mặt gói cầu và bôi mỡ toàn bộ gói cầu đối với gói cầu bằng thép. Tần suất thực hiện tùy theo kế hoạch được giao hay theo điều kiện hợp đồng, khuyến cáo thực hiện ít nhất 1 lần/năm.

- Bảo dưỡng thường xuyên mô cầu bao gồm các hoạt động:

+ Vệ sinh bề mặt đỉnh mô cầu;

+ Trát và các chỗ nứt vỡ, bung mạch vữa xây cục bộ của mô cầu và 1/4 nón bằng vữa xi măng mác 100;

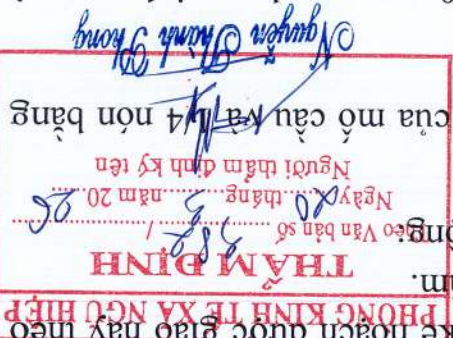
+ Phát quang cây cỏ phần tường mô, trên 1/4 nón và 20 m trong phạm vi tường và hạ lưu cầu.

+ Thanh thải dòng chảy dưới cầu, gỡ cây trôi mắc vào mô cầu;

+ Sửa chữa bậc lên xuống cầu và sơn chống rỉ các thang kiểm tra cầu.

c) Bảo trì công thoát nước

Thông công khi các công bị tắc hay trước mùa mưa ít nhất 1 lần/năm.



- Nào vết đất, đá lảng đọng trong hố thu, hố ga, trong lòng cống và hạ lưu cống định kỳ một năm một lần.

- Đất đã được vận chuyển đến vị trí đổ thích hợp, tránh để trên mặt, lề đường hay thành hố thu nước sẽ bị nước cuốn trôi lại cống khi trời mưa.

- Thanh thải dòng chảy thường lưu và hạ lưu cống theo trình tự:

+ Nào vết đất, cát lảng đọng trong dòng chảy;

+ Phát quang cây, cỏ ở hai bên dòng chảy, hai đầu cống đảm bảo thu thoát nước tốt;

+ Vận chuyển đất, cát nào vết và cây cỏ đến vị trí đổ quy định.

d) Bảo trì hệ thống bảo hiệu đường bộ

Bảo dưỡng thường xuyên hệ thống bảo hiệu đường bộ đảm bảo luôn sáng, sạch sẽ, các ký hiệu rõ ràng, không bị mờ bẩn... đảm bảo nguyên trạng theo thiết kế ban đầu ít nhất 1 lần/năm.

- Công tác bảo trì hệ thống bảo hiệu bao gồm:

+ Sơn biển báo (cột và mặt sau của biển), 1-3 năm/lần tùy thuộc vào điều kiện thực tế hoặc điều kiện hợp đồng.

+ Sơn hoặc dán lại lớp phản quang (TCVN 7887:2018) trên bề mặt biển báo bị hư hỏng.

+ Thay thế, bổ sung biển báo bị gãy, mất.

+ Nắn chỉnh, tu sửa các biển báo bị cong, vênh; dựng lại các biển báo bị nghiêng lệch cho ngay ngắn, đúng vị trí và vệ sinh bề mặt bảo đảm sáng sủa, rõ ràng.

+ Phát cây, thu dọn các chướng ngại vật không để che lấp biển báo.

3.4 Khiếu nại công tác sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên

Khiếu nại công tác bảo dưỡng thường xuyên tham khảo theo Quyết định 3409/QĐ-BGTVT ngày 08/09/2014 của Bộ Giao thông vận tải và tùy thuộc vào điều kiện của hợp đồng.

4/ Kết luận

- Công tác vận hành, bảo trì công trình giao thông là quan trọng và cần thiết đối với tất cả các công trình hiện nay. Cơ quan quản lý có trách nhiệm kiểm tra, đơn đốc thực hiện, đơn vị sử dụng công trình, có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, thực hiện đầy đủ các hướng dẫn vận hành, kỹ thuật sử dụng, bảo trì công trình được lập.

VIII- YÊU CẦU KỸ THUẬT THI CÔNG

- Giải phóng mặt bằng:

+ Phạm vi GPMB phục vụ thi công rộng trung bình 6,50mét (tính từ chân taluy nền đường)

+ Chính quyền địa phương chịu trách nhiệm vận động nhân dân hiến đất, giải phóng mặt bằng, tự chặt phá cây cối, tháo dỡ mái che, nhà cửa, tất cả các vật kiến trúc trong phạm vi giải tỏa để tạo mặt bằng thi công mà không có kinh phí bồi thường.

+ Nhà nước hỗ trợ chi phí di dời trụ điện, ống cấp thoát nước nằm trong phạm vi GPMB đơn gia theo quy định hiện hành.

+ Chính quyền địa phương chịu trách nhiệm GPMB và bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công trước khi triển khai thi công công trình.

- Yêu cầu kỹ thuật thi công:

- Biên pháp thi công: Thu công kết hợp với cơ giới.

- Vật tư thi công phải có phiếu kiểm nghiệm, mẫu thử và được sự đồng ý của tư vấn giám sát mới được tiến hành thi công.

- Khi thi công phải có biện pháp và phương án sao cho không ảnh hưởng đến sự thông xe trên tuyến, nếu gặp trở ngại phải kịp thời báo với chủ đầu tư để kịp giải quyết.

- Phải tiến hành nghiệm thu từng giai đoạn mới được thi công tiếp.

- Trước khi thi công, phải tiến hành dọn cỏ, bóc gốc cây, trường hợp đáp ao mương phải tiến hành vét bùn và bóc đất hữu cơ.

- An toàn giao thông khi thi công:

+ Đảm bảo an toàn giao thông khi thi công công trình phải tuân thủ nghiêm ngặt **QCVN 18:2021/BXD** (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng) và các quy định về thi công trên đường bộ đang khai thác. Nhà thầu cần lắp biển báo, rào chắn, vệ sinh công trường và có phương án điều tiết giao thông xuyên suốt.

+ Hướng dẫn tổ chức giao thông, lắp đặt biển báo và giới hạn tốc độ tại khu vực thi công theo tiêu chuẩn **TCCS 14-2016**

+ Trong quá trình thi công phải đảm bảo an toàn công cộng, đơn vị thi công phải thực hiện theo quy định số: 04/2006/QĐ-BGTVT của Bộ Transport Bộ Giao Thông Vận Tải ngày 09 tháng 01 năm 2006 về việc quyết định thi công công trình trên đường bộ đang khai thác.

- An toàn lao động:

+ Đơn vị thi công đảm bảo quyền lợi của người lao động theo bộ luật lao động, pháp lệnh về bảo hộ lao động, điều lệ bảo hiểm xã hội và có trách nhiệm mua bảo hiểm tai nạn đối với người lao động.

+ Mọi công nhân đi làm đều được trang bị đầy đủ các dụng cụ, trang bị phòng hộ lao động, như mũ, quần áo, giày, ủng, găng tay, dây an toàn trước khi vào công trường.

- Bảo vệ môi trường:

+ Đơn vị thi công chịu trách nhiệm trong suốt quá trình thi công do ô nhiễm môi trường mà công trường gây ra cho khu vực xung quanh.

+ Đơn vị thi công có phương án tốt chống ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công.

- Phòng chống cháy nổ và bảo trì công trình:

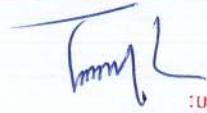
+ Thực hiện chế độ bảo quản vật tư, thiết bị theo đúng qui định về phòng chống cháy nổ.

+ Nhà thầu thi công công trình phải định kỳ kiểm tra, quan trắc, kiểm tra chất lượng, bảo dưỡng cho đến khi công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng.

CTY TNHH TK & XD THẾ PHÁT
GIÁM ĐỐC
THẾ PHÁT
THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG
TNNH
CÔNG TY TNHH TK & XD THẾ PHÁT
NGUYỄN THẾ DUYỆM

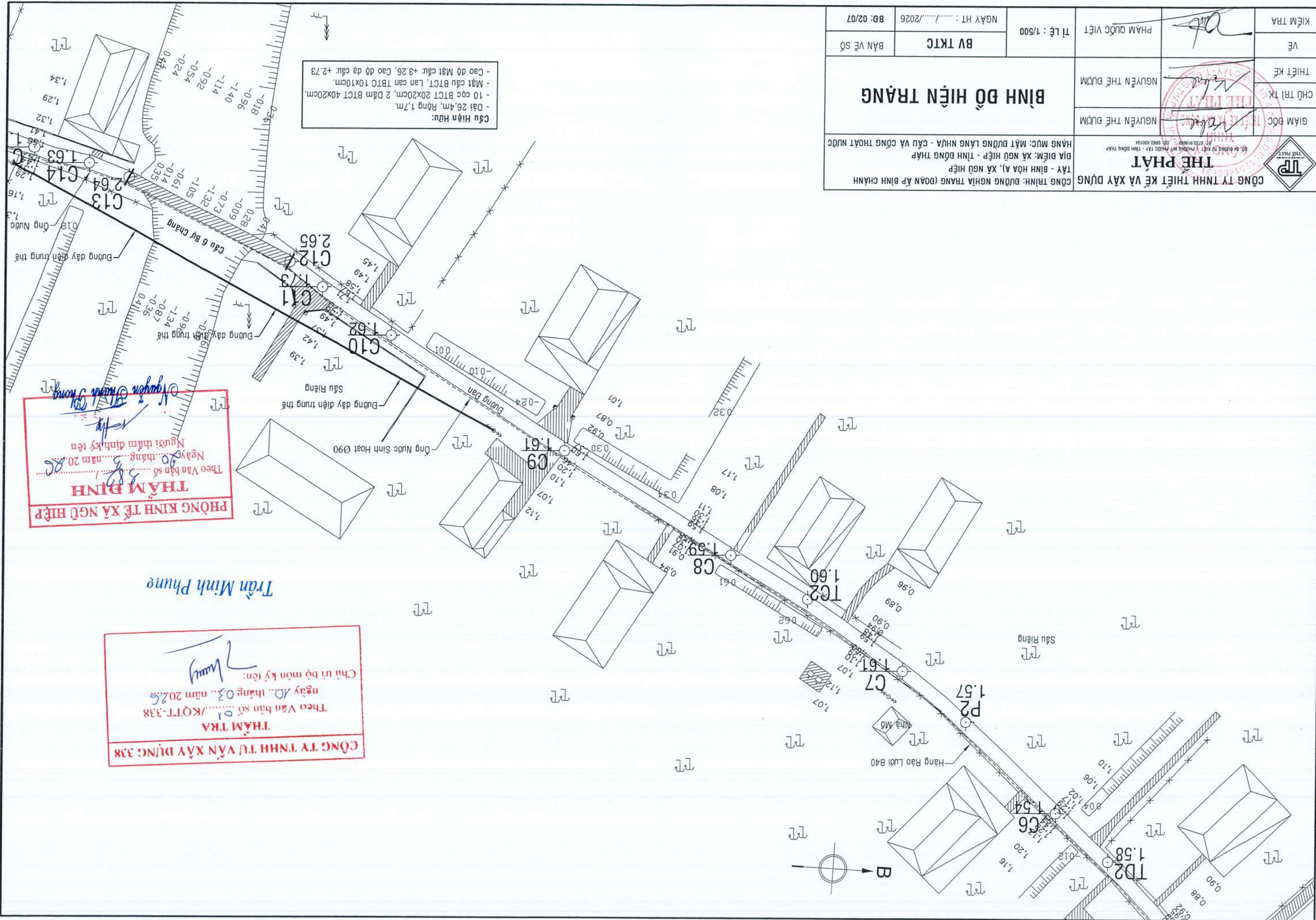
PHÒNG KINH TẾ XÃ HỘI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số /
Ngày tháng năm 20.....
Người thẩm định ký tên
Nguyễn Thành Phong

1. BẢN VẼ ĐƯỜNG GIAO THÔNG

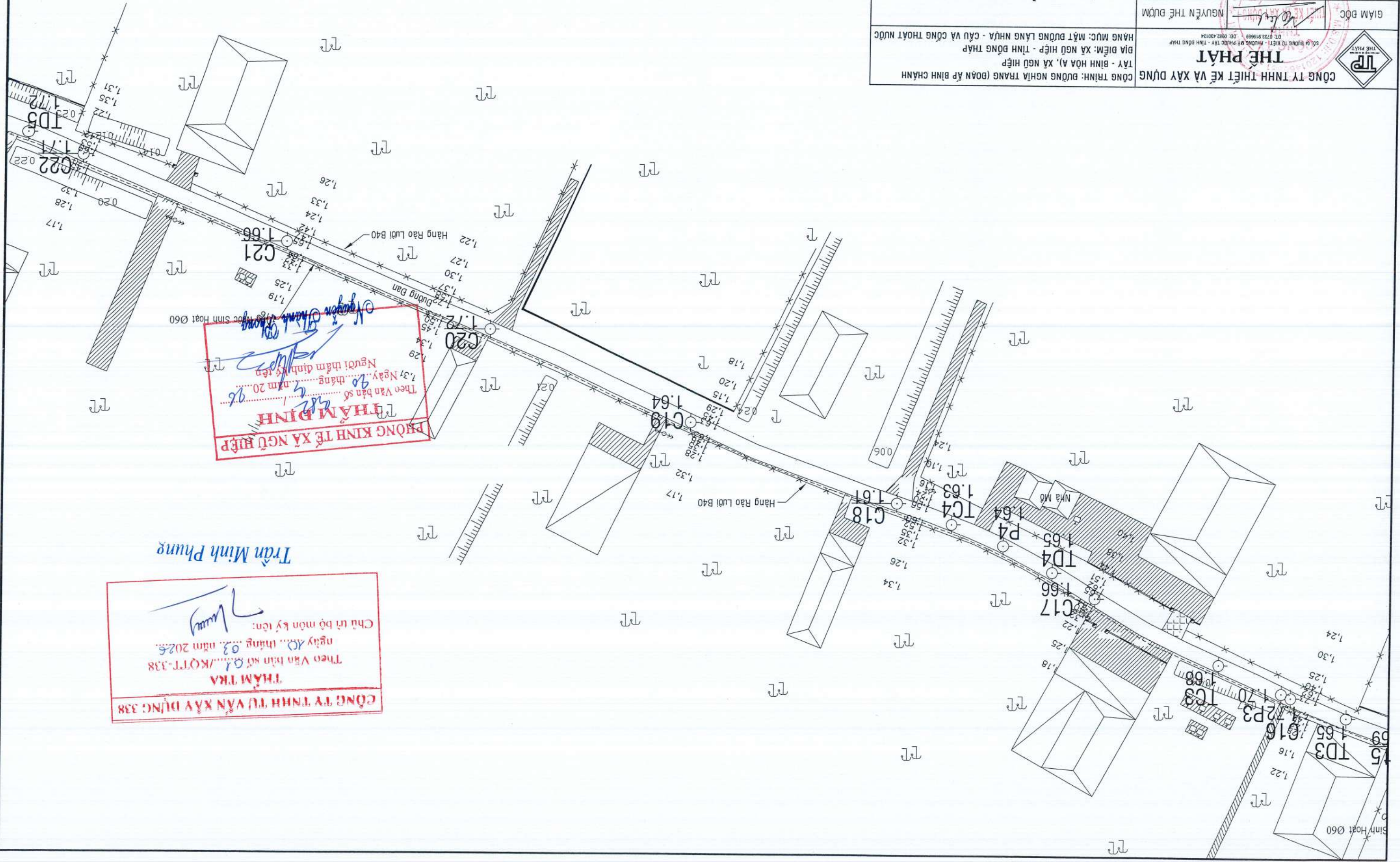
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 338
THẨM TRÁ
Theo Văn bản số 01./KQTT-338
ngày 10. tháng 03. năm 2025.
Chủ trì bộ môn ký lên: 

Trần Minh Phụng

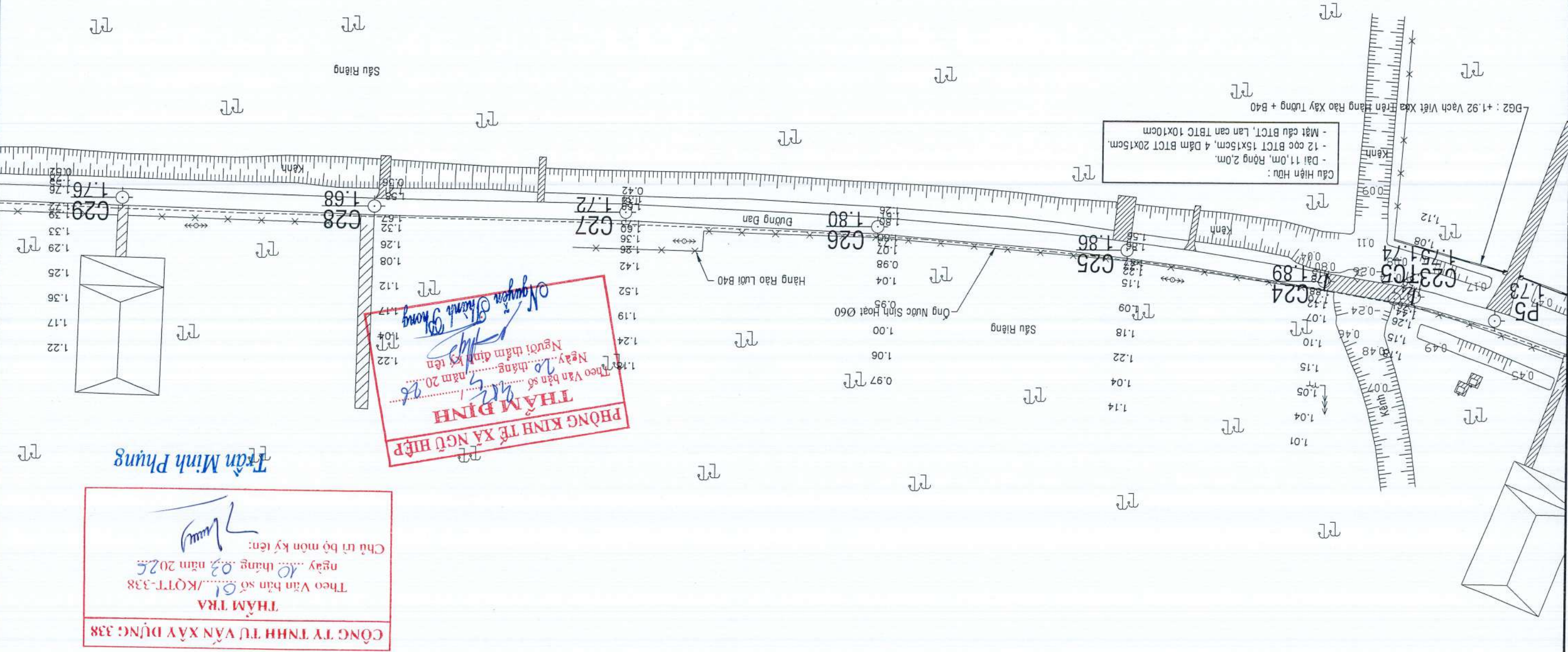
KIỂM TRA	PHẠM QUỐC VIỆT	TỈ LỆ : 1/500	NGÀY HT :/...../2026	BB: 02/07
VE	NGUYỄN THẾ DUYỆM	BV TKTC	BÀN VẼ SỐ	
THIẾT KẾ	NGUYỄN THẾ DUYỆM	BÌNH DỒ HIỆN TRẠNG		
CHỦ TRÌ TK	NGUYỄN THẾ DUYỆM			
GIÁM ĐỐC	CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THE PHÁT			
TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP HÀNG MỤC: MẶT BƯỚNG LĂNG NHỰA - CẦU VÀ CÔNG THOÁT NƯỚC				



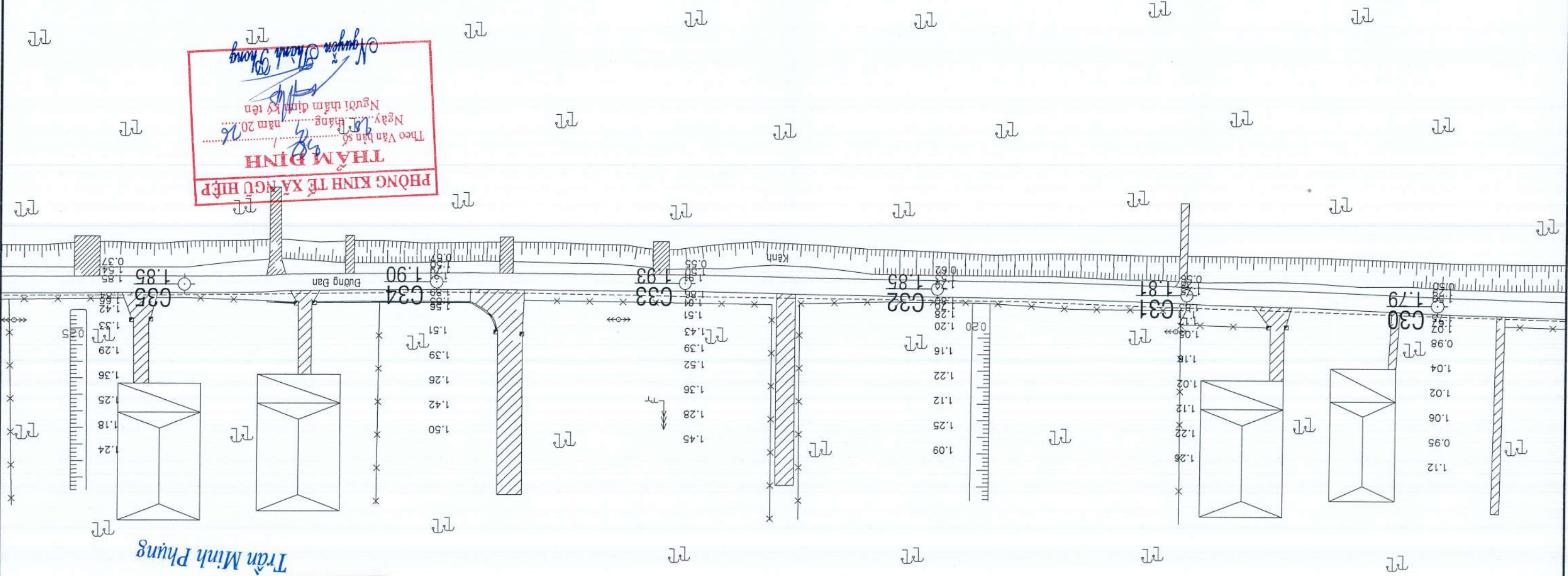
KIỂM TRA		PHẠM QUỐC VIỆT	TỈ LỆ : 1/500	NGÀY HT :/2026	BD: 03/07
VỀ					
THIẾT KẾ		NGUYỄN THẾ BÙM			
CHỦ TRÌ TK		NGUYỄN THẾ BÙM			
GIÁM ĐỐC					
THE PHAT CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP HÀNG MỤC: MẶT BƯỚNG LĂNG NHỰA - CẦU VÀ CÔNG THOÁT NƯỚC					



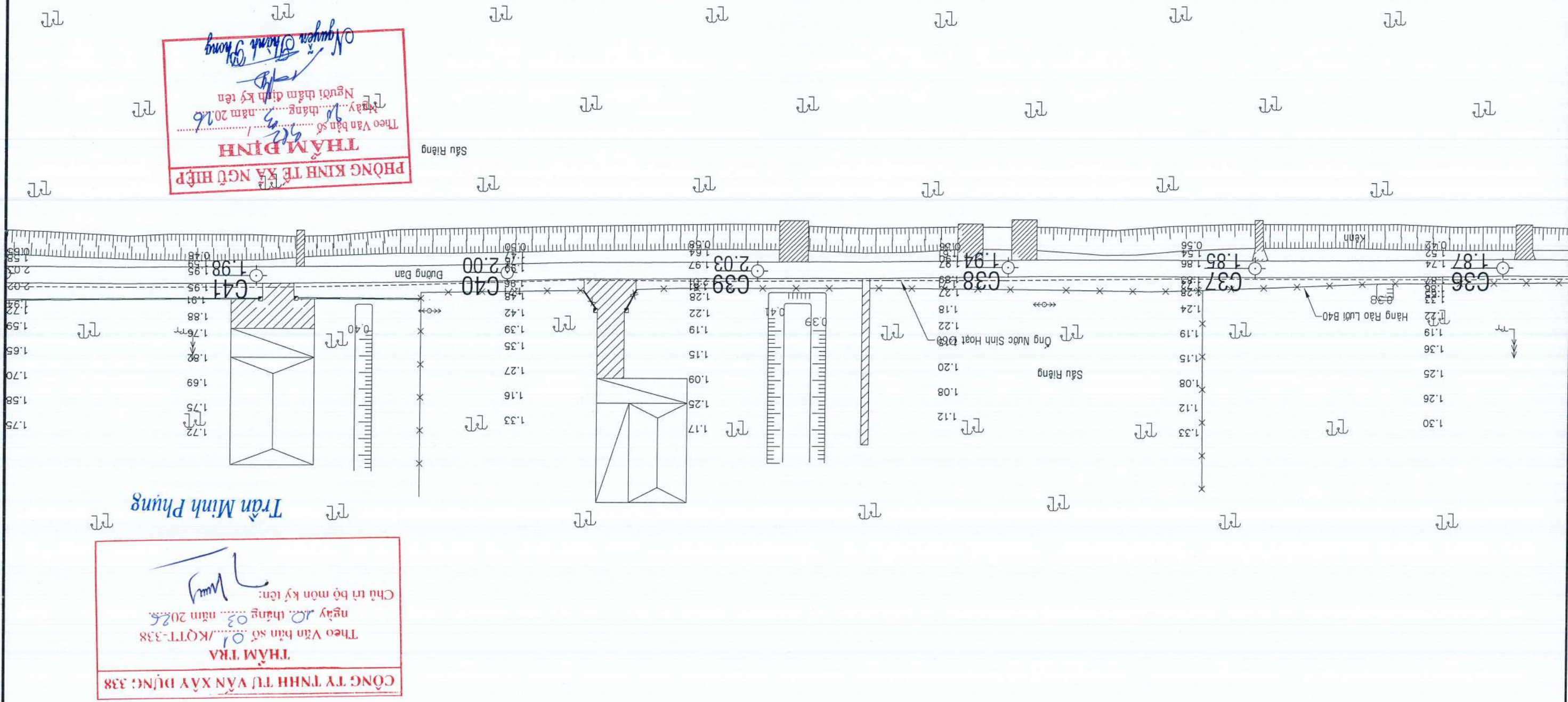
KIỂM TRA	PHẠM QUỐC VIỆT	TỈ LỆ : 1/500	NGÀY HT :/...../2026	BB: 04/07
THIẾT KẾ	NGUYỄN THẾ DŨM	BÌNH ĐỒ HIỆN TRẠNG	BV TKTC	BẢN VẼ SỐ
CHỦ TRÌ TK	NGUYỄN THẾ DŨM			
GIẢM ĐỐC	NGUYỄN THẾ DŨM	CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THE PHẬT		
HÀNG MỤC: MẶT BƯỚNG LĂNG NHỰA - CẦU VÀ CÔNG THOÁT NƯỚC				
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP				
TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP				
CÔNG TRÌNH: BƯỜNG NGHĨA TRANG (BOÀN ẤP BÌNH CHÁNH				



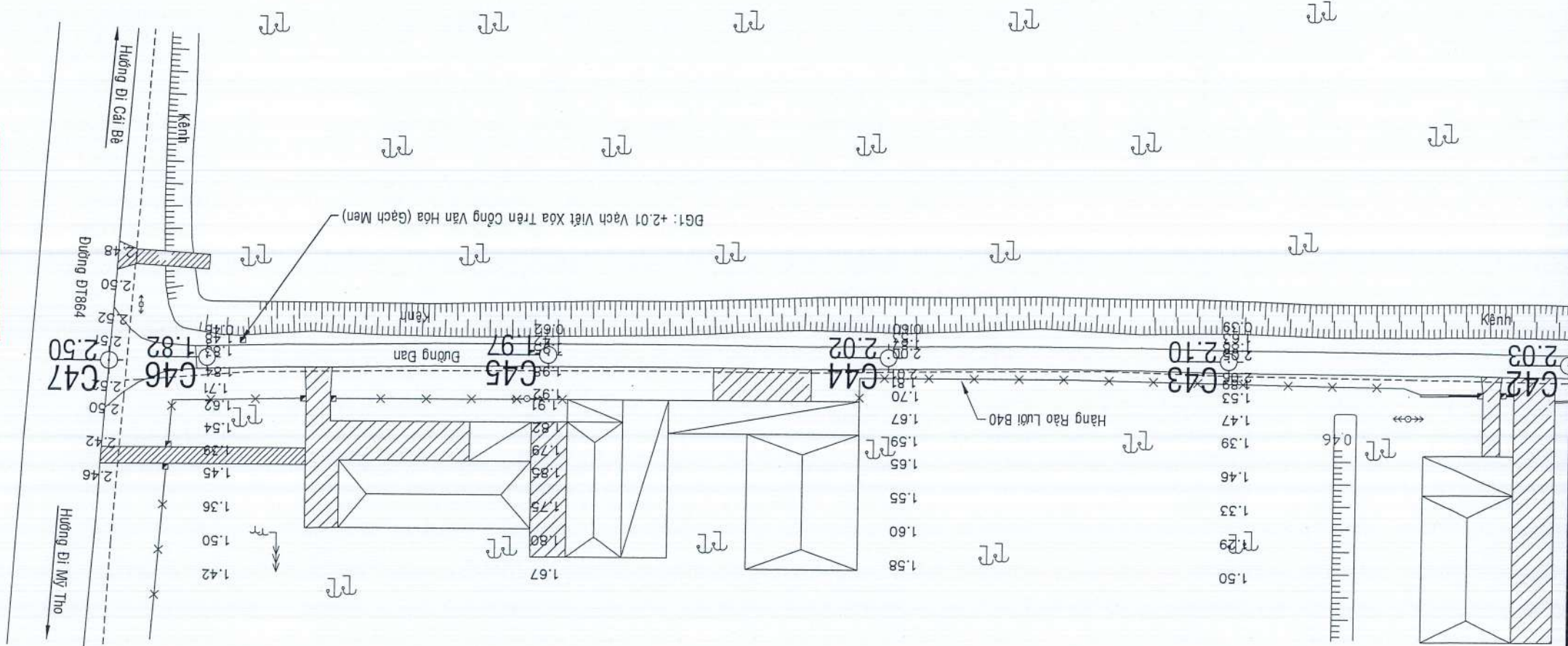
KIỂM TRA		PHẠM QUỐC VIỆT	TỈ LỆ : 1/500	NGÀY HT :/...../2026	BD : 05/07
VẼ					
THIẾT KẾ		NGUYỄN THẾ BÙM	BÌNH ĐỒ HIỆN TRẠNG		
CHỦ TRÌ TK		NGUYỄN THẾ BÙM			
GIÁM ĐỐC		NGUYỄN THẾ BÙM	CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THE PHAT		
CÔNG TRÌNH: BƯỜNG NGHĨA TRẠNG (ĐOÀN ẤP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP		HÀNG MỤC: MẶT BƯỚNG LĂNG NHỰA - CẦU VÀ CÔNG THOÁT NƯỚC			
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP					



 CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ ĐC 04 ĐƯỜNG TỨ GIỚI - PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY - TỈNH ĐỒNG THÁP ĐT: 0932.919669 - 09.002.430124	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG NGHĨA TRẠNG (ĐOÀN A) BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP HÀNG MỤC: MẶT ĐƯỜNG LĂNG NHỰA - CẦU VÀ CÔNG THOÁT NƯỚC		GIÁM ĐỐC CHỦ TRÌ TK THIẾT KẾ	<i>(Signature)</i> <i>(Signature)</i>	NGƯỜN THỀ ĐƯƠM NGƯỜN THỀ ĐƯƠM	PHẠM QUỐC VIỆT TỈ LỆ : 1/500	NGÀY HT :/...../2026 BD : 06/07
	BV TKTC BẢN VẼ SỐ	BÌNH ĐỒ HIỆN TRẠNG					



	CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THE PHÁT ĐP: 06 PHƯỜNG TỰ KIẾT - PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY - TỈNH ĐỒNG THÁP ĐT: 0703.919669 - ĐĐT: 0982.430734	HÀNG MỤC: MẤT BƯỜNG LĂNG NHỰA - CẦU VÀ CÔNG THOÁT NƯỚC ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP		BÌNH ĐỒ HIỆN TRẠNG	GIẤY ĐÓC  CHỦ TRÌ TK  VẼ 	KIỂM TRA 	PHẠM QUỐC VIỆT TỈ LỆ : 1/500	NGÀY HT :/...../2026	BD: 07/07
		CÔNG TRÌNH: BƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOÀN A) BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP						BV TKTC	BẢN VẼ SỐ



Trần Minh Phụng

CHỮ TỬ BỘ MÔN KỸ TÊN:

Ngày 03 tháng 03 năm 2026

Theo Văn bản số 04/KQTT-338

THẨM TRA

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 338

PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 22 /

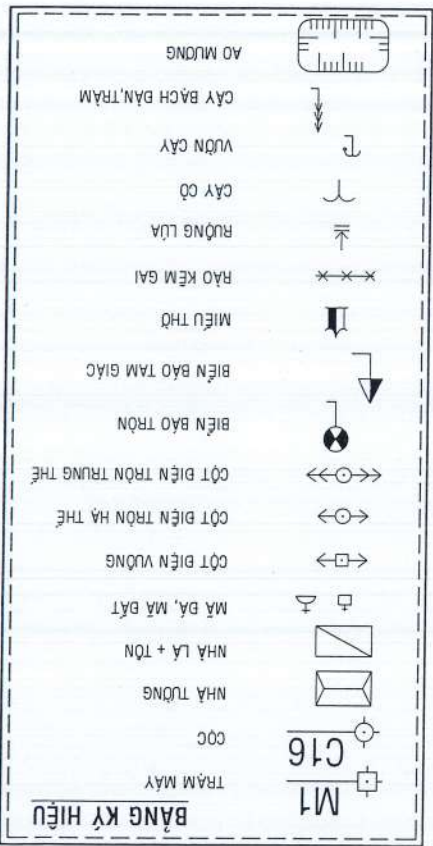
Ngày 20 tháng năm 20.....

Người thẩm định ký tên

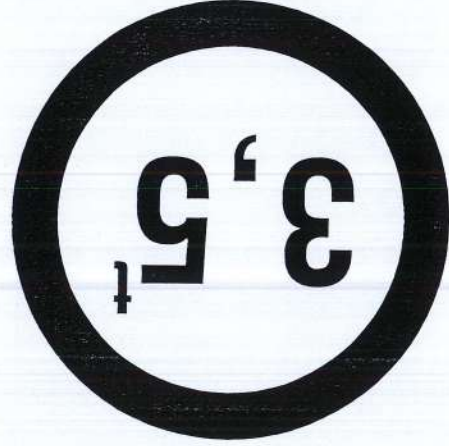
[Signature]

[Signature]

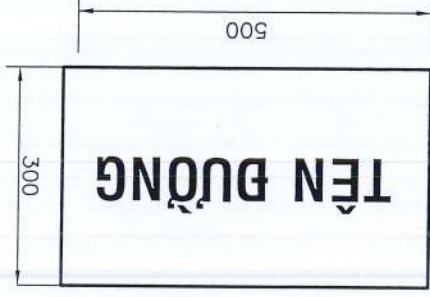
[Signature]



TÊN CẦU KIẾN	DVT	MÃ HIỆU	SỐ	GHI CHÚ
BIỂN BẢO TÀI TRỌNG	Biển	P.115	2	Cắm tại 2 vị trí đầu và cuối công trình
BIỂN BẢO TÊN ĐƯỜNG	Biển		2	Cắm tại 2 vị trí đầu và cuối công trình
BIỂN BẢO GIAO VỚI ĐƯỜNG ƯU TIÊN	Biển	W.208	3	Cắm tại cuối công trình giao DT.875B
BIỂN BẢO HIỆU ĐƯỜNG CONG	Biển	W.205a, W.205d	4	Cắm tại các đường cong P4, P5, P6
BIỂN BẢO ĐƯỜNG HẸP	Biển	W.203a	5	Cắm tại đầu công trình
BIỂN BẢO GIAO NGÃ BA CÙNG CẤP	Biển	W.205d	6	Cắm tại cọc C50A
TRỤ BIỂN BẢO	Trụ		2	(Quy cách theo bản vẽ)



BIỂN BẢO TÀI TRỌNG
TL : 1/10



BIỂN TÊN ĐƯỜNG
TL : 1/10

MẶT CẮT NGANG MẪU MẶT ĐƯỜNG RỘNG 3,50m

- Lắng nhựa 2 lớp tiêu chuẩn 3kg/m²
- Tuổi nhựa lót tiêu chuẩn 1kg/m²
- Trãi cấp phối đá 0x4 dày 30cm, K ≥ 0,98
- Trãi vải địa kỹ thuật Rk ≥ 12,00 kN/m
- Nền đường đắp đất đầm chặt K ≥ 0,95

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 338
THẨM TRA
Theo Văn bản số 81/KQTT-338
ngày 10 tháng 03 năm 2025
Chủ trì bộ môn kỹ tên:

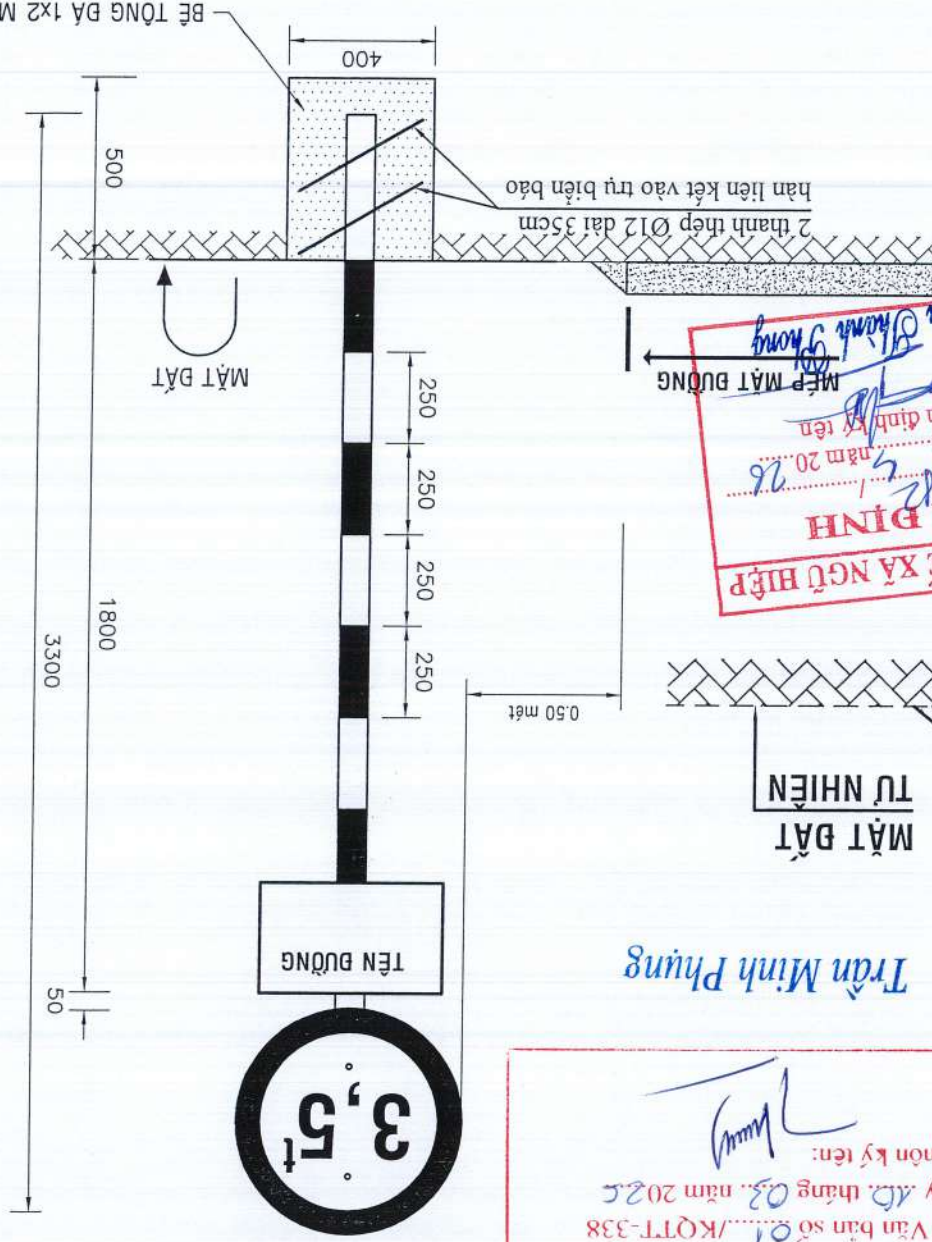
Trần Minh Phụng

MẶT ĐẤT
TỰ NHIÊN

LÊ ĐẬP ĐẤT

NỀN ĐẬP ĐẤT (HOẶC CẮT ĐEN)

LÊ ĐẬP ĐẤT



- GHI CHÚ:
- TRỤ BIỂN BẢO GIA CÔNG BẰNG ỐNG SẮT TRẮNG KẼM D=90 DÀY 4mm
 - BIỂN BẢO GIA CÔNG BẰNG TOL T MÀ KẼM DÀY 1,2mm
 - QUY CHUẨN QUỐC GIA VỀ BẢO HIỆU ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM QCVN 41- 2024
 - HAI VỊ TRÍ ĐẦU VÀ CUỐI CÔNG TRÌNH CẮM HAI BIỂN BẢO HIỆU GIAO THÔNG
 - PHÍA TRÊN GẦN BIỂN HẠN CHẾ TÀI TRỌNG PHÍA DƯỚI GẦN BIỂN TÊN ĐƯỜNG.

TP	CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (BOÀN ẤP BÌNH CHÁNH	TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP	ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH DỒNG THÁP	HÀNG MỤC: MẶT ĐƯỜNG LẮNG NHỰA - CẦU VÀ CÔNG THOÁT NƯỚC
GIÁM ĐỐC	NGUYỄN THẾ DŨM	THIẾT KẾ	NGUYỄN THẾ DŨM	PHẨM QUỐC VIỆT	TI LỆ : 1/500
CHỦ TRÌ TK		VẼ		KIỂM TRA	

THẨM TRA
Theo Văn bản số 81/KQTT-338
ngày 10 tháng 03 năm 2025
Chủ trì bộ môn kỹ tên:

THẨM TRA
Theo Văn bản số 81/KQTT-338
ngày 10 tháng 03 năm 2025
Chủ trì bộ môn kỹ tên:

TRỤ BIỂN BẢO

CẦU TẠO BIỂN BẢO

MẶT CẮT NGANG MẪU VÀ CHI TIẾT BIỂN BẢO HIỆU

BV TKTC

BẢN VẼ SỐ

BD: 01/01

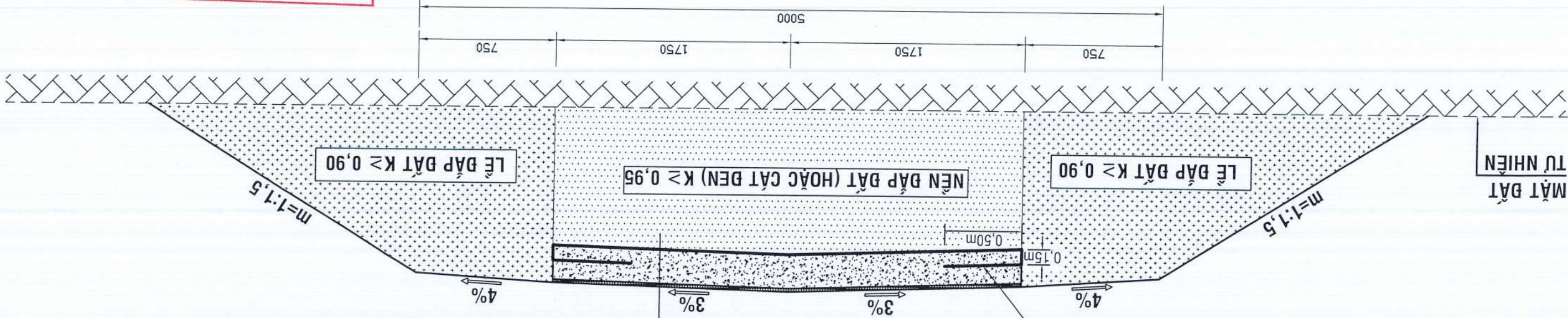
NGÀY HT :/...../2026

MẶT CÁT NGANG MẪU TRẢI VẢI ĐỊA KỸ THUẬT MẶT ĐƯỜNG RỘNG 3,50M

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 338
THẨM TRA
Theo Văn bản số/KQTT-338
ngày 10 tháng 03 năm 2025
Chủ trì bộ môn kỹ thuật

Trần Minh Phụng

- Lãng nhụa 2 lớp tiêu chuẩn 3kg/m²
- Tuổi nhụa bám dính tiêu chuẩn 1kg/m²
- Cấp phối đá D_{max} 37,5mm dày 30cm, K ≥ 0,98
- Trải vải địa kỹ thuật R_k ≥ 12 KN/m
- Nền đường đắp đất (hoặc cát đen) đầm chặt K ≥ 0,95



Vải địa kỹ thuật R_k ≥ 12KN/m

MẶT ĐẤT
TỰ NHIÊN

LÊ ĐẬP ĐẤT K ≥ 0,90

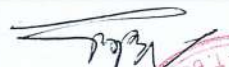
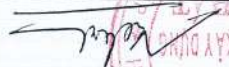
NỀN ĐẬP ĐẤT (HOẶC CÁT ĐEN) K ≥ 0,95

LÊ ĐẬP ĐẤT K ≥ 0,90

m=1:1,5

m=1:1,5

PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số
Ngày 10 tháng 03 năm 2025
Người thẩm định kỹ thuật
Nguyễn Thành Phong

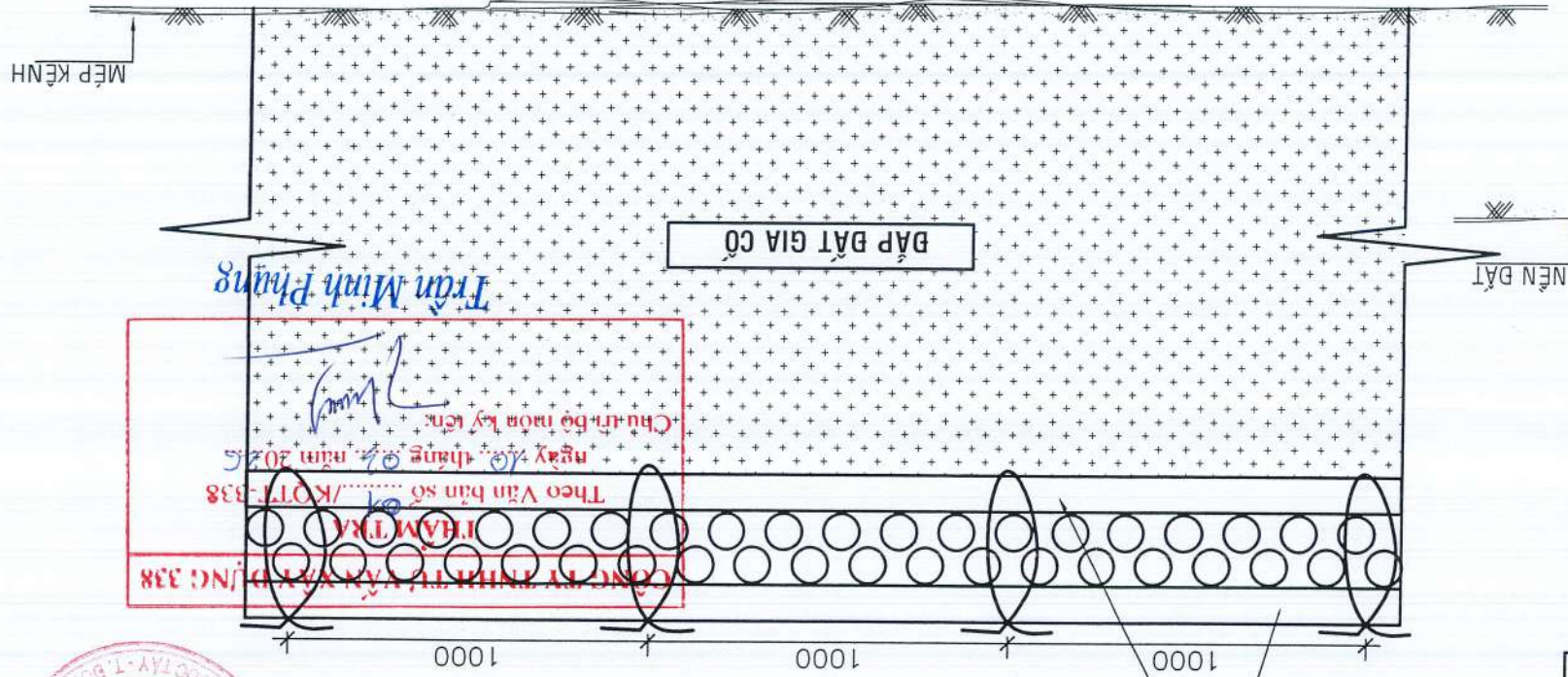
KIỂM TRA			PHẠM QUỐC VIỆT		TỈ LỆ : 1/500	NGÀY HT :/...../2026	BD: 01/01
VẼ						BV TKTC	BẢN VẼ SỐ
THIẾT KẾ			NGUYỄN THẾ BƯỚM		MẶT CÁT NGANG BỒ TRÍ VẢI ĐỊA KỸ THUẬT		
CHỦ TRÌ TK							
GIÁM ĐỐC			NGUYỄN THẾ BƯỚM		CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THỂ PHẬT SỐ 94 ĐƯỜNG TỨ GIỚI - PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY - TỈNH ĐỒNG THÁP ĐT: 0733.919669 - ĐP: 0982.430134		
CHỦ TRÌ VÀ XÂY DỰNG							
		CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOÀN ẤP BÌNH CHÀNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP HÀNG MỤC: MẶT ĐƯỜNG LĂNG NHỰA - CẦU VÀ CÔNG THOÁT NƯỚC					

GHI CHÚ:
- CÔNG NGHỆ THI CÔNG LỚP KẾT CẤU ĐÁ 0X4 DÀY 30 CM BƯỚC THI CÔNG LÀM HAI LỚP
* KHI THI CÔNG NỀN ĐƯỜNG ĐÁM CHẶT K ≥ 0,95 TIỀN HÀNH TRẢI LỚP VẢI ĐỊA KỸ THUẬT
* TRẢI LỚP 1: CẤP PHỐI ĐÁ 0X4 DÀY 15CM SAU ĐÓ ĐÁM CHẶT K ≥ 0,98
* TRẢI LỚP 2: CẤP PHỐI ĐÁ 0X4 DÀY 15CM SAU ĐÓ ĐÁM CHẶT K ≥ 0,98
* KÍCH THƯỚC TRẢI LỚP VẢI ĐỊA KỸ THUẬT NHƯ HÌNH VẼ.

ĐƯỜNG NGHĨA TRANG
(ĐOÀN ẤP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP

- GHI CHÚ:
- CỤ TRÀM ĐỒNG GIA CỐ VÀ CỤ TRÀM ĐÀ NẾP ĐE QUAY DÀI 4,7m/CÂY MẶT BỘ ĐỒNG 16CÂY/M CỤ CỎ ĐƯỜNG KÍNH GỐC D=80-100.
 - 2 HÀNG CỤ GIA CỐ ĐỒNG THẲNG.
 - CỤ PHẢI ĐỒNG SẮT VÀO NHAU ĐỂ KHI ĐẬP ĐẤT, KHÔNG BỊ ĐẤT CHEN RA NGOÀI.
 - LIÊN KẾT VỚI NHAU BẰNG DÂY THÉP D=6 (TÍNH TRUNG BÌNH MỖI DÂY THÉP LIÊN KẾT DÀI 1M)
 - VÀ KHOẢNG CÁCH BUỘT LIÊN KẾT GIỮA CỤ ĐỒNG GIA CỐ VÀ THANH NẾP NGANG 1M BỞ TRÍ 1 L KẾT.

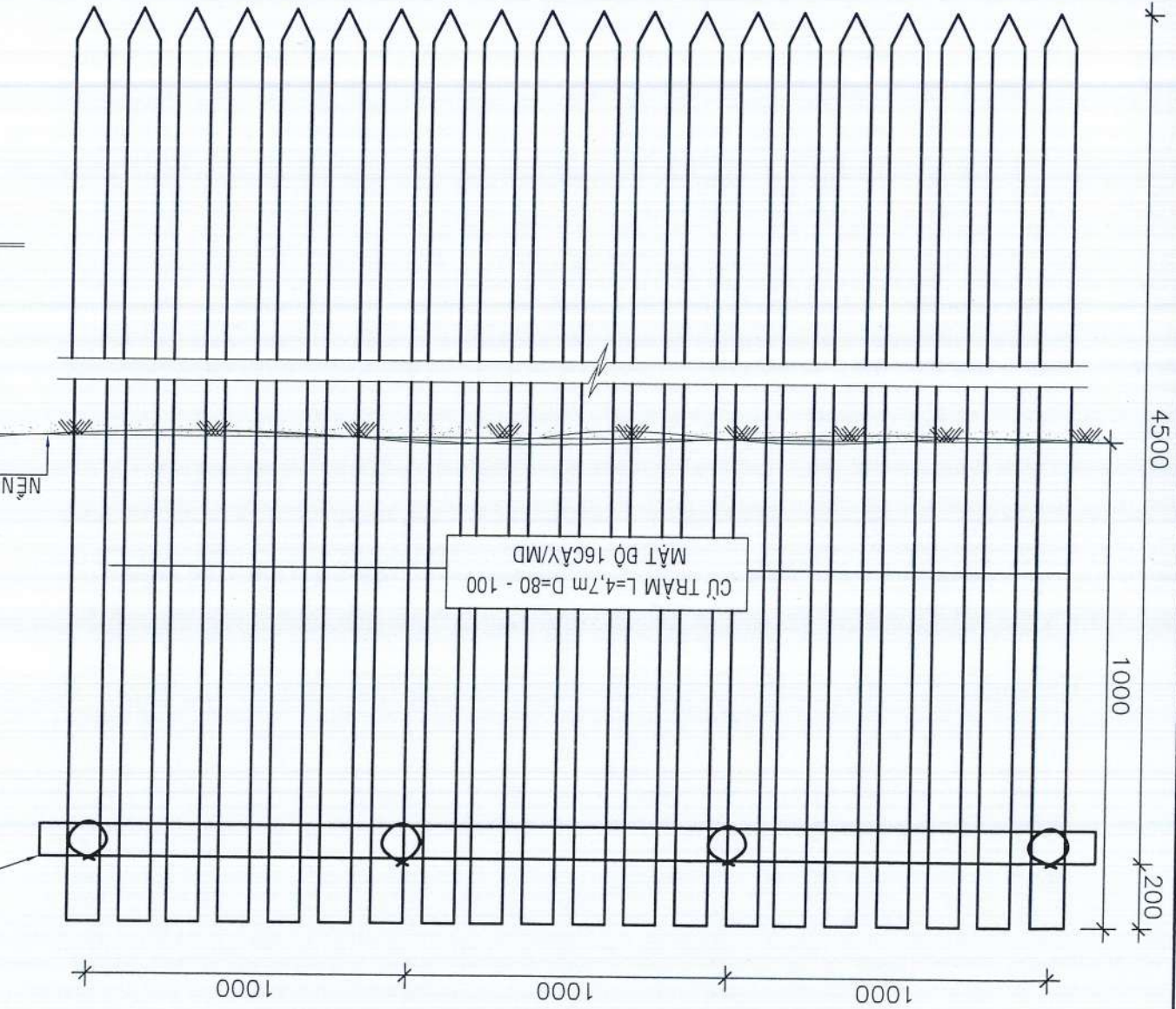
PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số/năm 20...
Ngày... tháng... năm 20...
Người thẩm định ký tên
Nguyễn Thành Công



MẶT BẰNG HÀNG CỤ GIA CỐ TL: 1/20

CD MƯỜNG (MÉP TRONG)

MẶT CẮT NGANG GIA CỐ TL: 1/20



BUỘT NẾP ĐẦU CỤ BẰNG THÉP D=6
CHIỀU DÀI SỢI THÉP BUỘT L=1m

CD ĐẦU CỤ: +1,20

ĐẬP ĐẤT GIA CỐ

LƯỚI GẮN 4x4 (KHỔ 1,5m)

DÂY KẼNH

MẶT CẮT NGANG MẪU GIA CỖ CỬ TRÀM TẠI CÁC VỊ TRÍ SẮT LỎ - TL: 1/50

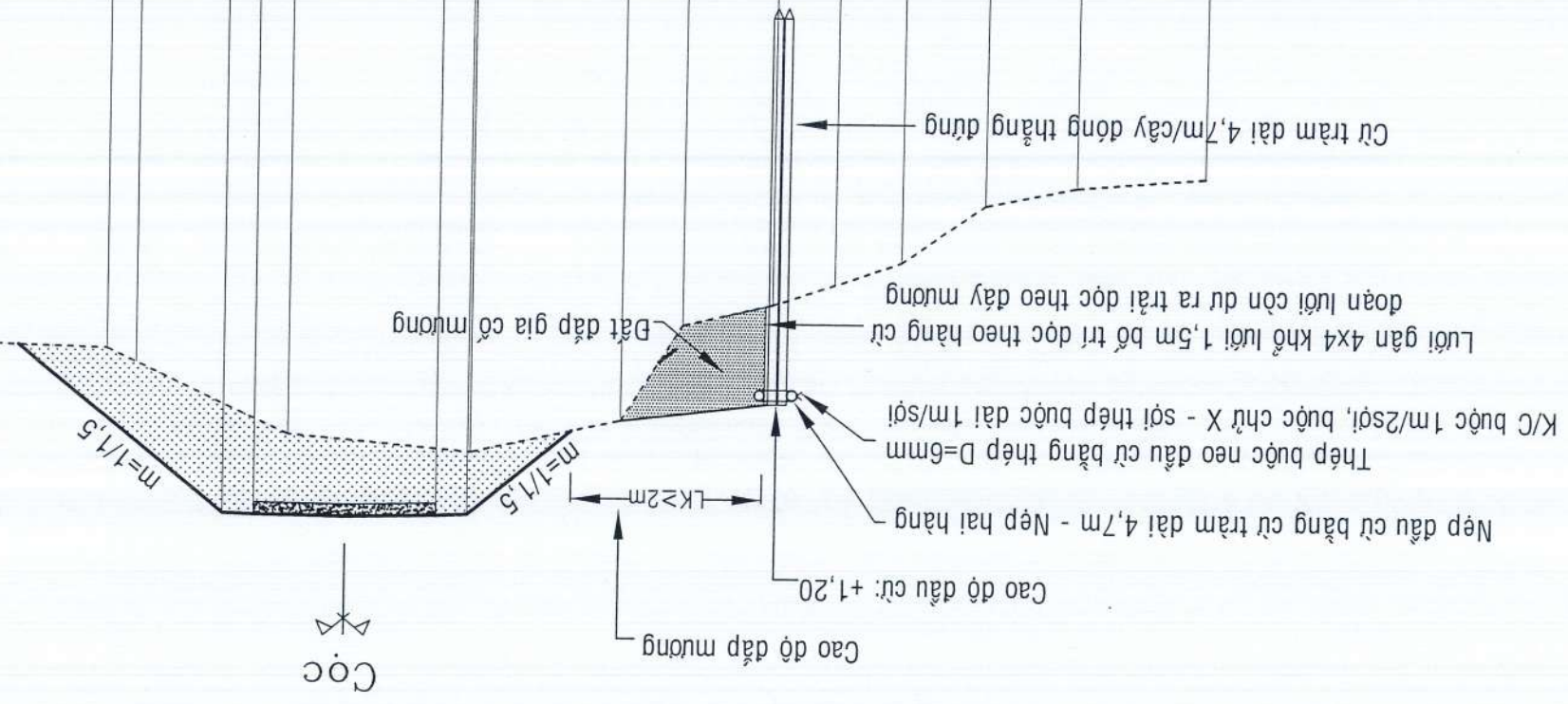


CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 338
THẨM TRA
Theo Văn bản số 01/KQTT-338
ngày 02 tháng 02 năm 2025
Chủ trì bộ môn kỹ thuật:

Trần Minh Phụng

PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 582
Ngày 02 tháng 02 năm 2025
Người thẩm định ký tên:

Nguyễn Thành Phong



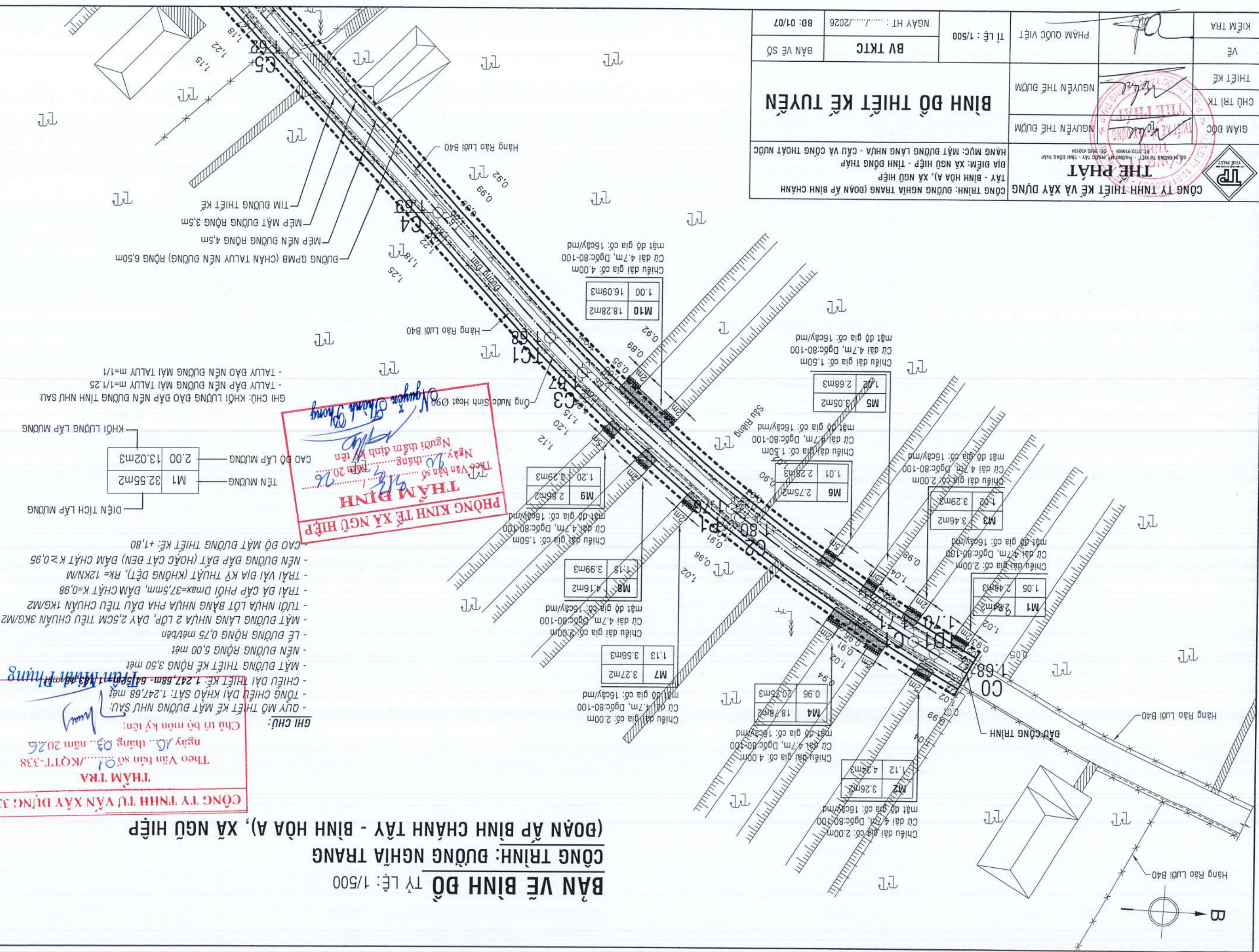
Cao độ thiên nhiên	Khoảng cách mìa	Cao độ thiết kế	Khoảng cách lẻ thiết kế
-2.13			
-2.13	1.50		
-1.76	1.50		
-0.53	2.00		
-0.25	1.50		
1.30	1.00		
1.41	2.50	1.73	
1.45	3.00	0.75	
1.65	3.00	1.75	
0.87	3.00	0.75	3.43
0.85	4.00		
1.70	6.00		

GHI CHÚ:

- Cao độ đắp mương bằng cao độ mặt đất tự nhiên tại vị trí gia cố
- Cao độ đầu cừ: +1,20 (bằng cao độ nền đất tự nhiên trung bình mép kênh)
- Lưới gần 4x4 trải dọc theo phía trong hàng cừ gia cố, phần lưới dư ra trải dọc theo đáy mương trước khi đắp đất vào khu vực cừ.

ĐƯỜNG NGHĨA TRANG
(ĐOÀN ẤP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP

KIỂM TRA	PHẠM QUỐC VIỆT	TỈ LỆ : 1/500	NGÀY HT :/...../2026	BD: 01/07
VẼ				
THIẾT KẾ	NGUYỄN THẾ DŨNG			
CHỦ TRÌ TK	NGUYỄN THẾ DŨNG			
GIẤM ĐỌC				
CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THE PHẬT TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP HÀNG MỤC: MẶT BƯỞNG LĂNG NHƯA - CẦU VÀ CÔNG THOÁT NƯỚC				



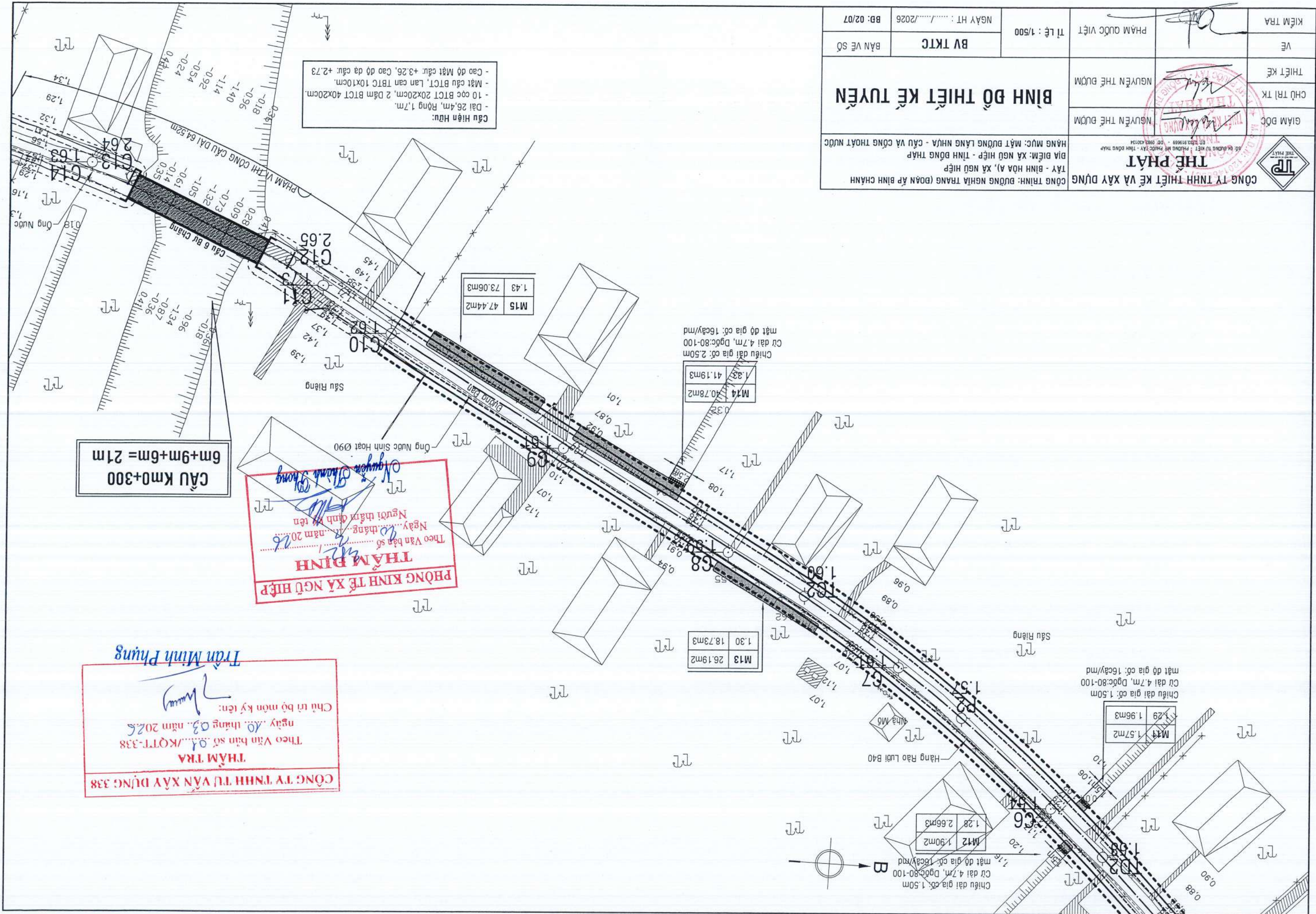
BẢN VẼ BÌNH ĐỒ
TỶ LỆ: 1/500
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG NGHĨA TRANG
(ĐOÀN ẤP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 338
THẨM TRA
Theo Văn bản số/KQTT-338
ngày 10 tháng 03 năm 2026
Chủ trì bộ môn kỹ thuật:
GHI CHÚ:
- QUY MÔ THIẾT KẾ MẶT BƯỞNG NHƯ SAU:
- TỔNG CHIỀU DÀI KHẸO SẮT: 1.247,68 mét
- CHIỀU DÀI THIẾT KẾ: 1.247,68m - 64,50m = 1.183,18m
- MẶT BƯỞNG THIẾT KẾ RỘNG 3,50 mét
- NỀN BƯỞNG RỘNG 5,00 mét
- LỀ BƯỞNG RỘNG 0,75 mét/bên
- MẶT BƯỞNG LĂNG NHƯA 2 LỚP, DÀY 2,5CM TIÊU CHUẨN 1KG/M2
- TƯỜNG VÁCH BÊ TÔNG (KHÔNG DẸT), R_k = 12KN/M
- TRÁI VÀI ĐỊA KỸ THUẬT (KHÔNG DẸT), R_k = 12KN/M
- NỀN BƯỞNG ĐẬP ĐÁT (HOẶC CÁT ĐEN) ĐÁM CHẶT K ≥ 0,95
- CAO BỘ MẶT BƯỞNG THIẾT KẾ: +1,80

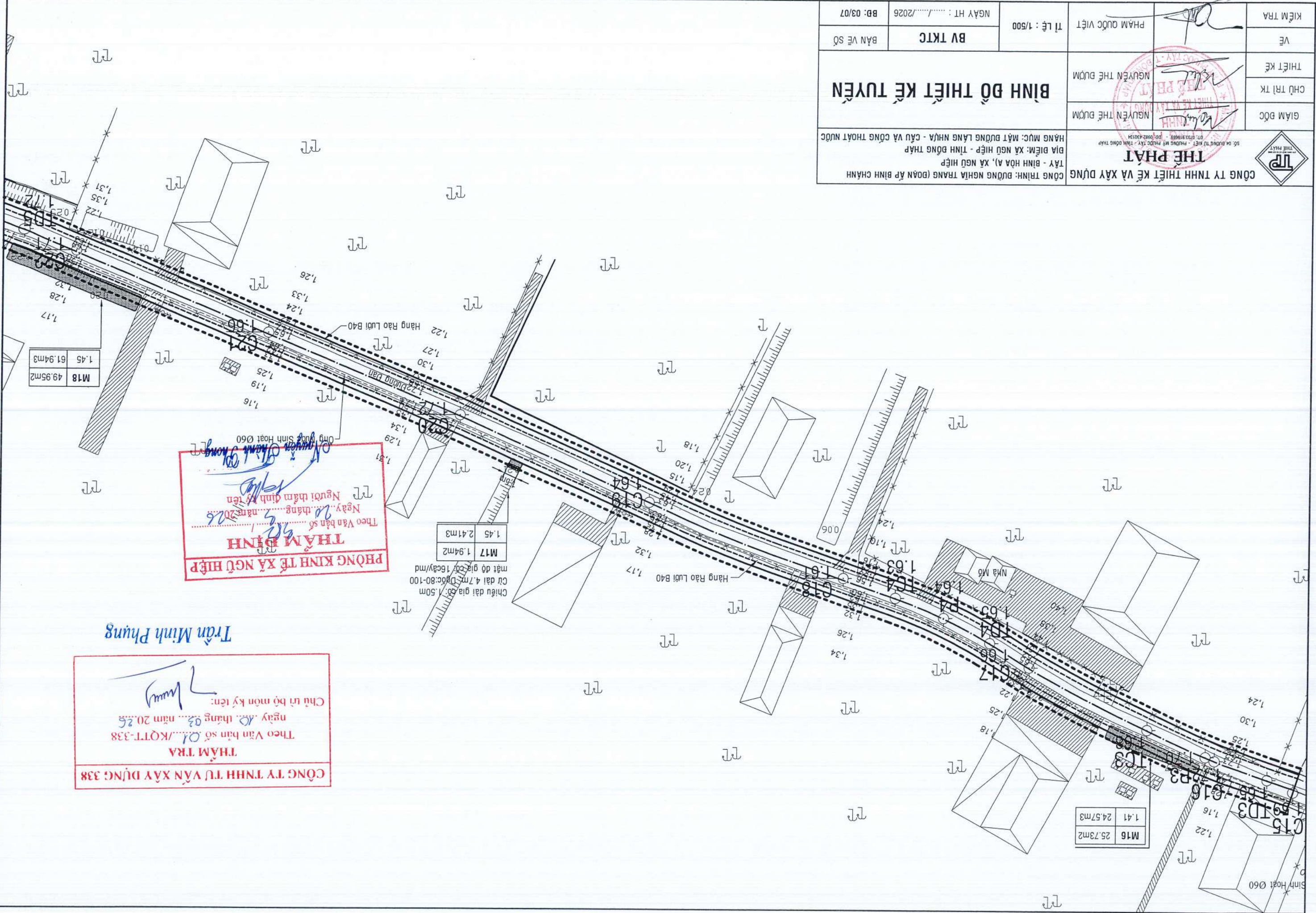
PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP
Thẩm định
Ngày 10 tháng 03 năm 2026
Người thẩm định kỹ thuật
Nguyễn Văn Bình

GHI CHÚ: KHỐI LƯỢNG ĐÁO ĐẬP NỀN BƯỞNG TÍNH NHƯ SAU:
- TALUY ĐẬP NỀN BƯỞNG MÀI TALUY m=1/1,25
- TALUY ĐÁO NỀN BƯỞNG MÀI TALUY m=1/1

KIỂM TRA	PHẠM QUỐC VIỆT	NGUYỄN THẾ BÙM	NGUYỄN THẾ BÙM	CHỦ TRÌ TK	THIẾT KẾ	VE	GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THE PHÁT Số 04 Đường Từ Kiệt - Phường Mỹ Phước Tây - Tỉnh Đồng Tháp Số ĐKKD: 031391668 - Mã số thuế: 031391668							
CÔNG TRÌNH: BƯỜNG NGHĨA TRẠNG (ĐOÀN ẢP BÌNH CHÁNH) TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP HÀNG MỤC: MẶT BƯỚNG LĂNG NHỰA - CẦU VÀ CÔNG THOÁT NƯỚC							
BÀN VẼ SỐ		BV TKTC		TỶ LỆ : 1/500		NGÀY HT :/...../2026	
BD: 02/07							



KIỂM TRA		PHẠM QUỐC VIỆT	TỈ LỆ : 1/500	NGÀY HT :/...../2026	BD: 03/07
VỀ				BV TKTC	BẢN VẼ SỐ
THIẾT KẾ		NGUYỄN THẾ DUYỆM	BÌNH DỒ THIẾT KẾ TUYẾN		
CHỦ TRÌ TK		NGUYỄN THẾ DUYỆM			
GIÁM ĐỐC		NGUYỄN THẾ DUYỆM	CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THE PHAT SỐ 04 BƯỜNG TỰ KIẾT - PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY - TỈNH ĐỒNG THÁP ĐT: 0933.919.888 - ĐD: 0982.430.134		
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOÀN ẢP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP HÀNG MỤC: MẶT ĐƯỜNG LĂNG NHỰA - CẦU VÀ CÔNG THOÁT NƯỚC					

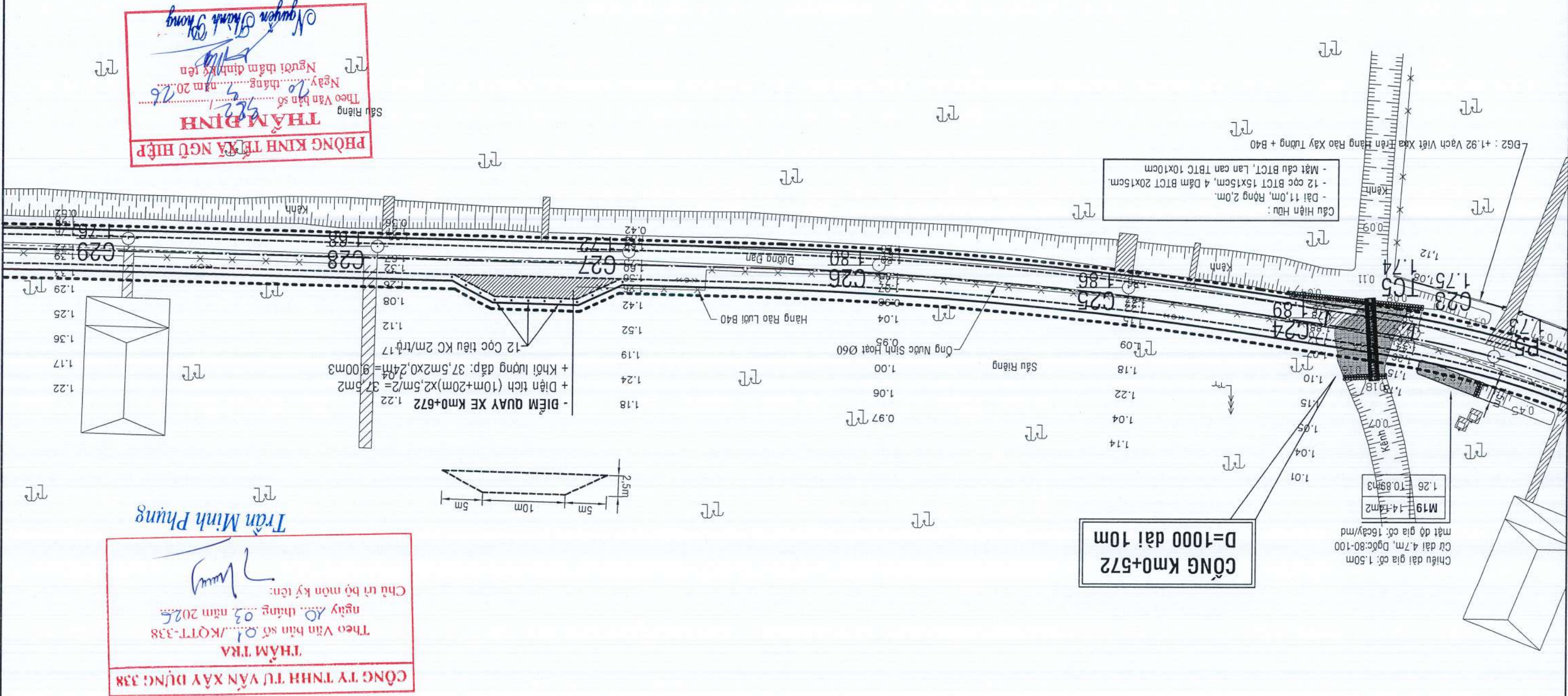


PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP
Theo Văn bản số 01/KQT-338
Ngày 03 tháng 03 năm 2025
Người thẩm định ký tên:

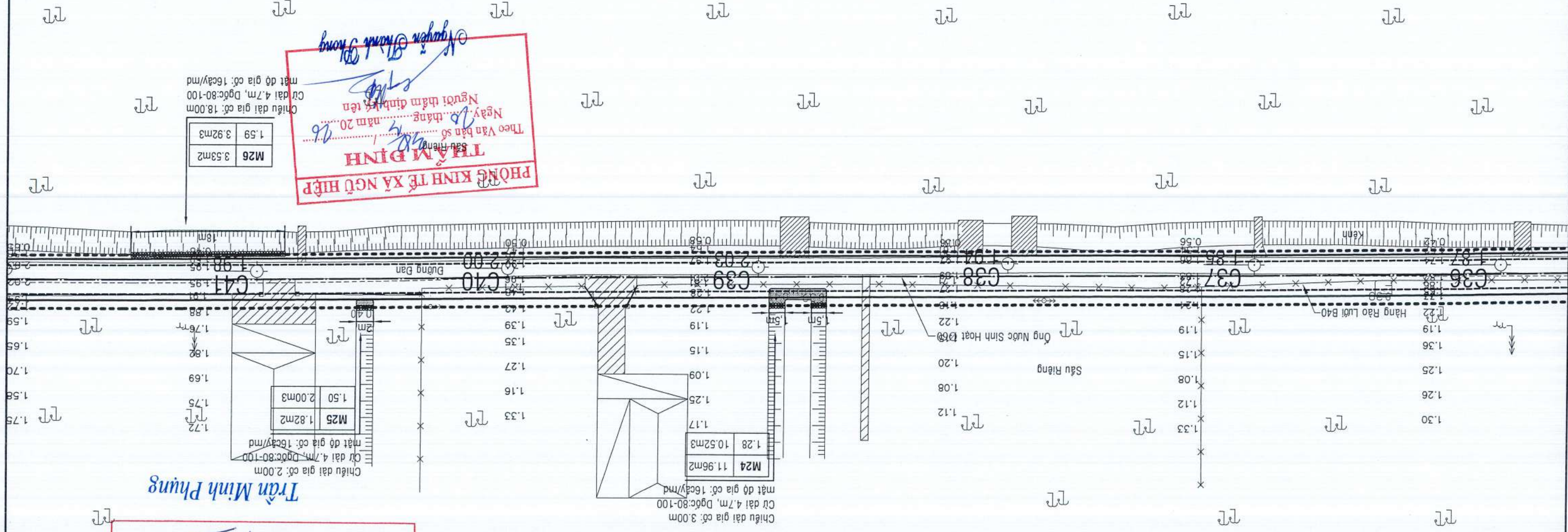
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 338
THẨM TRA
Theo Văn bản số 01/KQT-338
Ngày 03 tháng 03 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:

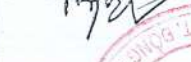
Trần Minh Phụng

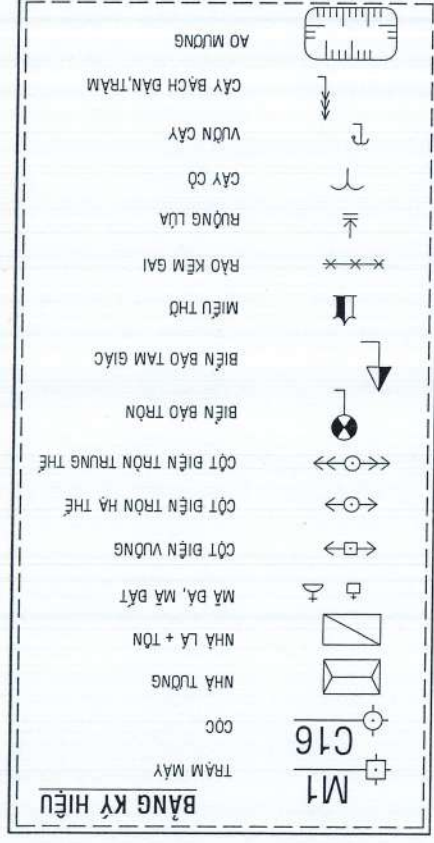
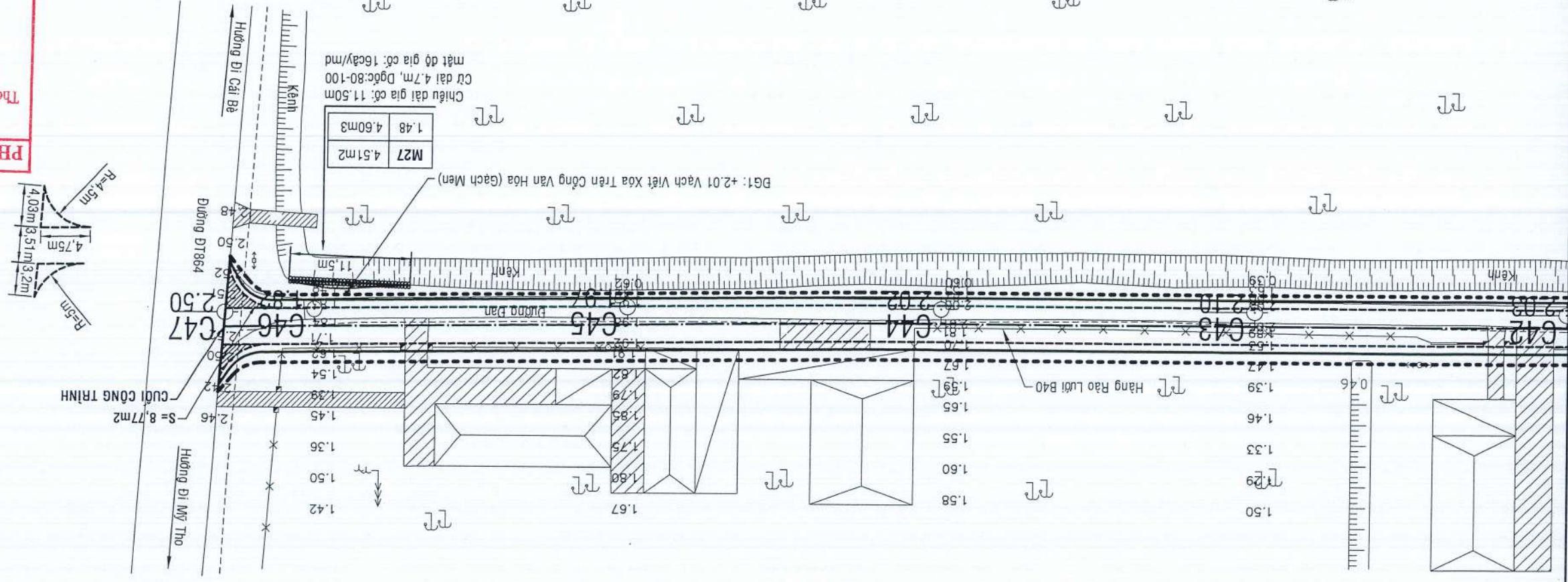
KIỂM TRA		PHẠM QUỐC VIỆT	TỈ LỆ : 1/500	NGÀY HT :/...../2026	BD : 04/07
VẼ					
THIẾT KẾ		NGUYỄN THẾ BÙM	BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN		
CHỦ TRÌ TK		NGUYỄN THẾ BÙM			
GIÁM ĐỐC		NGUYỄN THẾ BÙM	CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG		
THẺ PHẬT		CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOÀN ẢP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP			
		ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP			
		HẠNG MỤC: MẶT BƯỚNG LĂNG NHỰA - CẦU VÀ CÔNG THOÁT NƯỚC			



	CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THẾ PHÁT SỐ: 04 ĐƯỜNG TỨ GIỚI - PHƯỜNG KỲ PHƯỚC TÂY - TỈNH ĐỒNG THÁP ĐT: 073.919.669 - ĐD: 0964.43014		HẠNG MỤC: MẶT BƯỚNG LĂNG NHỰA - CẦU VÀ CÔNG THOÁT NƯỚC ĐUA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP	
	BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYÊN		NGUYỄN THẾ ĐUỐC NGUYỄN THẾ ĐUỐC	
KIỂM TRA VẼ	PHẠM QUỐC VIỆT	TỈ LỆ : 1/500	NGÀY HT :/...../2026 BB : 06/07	BV TKTC BẢN VẼ SỐ



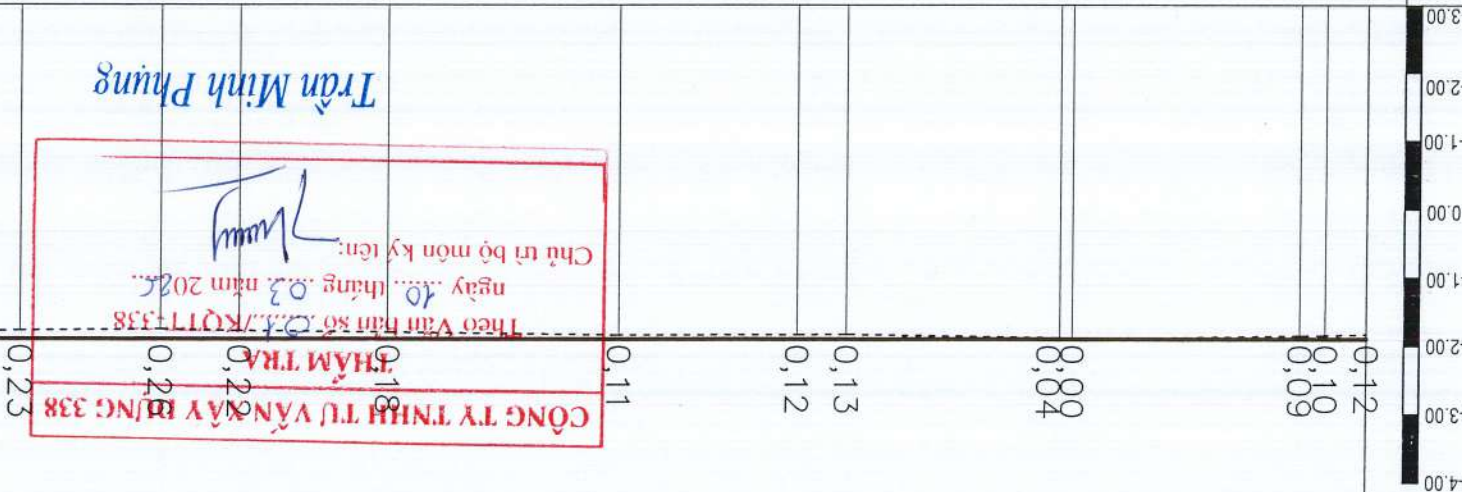
	CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THE PHÁT		SỞ QUẢN LÝ ĐÔ THỊ VÀ XÂY DỰNG SỐ QUẢN LÝ ĐÔ THỊ - PHƯƠNG MỸ PHƯỚC TÂY - TỈNH ĐỒNG THÁP ĐD: 0703.95669 - ĐD: 0902.400134		GIẤM ĐỐC	CHỦ TRÌ TK	THIẾT KẾ	VẼ	KIỂM TRA	
										
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOÀN LẬP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP HẠNG MỤC: MẶT ĐƯỜNG LĂNG NHỰA - CẦU VÀ CÔNG THOÁT NƯỚC					BÌNH DỒ THIẾT KẾ TỰYỂN				TỈ LỆ : 1/500	NGÀY HT :/...../2026 BB: 07/07
									BẢN VẼ SỐ	



Trần Minh Phụng

Ngày 28 tháng 2 năm 2016
Người thăm định kỳ lần 2
Nguyễn Thị Bích Ngọc
THẨM ĐỊNH
PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP

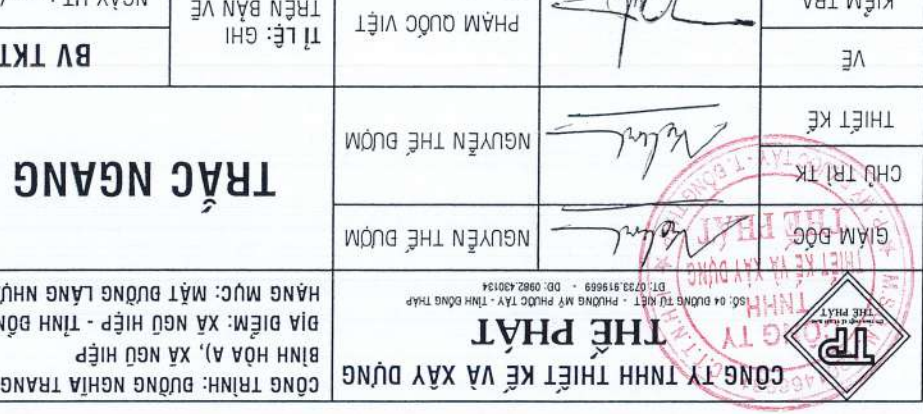
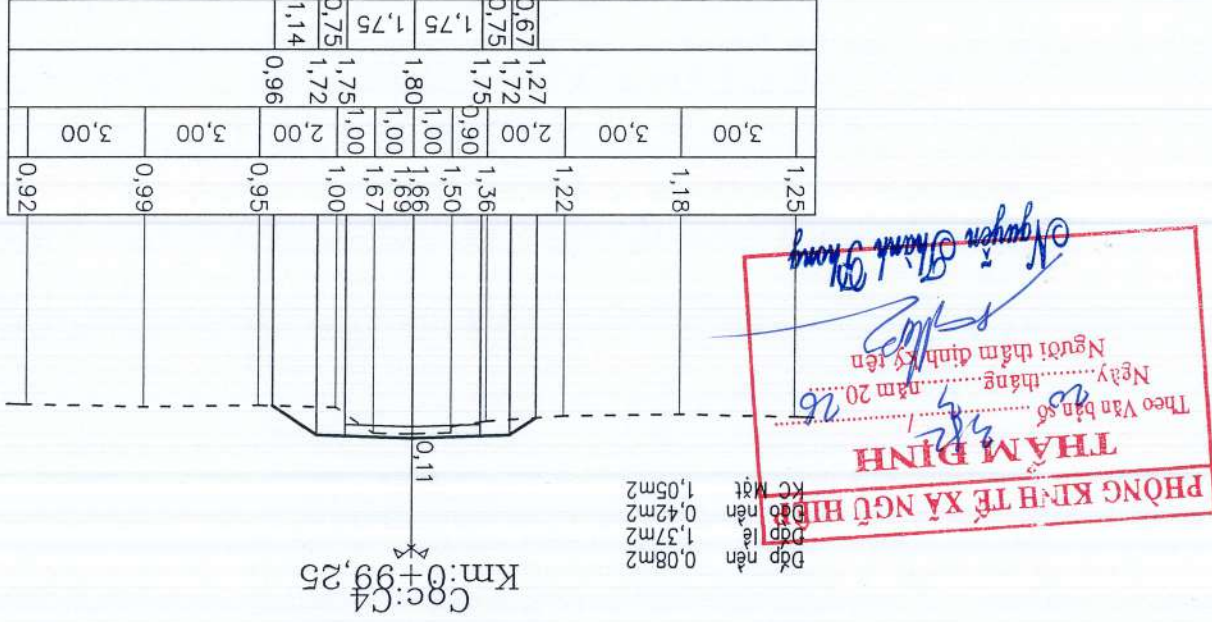
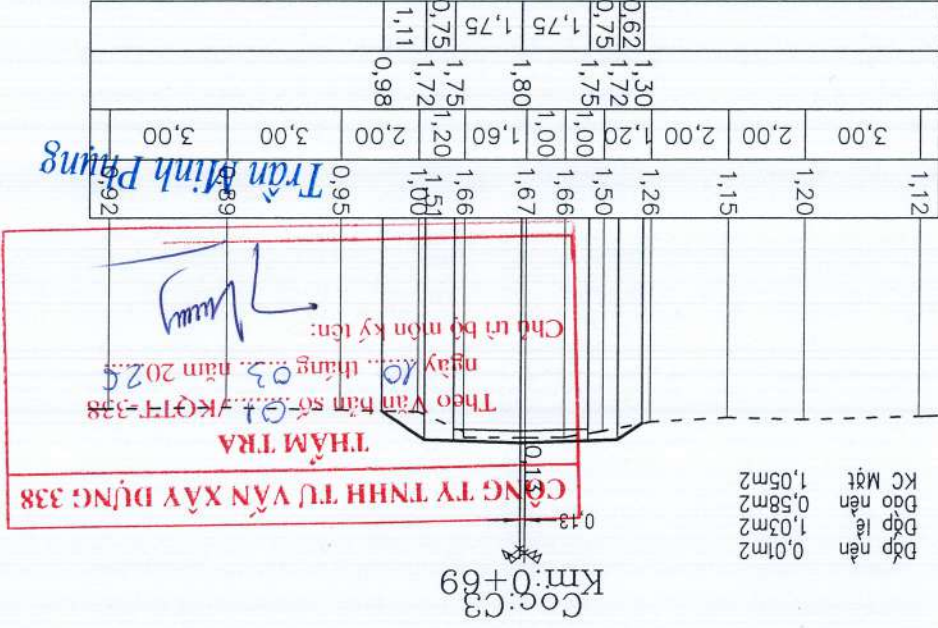
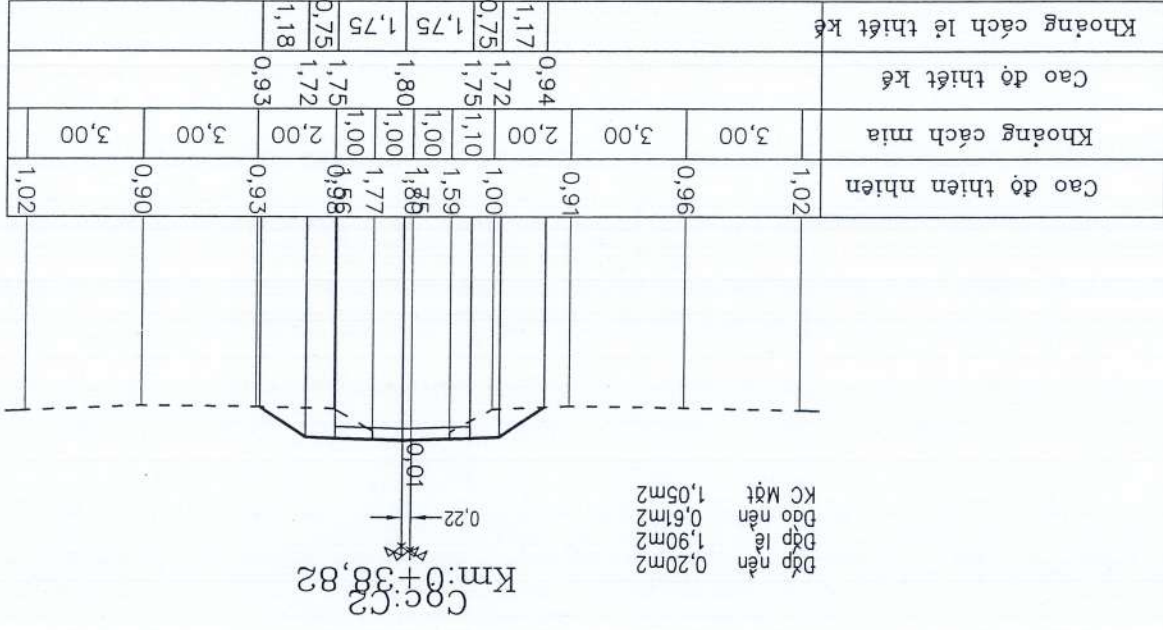
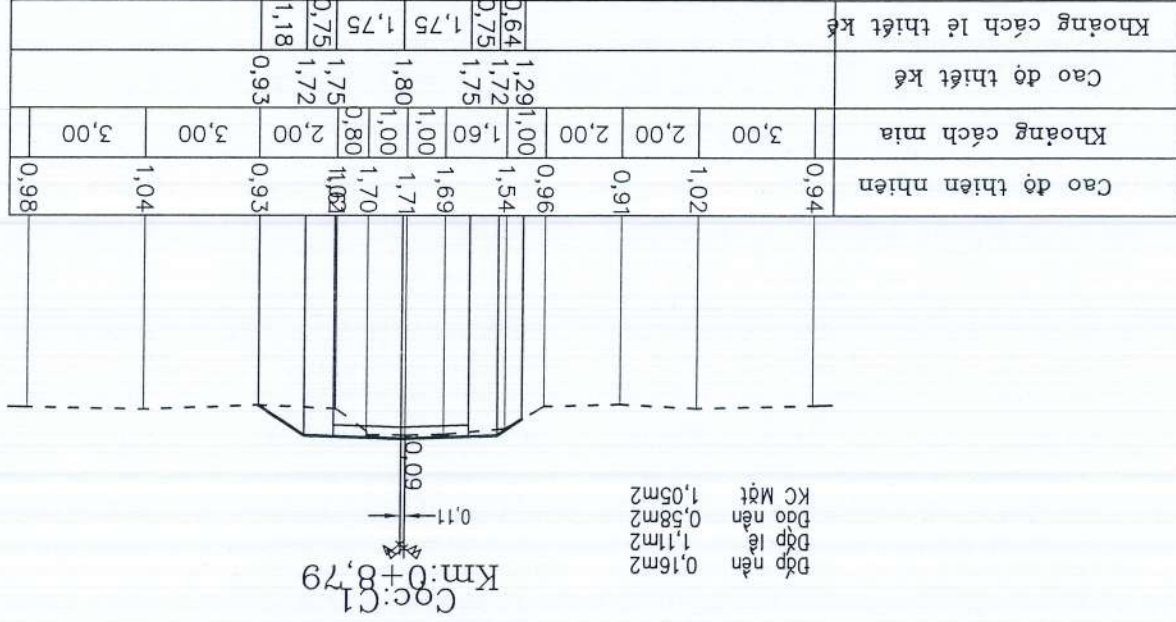
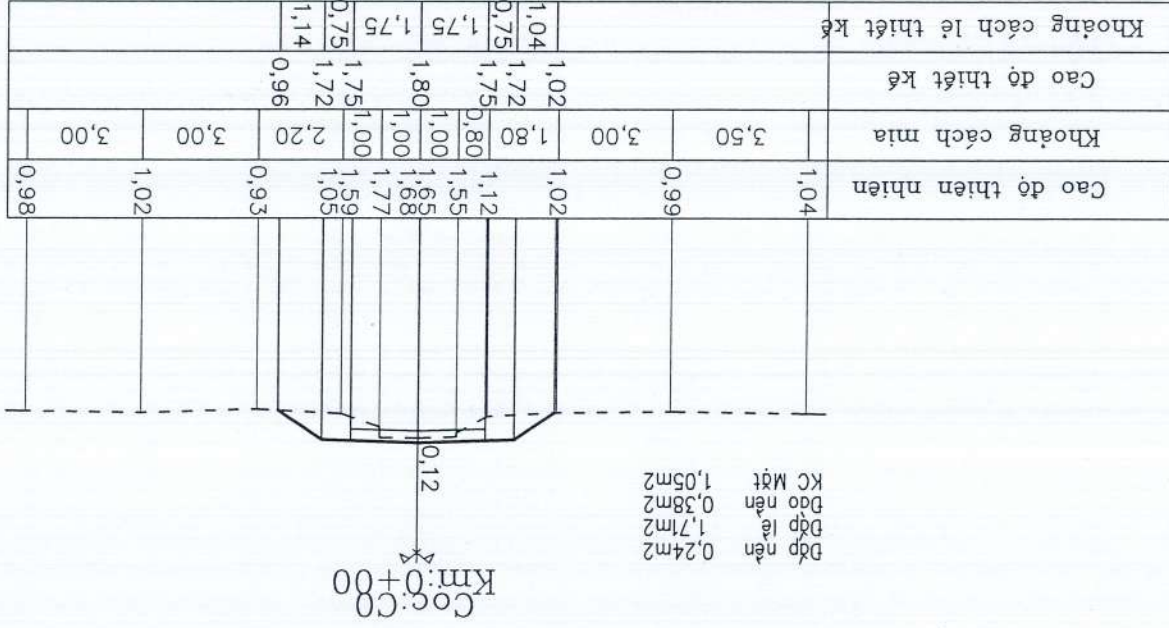
ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOÀN ẤP
BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP



THẾ PHÁT CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG SỐ 04 BƯỜNG TỰ KIẾT - PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY - TỈNH DỒNG THÁP ĐT: 0732.919669 - ĐC: 0902.420134		CÔNG TRÌNH: BƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOÀN A) BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP BIA DIỆM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH DỒNG THÁP HÀNG MỨC: MẶT BƯỚNG LĂNG NHỰA		TRẠC DỤC THIẾT KẾ TUYỂN		TRÊN BẢN VẼ TÌ LỆ: GHI TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ		TRÊN BẢN VẼ TRÊN BẢN VẼ TR	
---	--	--	--	------------------------------------	--	---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	---	--

[illegible]

TRẠC NGANG ĐƯỜNG NGHĨA TRẠNG (ĐOÀN ẮP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP - TL: 1/200



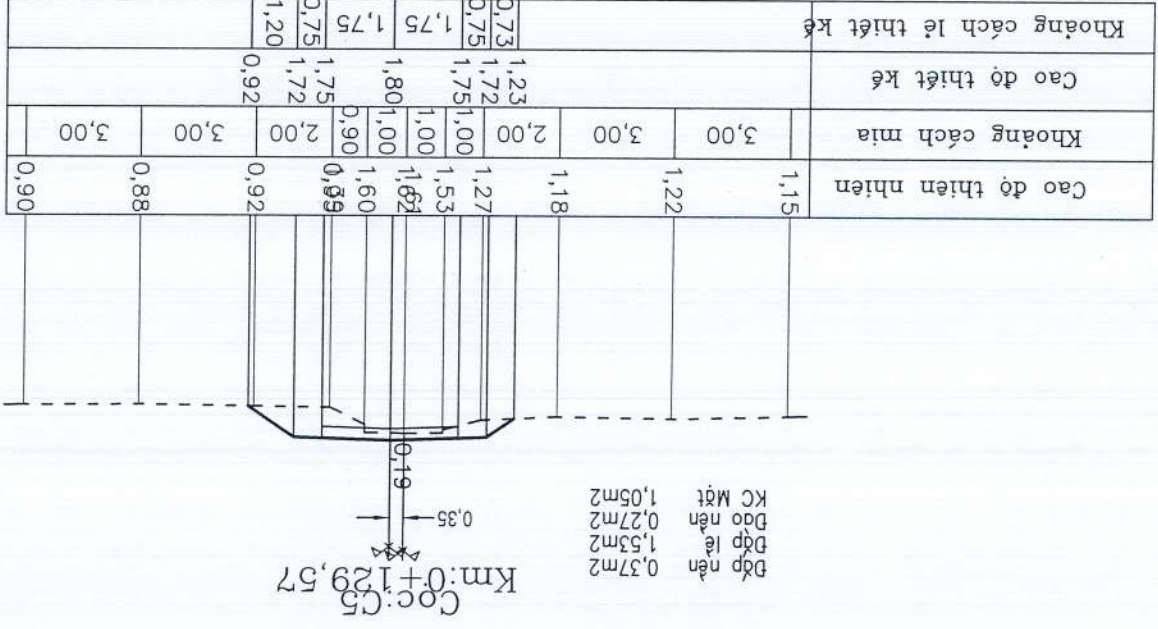
TRẮC NGANG THIẾT KẾ

BV TKTC

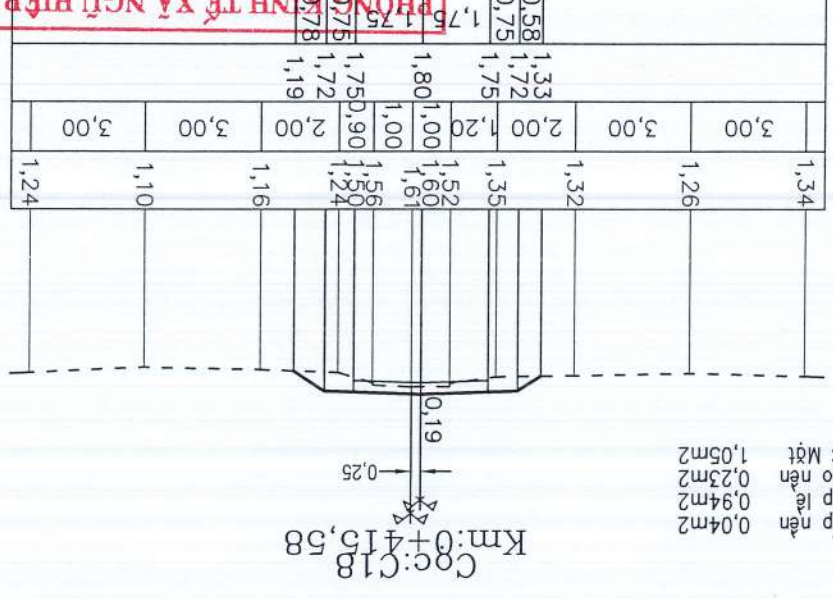
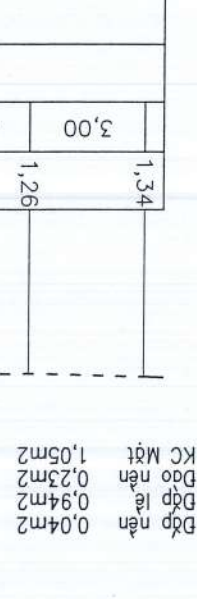
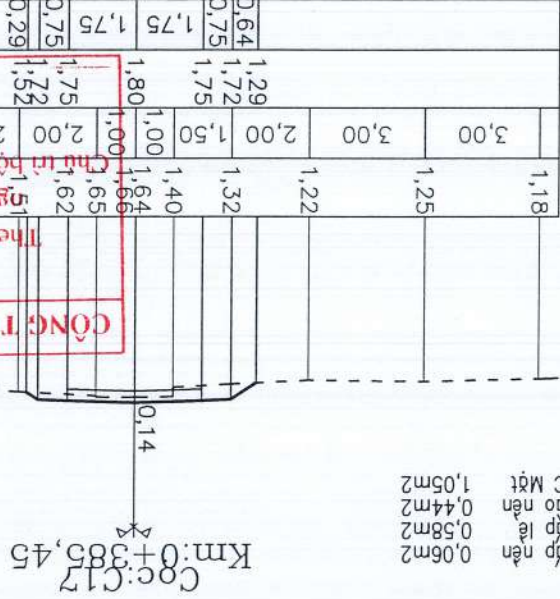
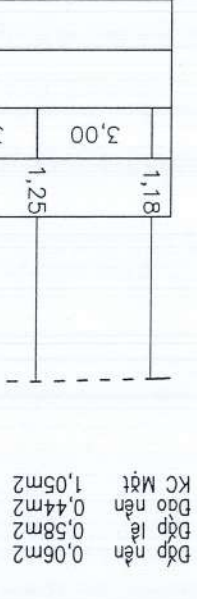
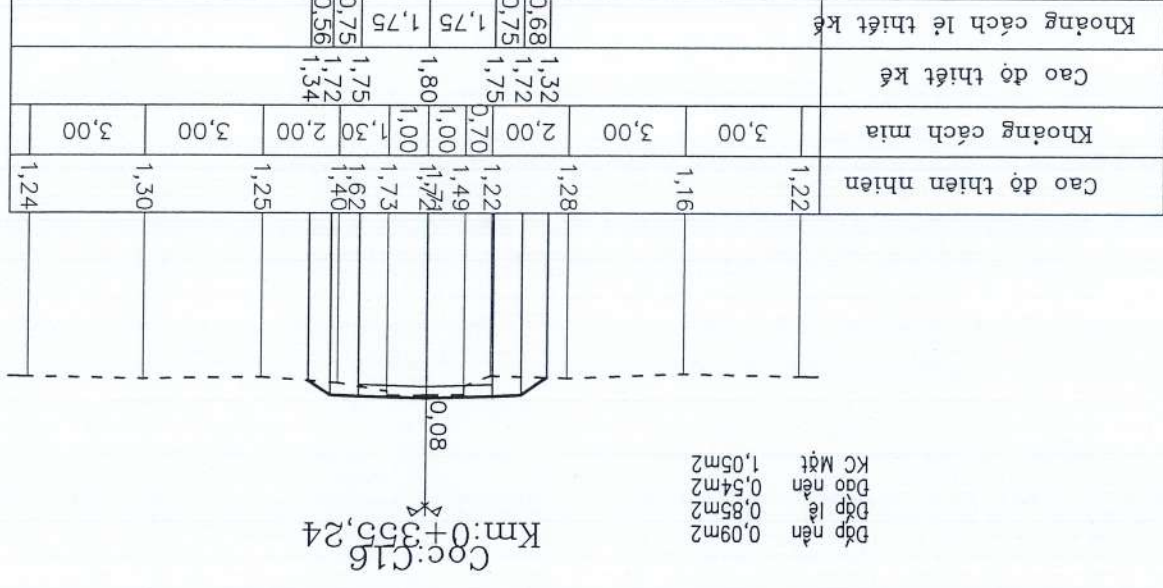
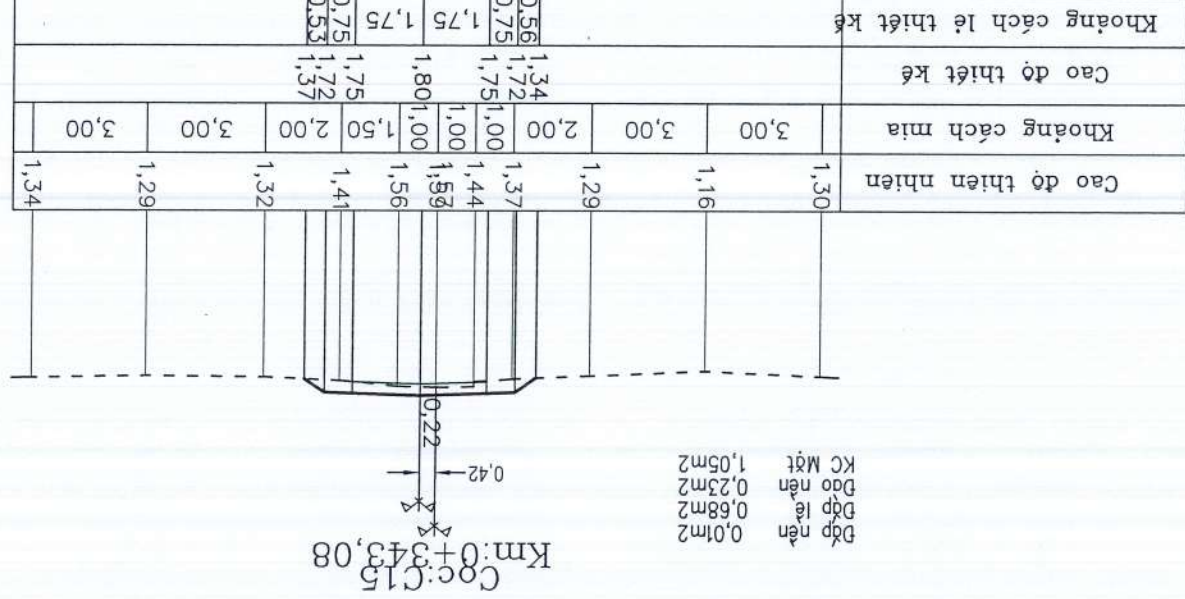
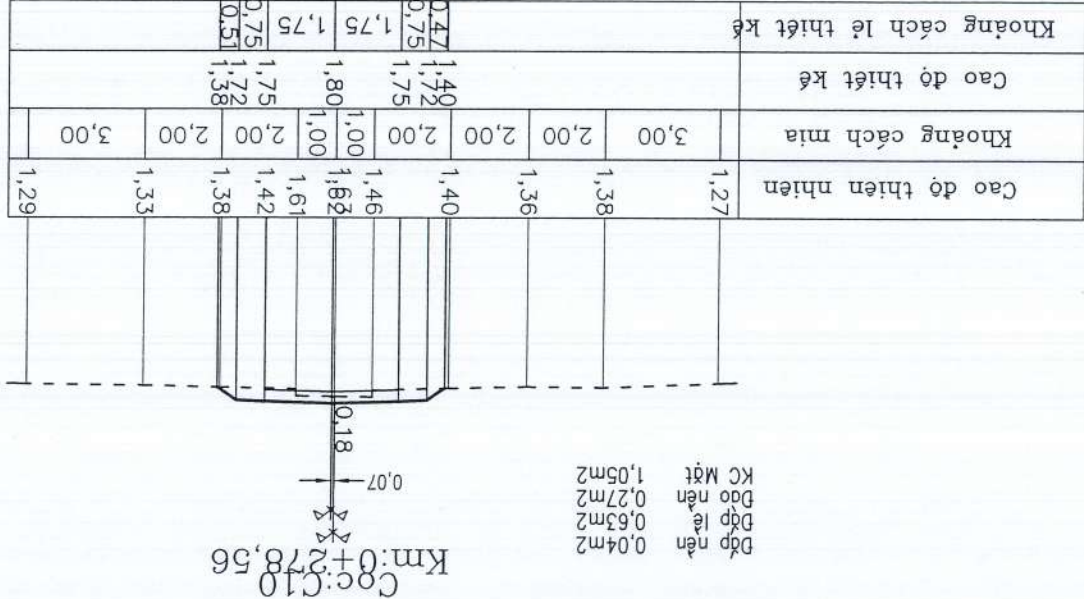
NGÀY HT :/...../2026

BẢN VẼ SỐ

TRẠC NGANG ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOÀN ẢP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP - T.L: 1/200

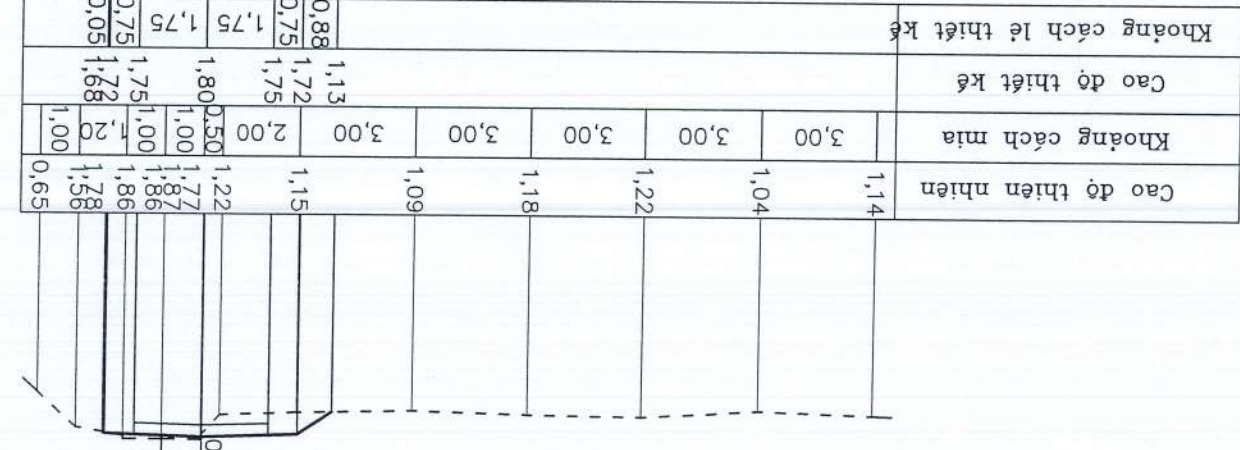
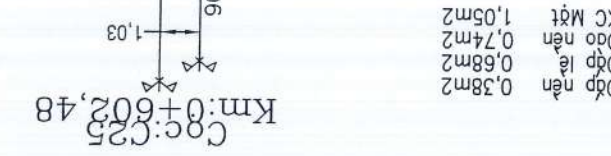
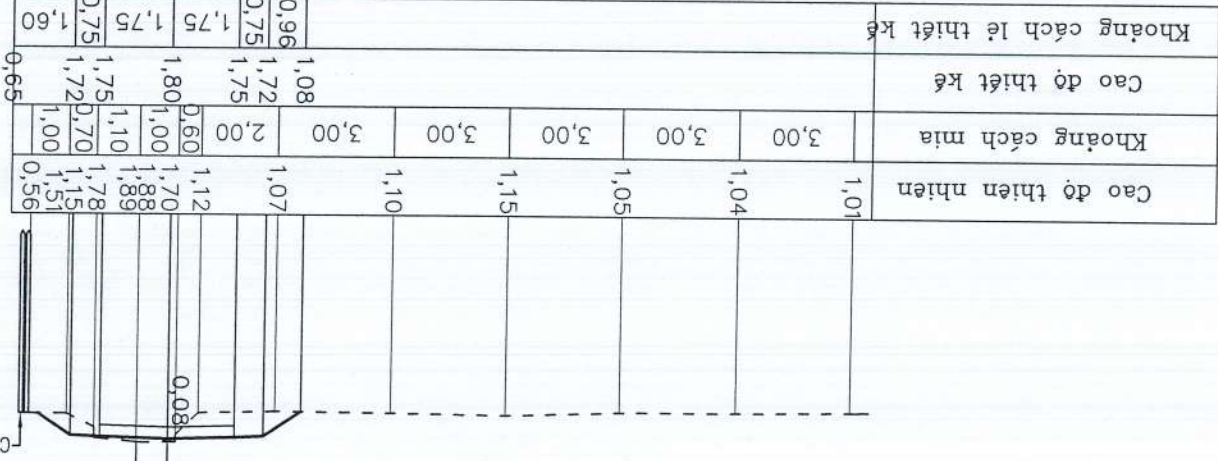
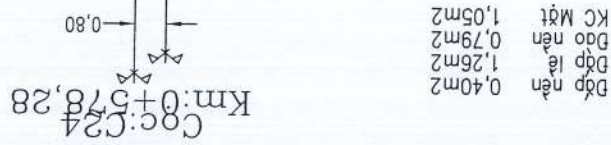


TRẠC NGANG ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOÀN ẢP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP - TL: 1/200

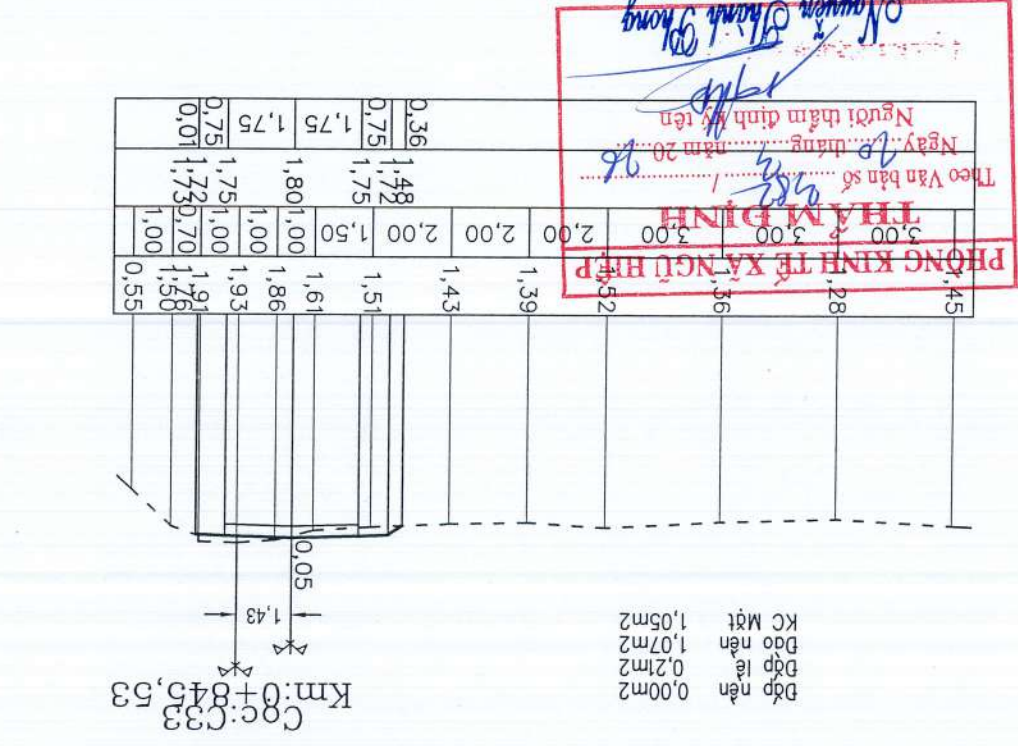
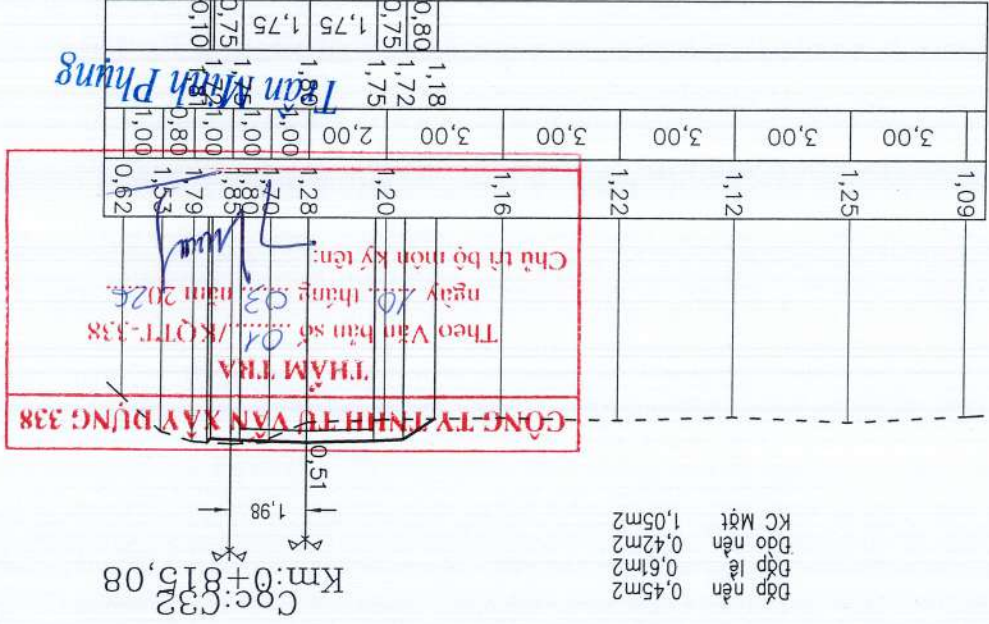
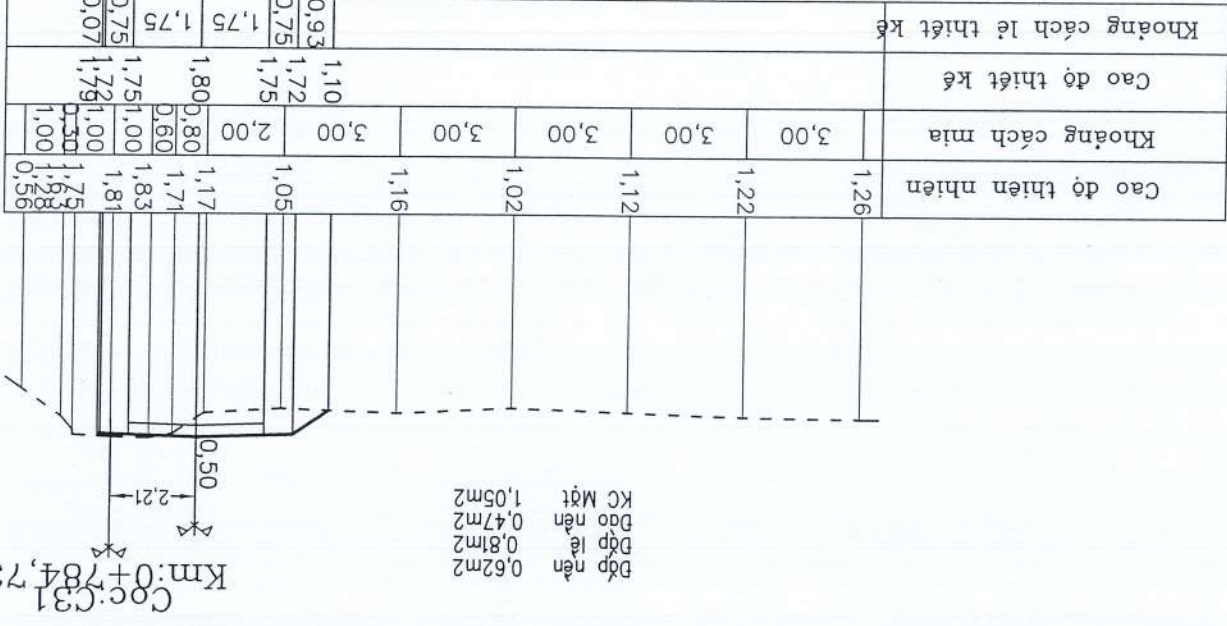
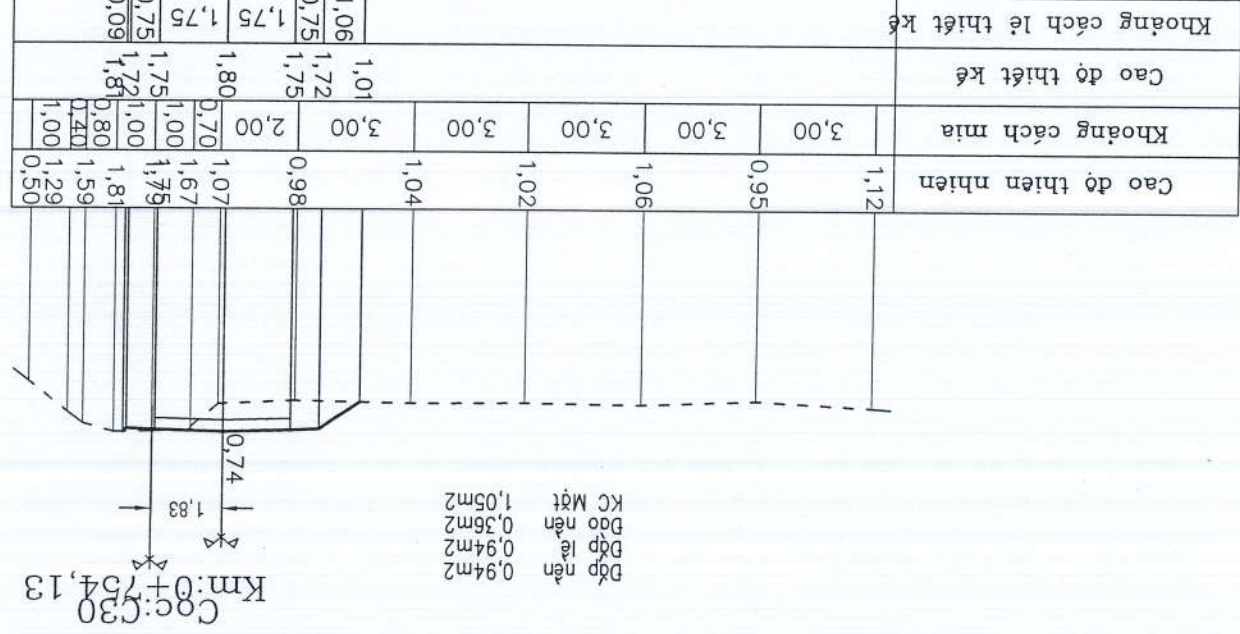
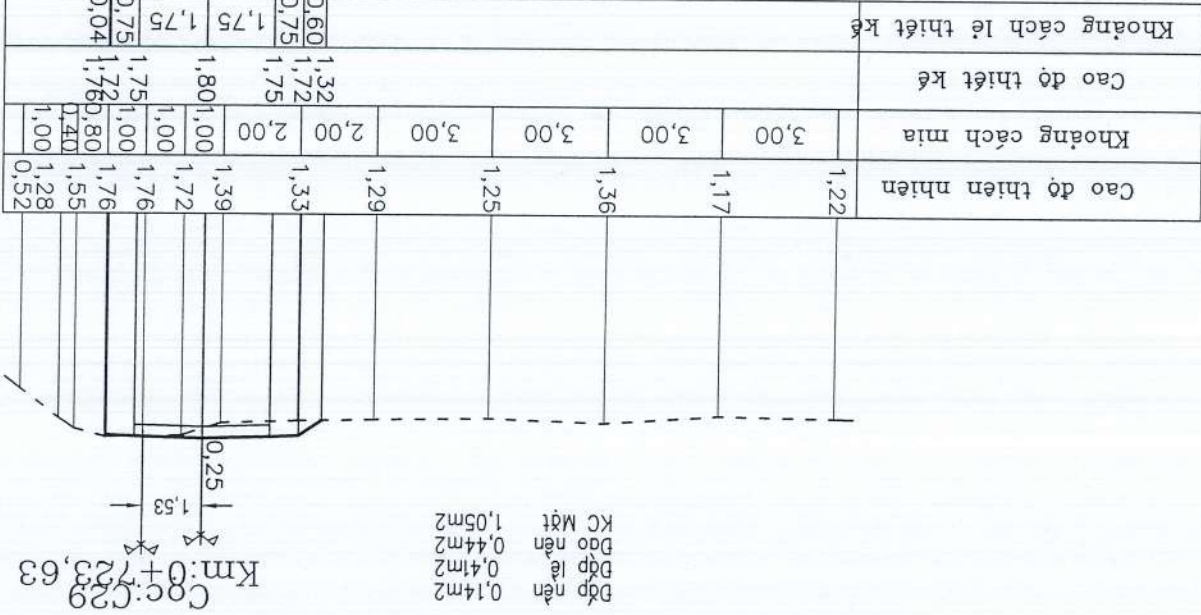


 CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THE PHÁT SỐ 04 QUANG TỬ KIẾT - PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY - TỈNH ĐỒNG THÁP Đ.T: 0733.0719669 - Đ.C: 0982.430134	CHỦ TRÌ TK NGUYỄN THỊ DUYM	NGUYỄN THỊ DUYM	NGUYỄN THỊ DUYM	KIỂM TRA VE	PHẠM QUỐC VIỆT	TỈ LỆ: GHI TRÊN BẢN VẼ	NGÀY HT :/2026 TD: 03/09
	THIẾT KẾ CHỦ TRÌ TK	NGUYỄN THỊ DUYM	NGUYỄN THỊ DUYM	VE	PHẠM QUỐC VIỆT	TỈ LỆ: GHI TRÊN BẢN VẼ	NGÀY HT :/2026 TD: 03/09

TRẠC NGANG ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOÀN ẤP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP - T.1: 1/200

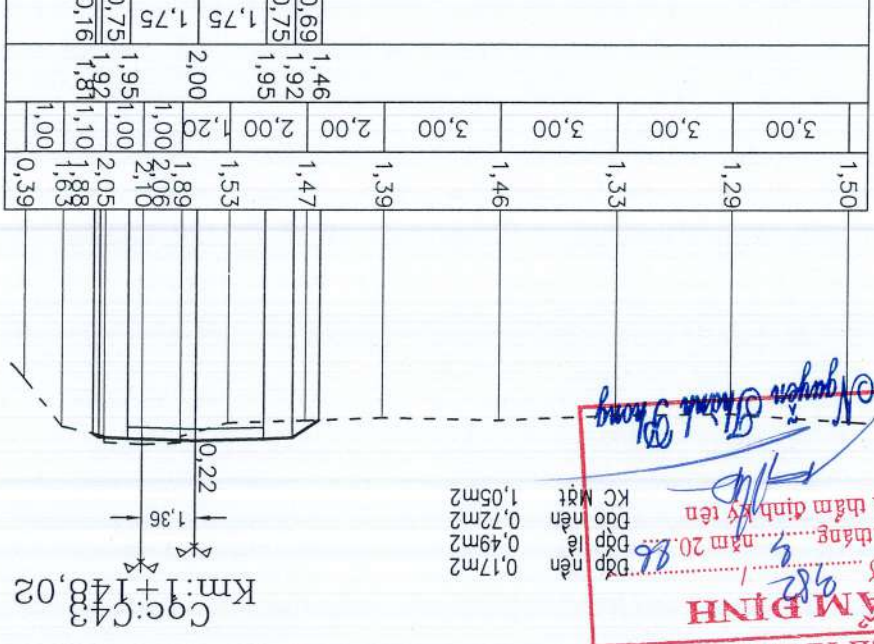
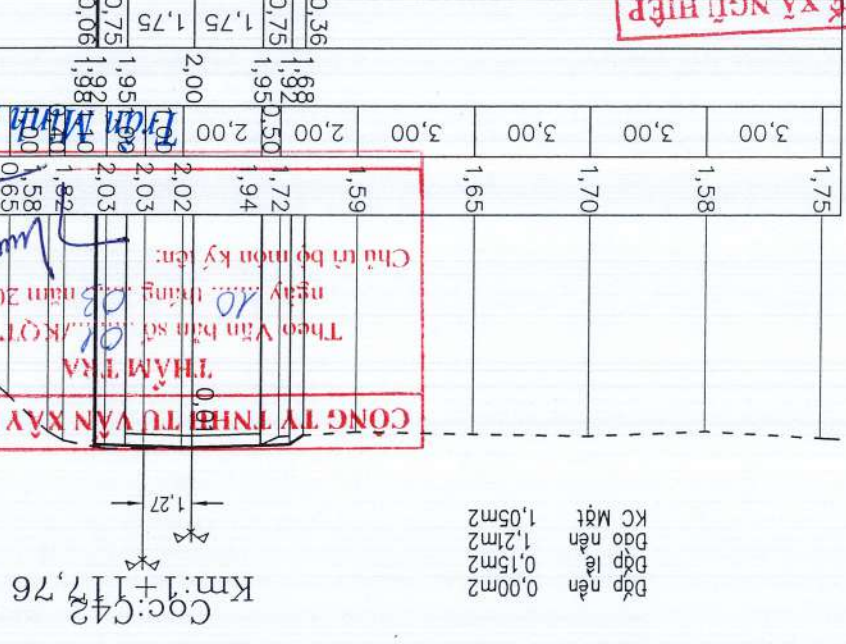
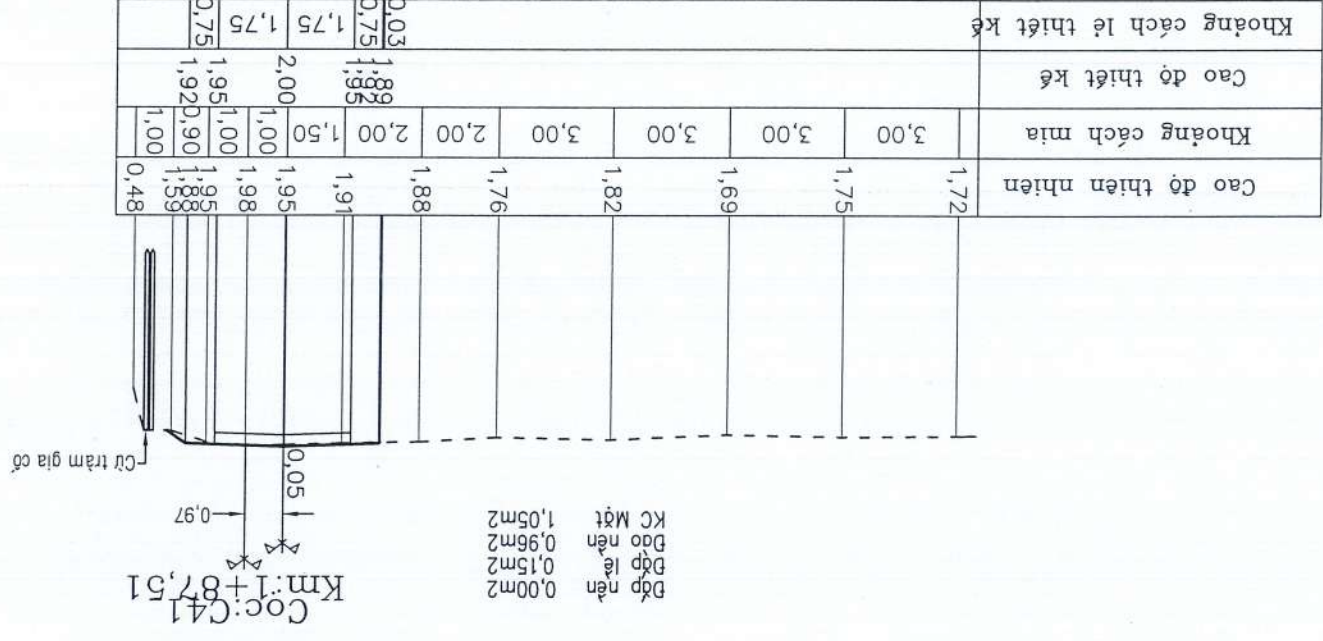
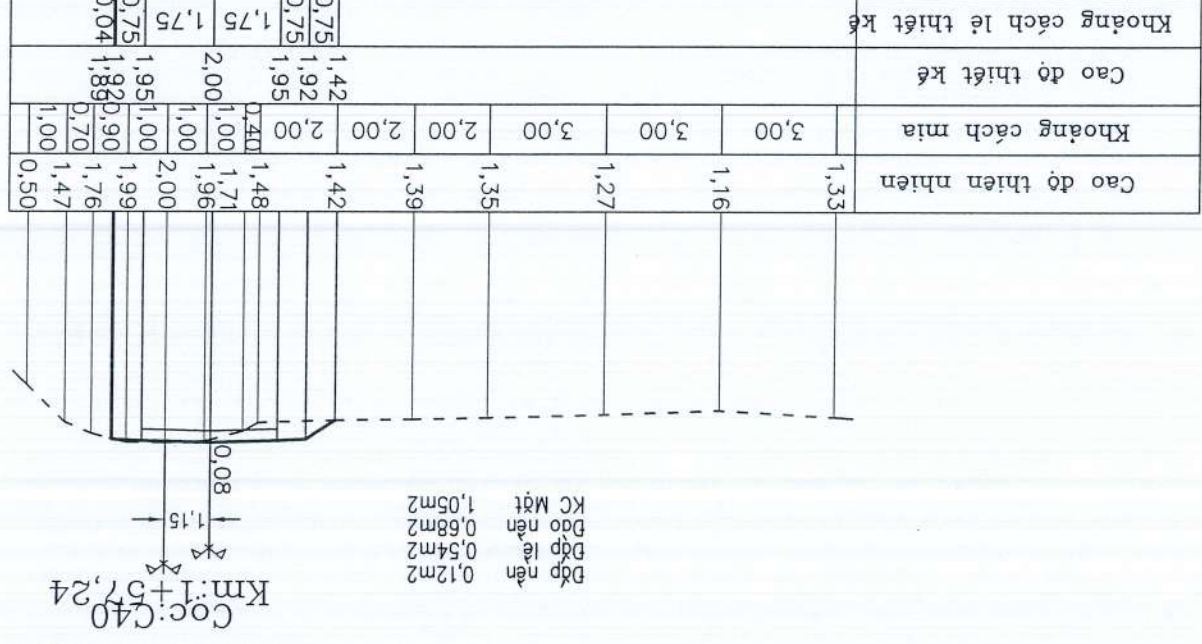
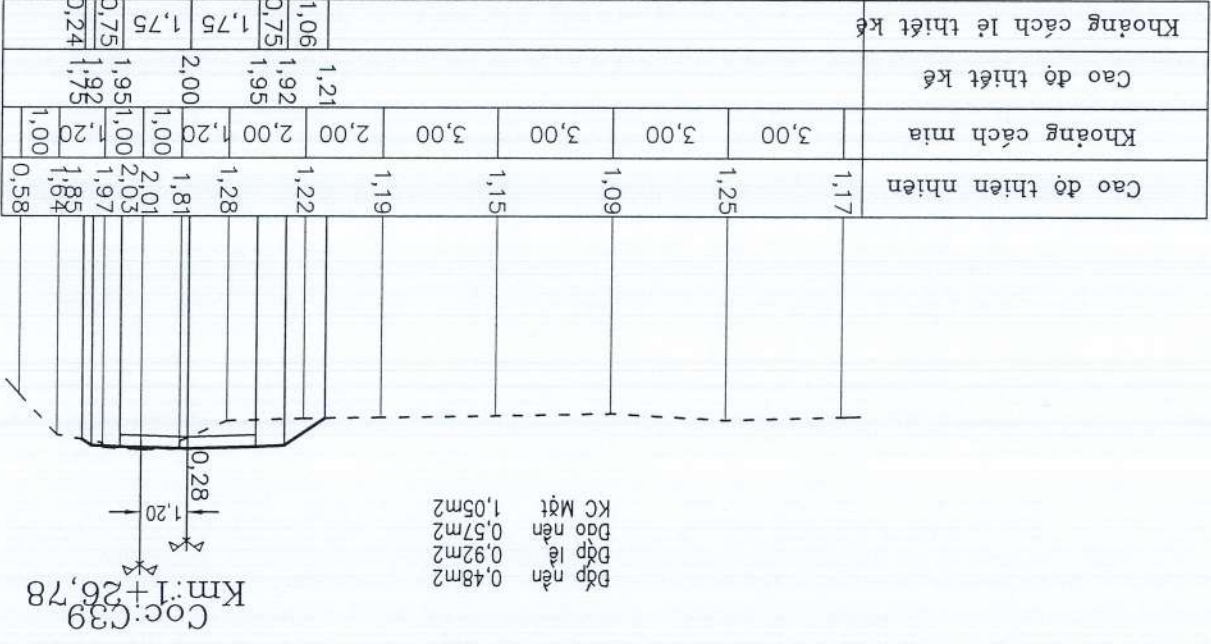


TRẠC NGANG ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOÀN ẢP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP - T.L: 1/200



TRẠC NGANG THIẾT KẾ	TRẠC NGANG THIẾT KẾ
CHỦ TRÌ TK	THIẾT KẾ
GIÁM ĐỐC	THIẾT KẾ
NGUYỄN THẾ BÙM	NGUYỄN THẾ BÙM
NGUYỄN THẾ BÙM	NGUYỄN THẾ BÙM
PHẠM QUỐC VIỆT	PHẠM QUỐC VIỆT
TỈ LỆ: GHI	TRÊN BẢN VẼ
BV TKTC	TRÊN BẢN VẼ
NGÀY HT :/...../2026	TRÊN BẢN VẼ
TD: 06/09	TRÊN BẢN VẼ

TRẠC NGANG ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOÀN ẤP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP - TL: 1/200



PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số /
Ngày tháng năm 20
Người thẩm định ký tên

Dã Dập
Dập
Đào KC

	1,59
	1,72
	1,94
	2,02
	2,03
	2,03
	1,86
	0,58
	0,65

Chữ in bỏ môn kỹ thuật:

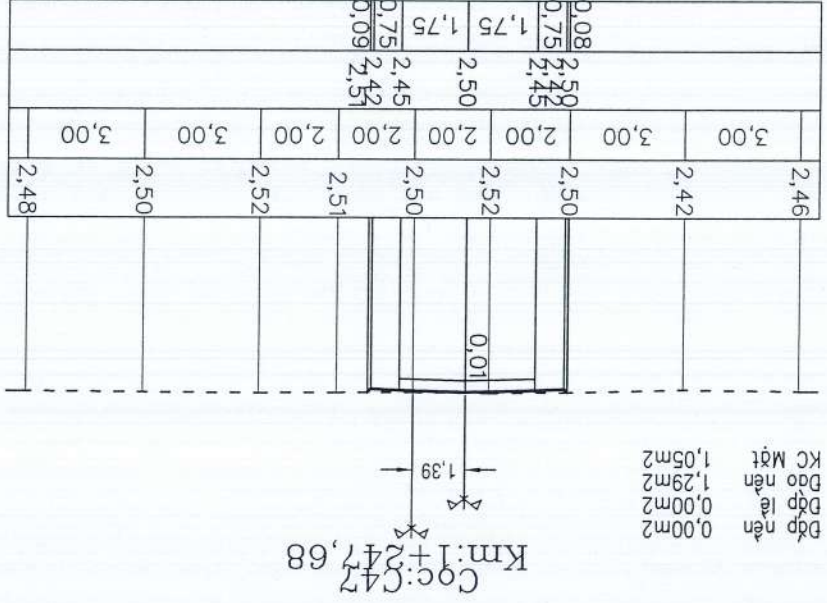
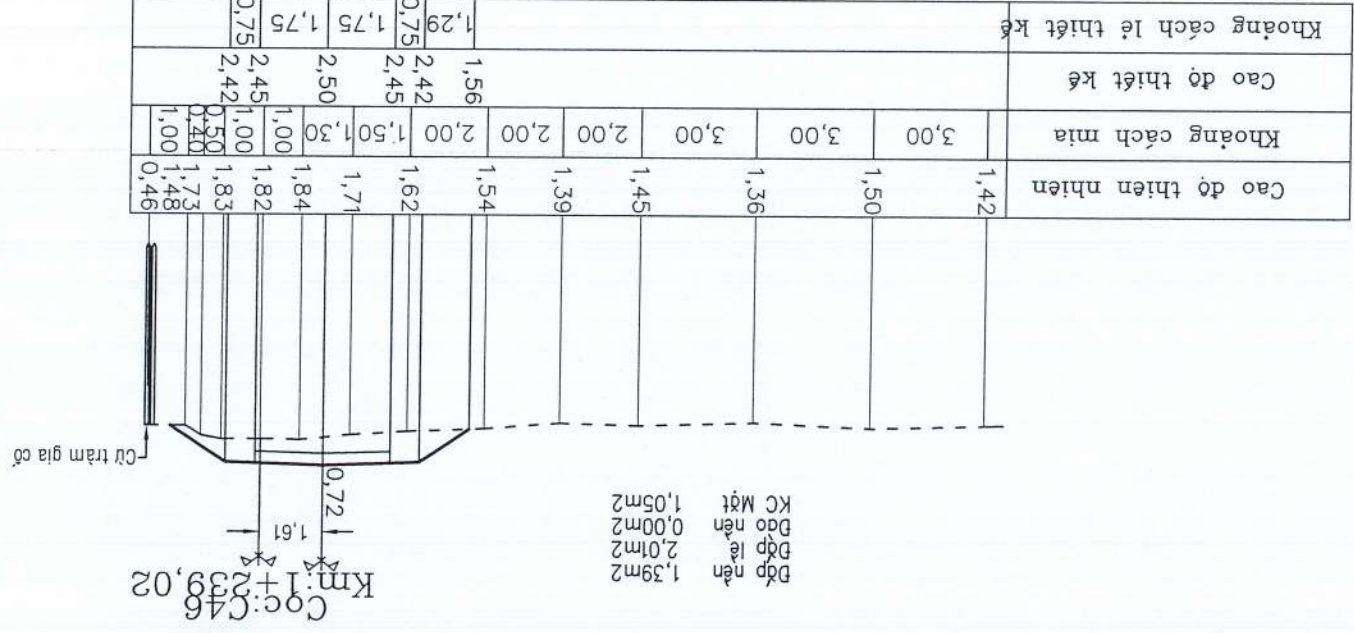
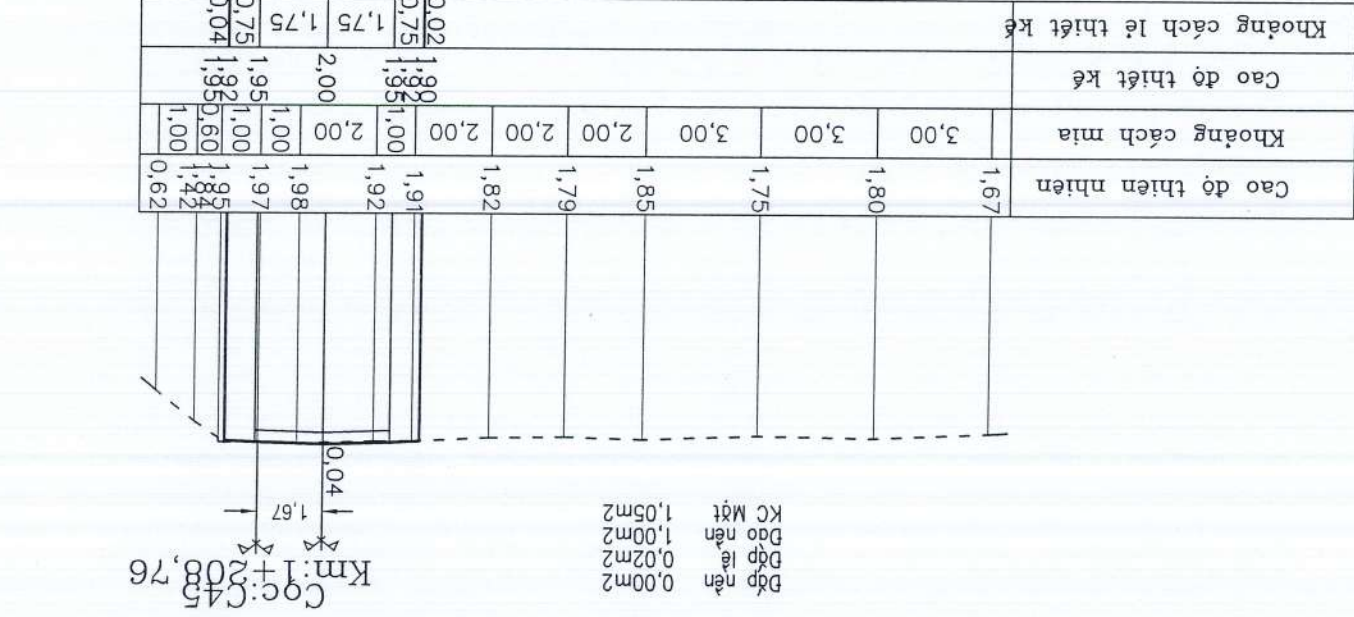
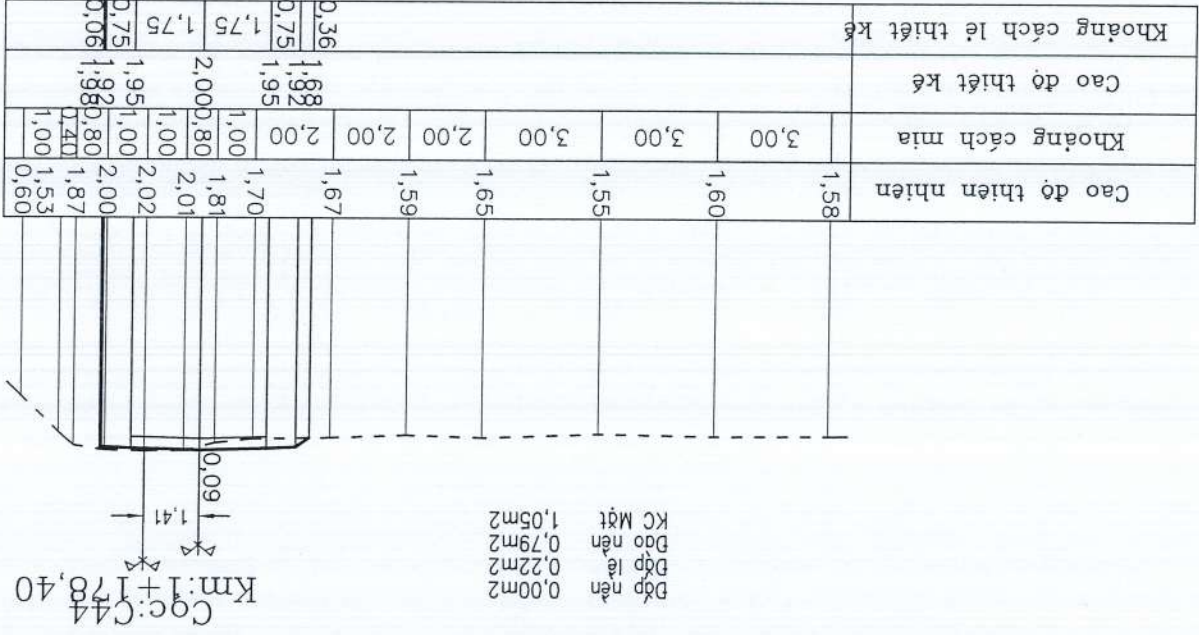
ngày 10 tháng 08 năm 2020

Theo Văn bản số 01/KQT-338

THẨM TRA

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 338

TRẠC NGANG ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOÀN ẤP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP - TL: 1/200



CHỮ TÌ BỎ MÓN KÝ TÊN:

ngày 10 tháng 03 năm 20..22

Theo Văn bản số 01./KQTT-338

THẨM TRƯA

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 338

Trần Minh Phụng

THAM DINH
 Theo Văn bản số 58
 Ngày tháng năm 2016
 Người tham định kỳ tên
 Nguyễn Đình Hoàng

 CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG TP THIỆT KẾ VÀ XÂY DỰNG TP	THIỆT KẾ VÀ XÂY DỰNG TP THIỆT KẾ VÀ XÂY DỰNG TP	THIỆT KẾ VÀ XÂY DỰNG TP THIỆT KẾ VÀ XÂY DỰNG TP	THIỆT KẾ VÀ XÂY DỰNG TP THIỆT KẾ VÀ XÂY DỰNG TP	THIỆT KẾ VÀ XÂY DỰNG TP THIỆT KẾ VÀ XÂY DỰNG TP	CÔNG TRÌNH: DỰNG NHÀ TRANG (ĐOÀN ẤP BÌNH CHÁNH TÂY BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP HÀNG MỤC: MẶT BƯỚNG LĂNG NHỰA	TRẠC NGANG THIẾT KẾ	NGUYỄN THẾ DŨM	NGUYỄN THẾ DŨM	PHẠM QUỐC VIỆT	TITLE: GHI TRÊN BẢN VẼ	BV TKTC	Ngày HT :/2026	TD: 09/09
---	---	---	---	---	--	-----------------------------------	------------------------------	------------------------------	------------------------------	--------------------------------------	-----------------------	------------------------------------	-------------------------

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

Công trình: **ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOẠN ẤP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP**

Địa điểm: Xã Ngũ Hiệp - Tỉnh Đồng Tháp

Hạng mục: Mặt Đường Láng Nhựa

TÊN CỤC	CỰ LY (m)	Diện tích mặt cắt (m2)				Diện tích mặt cắt TB (m2)				Khối lượng (m3) TÍNH			
		Đắp nền	Đắp lề	Đào nền	KC mặt	Đắp nền	Đắp lề	Đào nền	KC mặt	Đắp nền	Đắp lề	Đào nền	KC mặt
C0	8,79	0,24	1,71	0,38	1,05	0,20	1,41	0,48	1,05	1,76	12,39	4,22	9,23
C1	30,03	0,16	1,11	0,58	1,05	0,18	1,51	0,60	1,05	5,41	45,20	17,87	31,53
C2	30,18	0,20	1,90	0,61	1,05	0,11	1,47	0,60	1,05	3,17	44,21	17,96	31,69
C3	30,25	0,01	1,03	0,58	1,05	0,05	1,20	0,50	1,05	1,36	36,30	15,13	31,76
C4	30,32	0,08	1,37	0,42	1,05	0,23	1,45	0,35	1,05	6,82	43,96	10,46	31,84
C5	30,15	0,37	1,53	0,27	1,05	0,36	1,38	0,19	1,05	10,85	41,46	5,73	31,66
C6	30,30	0,35	1,22	0,11	1,05	0,32	1,50	0,18	1,05	9,70	45,30	5,30	31,82
C7	30,03	0,29	1,77	0,24	1,05	0,24	1,61	0,23	1,05	7,06	48,20	6,91	31,53
C8	28,33	0,18	1,44	0,22	1,05	0,34	1,49	0,24	1,05	9,63	42,07	6,66	29,75
C9	30,18	0,50	1,53	0,25	1,05	0,27	1,08	0,26	1,05	8,15	32,59	7,85	31,69
C10	64,52	0,04	0,63	0,27	1,05	PHẠM VI THI CÔNG CẦU KHÔNG TÍNH KHỐI LƯỢNG THIẾT KẾ							
C15	12,16	0,01	0,68	0,23	1,05	0,05	0,77	0,39	1,05	0,61	9,30	4,68	12,77
C16	30,21	0,09	0,85	0,54	1,05	0,08	0,72	0,49	1,05	2,27	21,60	14,80	31,72
C17	30,13	0,06	0,58	0,44	1,05	0,05	0,76	0,34	1,05	1,51	22,90	10,09	31,64
C18	30,33	0,04	0,94	0,23	1,05	0,06	0,88	0,27	1,05	1,67	26,69	8,04	31,85
C19	30,28	0,07	0,82	0,30	1,05	0,04	0,67	0,43	1,05	1,06	20,14	13,02	31,79
C20	30,15		0,51	0,56	1,05	0,04	0,59	0,45	1,05	1,06	17,79	13,57	31,66
C21	30,22	0,07	0,67	0,34	1,05	0,04	0,60	0,41	1,05	1,21	17,98	12,24	31,73
C22	30,69	0,01	0,52	0,47	1,05	0,08	0,74	0,51	1,05	2,30	22,56	15,65	32,22
C23	11,03	0,14	0,95	0,55	1,05	0,27	1,11	0,67	1,05	2,98	12,19	7,39	11,58
C24	24,20	0,40	1,26	0,79	1,05	0,39	0,97	0,77	1,05	9,44	23,47	18,51	25,41
C25	30,26	0,38	0,68	0,74	1,05	0,43	0,82	0,68	1,05	12,86	24,81	20,58	31,77
C26	30,36	0,47	0,96	0,82	1,05	0,53	0,73	0,48	1,05	10,02	22,16	14,57	31,88
C27	30,34	0,19	0,50	0,50	1,05	0,53	0,53	0,34	1,05	6,37	16,08	10,16	31,86
C28	30,19	0,23	0,56	0,44	1,05	0,19	0,49	0,39	1,05	5,59	14,64	11,62	31,70
C29	30,50	0,14	0,41	0,44	1,05	0,54	0,68	0,40	1,05	16,47	20,59	12,20	32,03
C30	30,60	0,94	0,94	0,36	1,05	0,78	0,88	0,42	1,05	23,87	26,78	12,70	32,13
C31	30,35	0,62	0,81	0,47	1,05	0,54	0,71	0,45	1,05	16,24	21,55	13,51	31,87
C32	30,45	0,45	0,61	0,42	1,05	0,23	0,41	0,75	1,05	6,85	12,48	22,69	31,97
C33			0,21	1,07	1,05								

TÊN CỤC	CỰ LY (m)	Diện tích mặt cắt (m2)				Diện tích mặt cắt TB (m2)				Khối lượng (m3)			
		Đắp nền	Đắp lê	Đào nền	KC mặt	Đắp nền	Đắp lê	Đào nền	KC mặt	Đắp nền	Đắp lê	Đào nền	KC mặt
C34	30, 20		0, 14	1, 50	1, 05		0, 18	1, 29	1, 05		5, 29	38, 81	31, 71
C35	30, 29					0, 02	0, 29	1, 15	1, 05	0, 45	8, 63	34, 83	31, 80
C36	30, 24	0, 03	0, 43	0, 80	1, 05	0, 06	0, 47	0, 91	1, 05	1, 81	14, 21	27, 37	31, 75
C37	30, 15	0, 09	0, 51	1, 01	1, 05	0, 19	0, 53	0, 85	1, 05	5, 58	15, 83	25, 48	31, 66
C38	30, 05	0, 28	0, 54	0, 68	1, 05	0, 32	0, 65	0, 67	1, 05	9, 47	19, 53	20, 13	31, 55
C39	30, 32	0, 35	0, 76	0, 66	1, 05	0, 42	0, 84	0, 62	1, 05	12, 58	25, 47	18, 65	31, 84
C40	30, 46	0, 48	0, 92	0, 57	1, 05	0, 30	0, 73	0, 63	1, 05	9, 14	22, 24	19, 04	31, 98
C41	30, 27	0, 12	0, 54	0, 68	1, 05	0, 06	0, 35	0, 82	1, 05	1, 82	10, 44	24, 82	31, 78
C42	30, 25		0, 15	0, 96	1, 05		0, 15	1, 09	1, 05		4, 54	32, 82	31, 76
C43	30, 26		0, 15	1, 21	1, 05	0, 09	0, 32	0, 97	1, 05	2, 57	9, 68	29, 20	31, 77
C44	30, 38	0, 17	0, 49	0, 72	1, 05	0, 09	0, 36	0, 76	1, 05	2, 58	10, 78	22, 94	31, 90
C45	30, 36		0, 22	0, 79	1, 05		0, 12	0, 90	1, 05		3, 64	27, 17	31, 88
C46	30, 26		0, 02	1, 00	1, 05	0, 70	1, 02	0, 50	1, 05	21, 03	30, 71	15, 13	31, 77
C47	8, 66	1, 39	2, 01		1, 05	0, 70	1, 01	0, 65	1, 05	6, 02	8, 70	5, 59	9, 09
1247, 68				1, 29	1, 05					259, 31	935, 10	676, 07	1. 242, 32

PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 282
Ngày 12 tháng 1 năm 2022
Người thẩm định ký tên
Nguyễn Thành Phong

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 338
THẨM TRA
Theo Văn bản số 61/KQT-338
ngày 10 tháng 03 năm 2022
Chủ trì bộ môn ký tên:
Trần Minh Phụng

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG LẮP MƯƠNG VÀ GIA CỐ CỬ TRÀM

Công trình: ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOẠN ẤP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP

Hạng mục: Mặt Đường Láng Nhựa - Cầu Và Cống Ngang Đường

Địa điểm: Xã Ngũ Hiệp - Tỉnh Đồng Tháp



STT	TÊN MƯƠNG	CD ĐÁY MƯƠNG	CD ĐẬP MƯƠNG	CHIỀU CAO ĐẬP (Mét)	DIỆN TÍCH MƯƠNG (M2)	KHOẢNG LƯỢNG (M3)	CHIỀU DÀI CỬ ĐÓNG NGẬP ĐẤT	CD GIA CỐ (Mét)	
1	M1	0,11	1,05	0,94	2,64	2,48	3,61	2,00	Cử 4,7m, mật độ 16cây/md
2	M2	-0,21	1,12	1,33	3,26	4,34	3,29	2,00	Cử 4,7m, mật độ 16cây/md
3	M3	0,07	1,02	0,95	3,46	3,29	3,57	2,00	Cử 4,7m, mật độ 16cây/md
4	M4	-0,15	0,96	1,11	18,78	20,75	3,36	4,00	Cử 4,7m, mật độ 16cây/md
5	M5	0,14	1,02	0,88	3,05	2,68	3,64	1,50	Cử 4,7m, mật độ 16cây/md
6	M6	0,18	1,01	0,83	2,75	2,28	3,68	1,50	Cử 4,7m, mật độ 16cây/md
7	M7	0,04	1,13	1,09	3,27	3,56	3,54	2,00	Cử 4,7m, mật độ 16cây/md
8	M8	0,19	1,15	0,96	4,16	3,99	3,69	2,00	Cử 4,7m, mật độ 16cây/md
9	M9	0,05	1,20	1,15	2,86	3,29	3,55	1,50	Cử 4,7m, mật độ 16cây/md
10	M10	0,12	1,00	0,88	18,28	16,09	3,62	4,00	Cử 4,7m, mật độ 16cây/md
11	M11	0,04	1,29	1,25	1,57	1,96	3,54	1,50	Cử 4,7m, mật độ 16cây/md
12	M12	-0,12	1,28	1,40	1,90	2,66	3,38	1,50	Cử 4,7m, mật độ 16cây/md
13	M13	0,59	1,30	0,72	26,19	18,73			
14	M14	0,32	1,33	1,01	40,78	41,19	3,82	2,50	Cử 4,7m, mật độ 16cây/md
15	M15	-0,11	1,43	1,54	47,44	73,06			
16	M16	0,46	1,41	0,96	25,73	24,57			
17	M17	0,21	1,45	1,24	1,94	2,41	3,71	1,50	Cử 4,7m, mật độ 16cây/md
18	M18	0,21	1,45	1,24	49,95	61,94			
19	M19	0,49	1,26	0,77	14,14	10,89	3,99	1,50	Cử 4,7m, mật độ 16cây/md
20	M20	0,20	1,28	1,08	8,79	9,49	3,70	2,00	Cử 4,7m, mật độ 16cây/md
21	M21	0,57	1,50	0,93	3,61	3,36	4,07	15,00	Cử 4,7m, mật độ 16cây/md
22	M22	0,37	1,54	1,17	4,36	5,10	3,87	13,50	Cử 4,7m, mật độ 16cây/md
23	M23	0,25	1,42	1,17	2,67	3,12	3,75	2,00	Cử 4,7m, mật độ 16cây/md
24	M24	0,40	1,28	0,88	11,96	10,52	3,90	3,00	Cử 4,7m, mật độ 16cây/md
25	M25	0,40	1,50	1,10	1,82	2,00	3,90	2,00	Cử 4,7m, mật độ 16cây/md
26	M26	0,48	1,59	1,11	3,53	3,92	3,98	18,00	Cử 4,7m, mật độ 16cây/md
27	M27	0,46	1,48	1,02	4,51	4,60	3,96	11,50	Cử 4,7m, mật độ 16cây/md
					313,40	342,27	3,70	98,00	

- TỔNG DIỆN TÍCH LẮP MƯƠNG:

313,40 m2

- TỔNG KHỐI LƯỢNG LẮP MƯƠNG:

342,27 m3

- TỔNG CHIỀU DÀI GIA CỐ CỬ TRÀM:

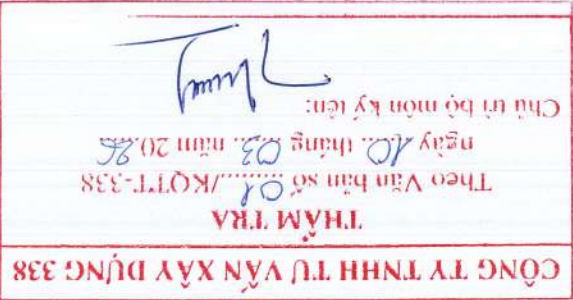
98,00 md

- CHIỀU DÀI CỬ ĐÓNG NGẬP ĐẤT TRUNG BÌNH:

3,70 md



Trần Minh Phụng



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 338

THẨM TRA

Theo Văn bản số/KQTT-338

ngày tháng năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 338

THẨM TRA

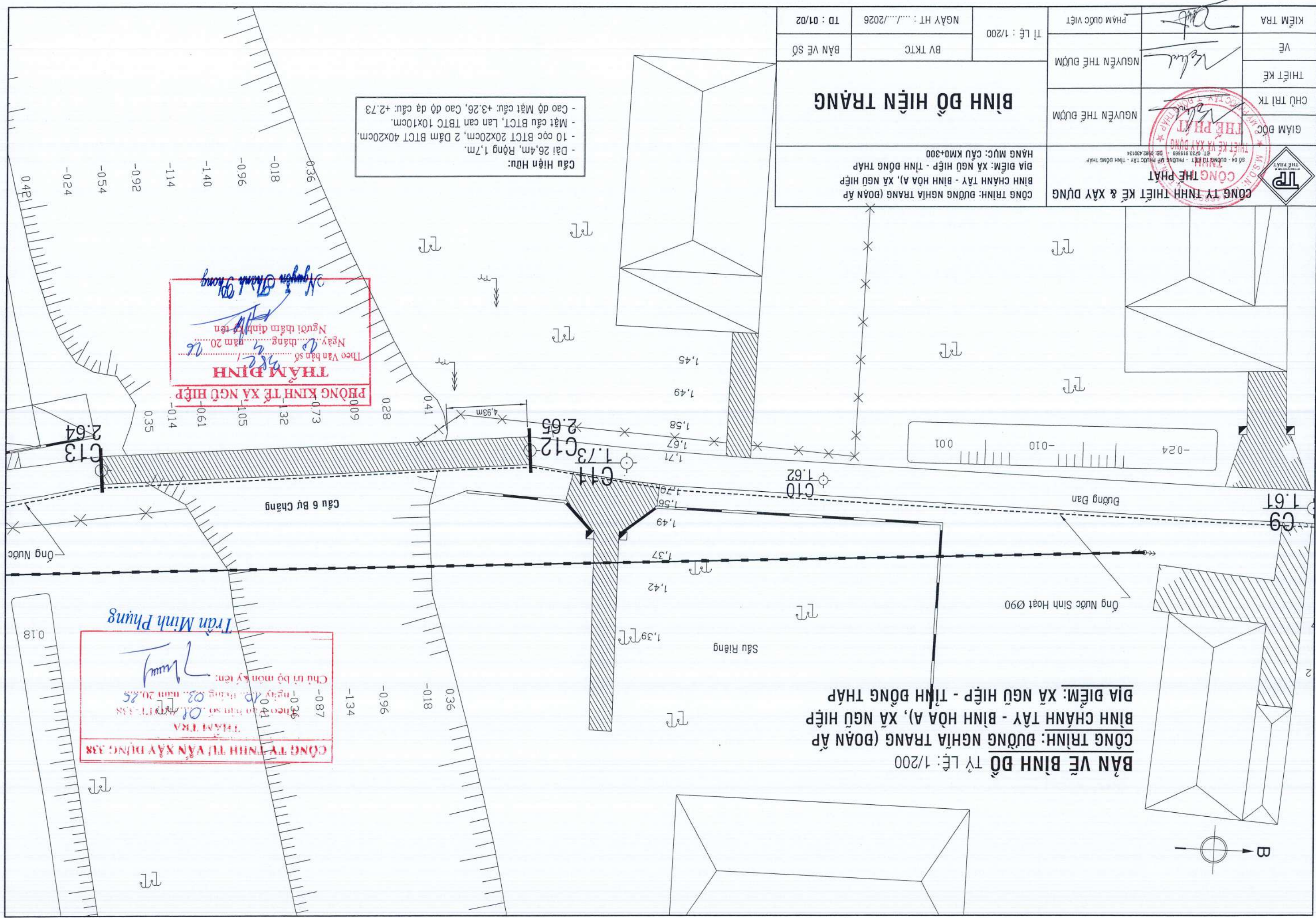
Theo Văn bản số/KQTT-338

ngày tháng năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

Trần Minh Phụng

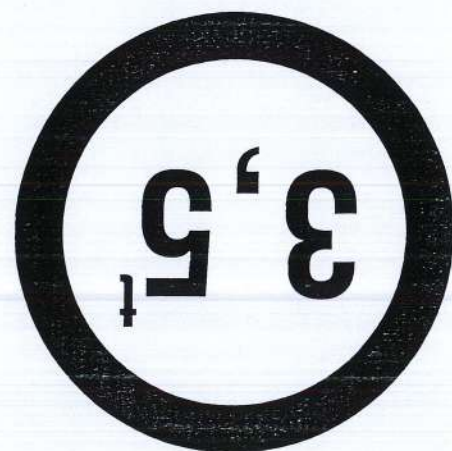
1. BẢN VẼ CẦU KMO+300 (CẦU CHÍNH VÀ ĐƯỜNG VÀO CẦU)



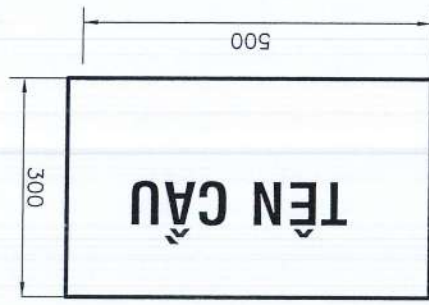
Số TT	Tên cấu kiện	ĐVT	Mã hiệu	Số lượng	Ghi chú
1	Biên bảo hạn chế trọng	Biên	P.115	2	Cắm tại cuối công trình
2	Biên bảo tên cầu	Biên		2	Cắm tại vị trí cuối công trình
3	Trụ biên bảo	Trụ	P.115	2	Cắm tại đầu công trình

PHIẾU CHUẨN:

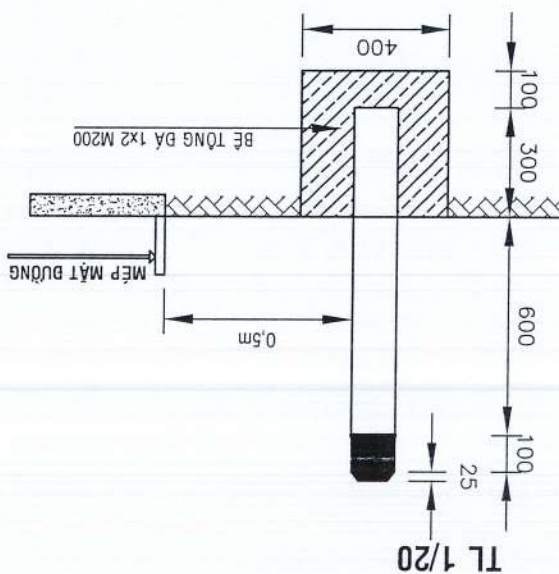
- TRỤ BIÊN BẢO GIA CÔNG BẰNG ỐNG SẮT TRẮNG KẼM D=90 DÂY 4mm
- BIÊN BẢO GIA CÔNG BẰNG TOLT MÀ KẼM DÂY 1,2mm
- QUY CHUẨN QUỐC GIA VỀ BẢO HIỆU ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM QCVN 41- 2024
- HAI VỊ TRÍ ĐẦU VÀ CUỐI CÔNG TRÌNH CẮM HAI BIÊN BẢO GIAO THÔNG
- PHÍA TRÊN GẦN BIÊN HẠN CHẾ TẠI TRÒNG PHÍA DƯỚI GẦN BIÊN TÊN ĐƯỜNG.



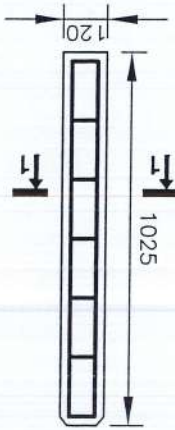
BIỂN BẠO TẠI TRÔNG



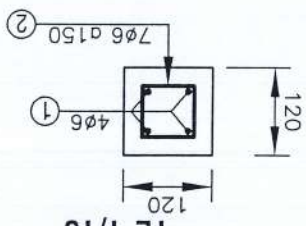
BIÊN TÊN ĐƯỜNG



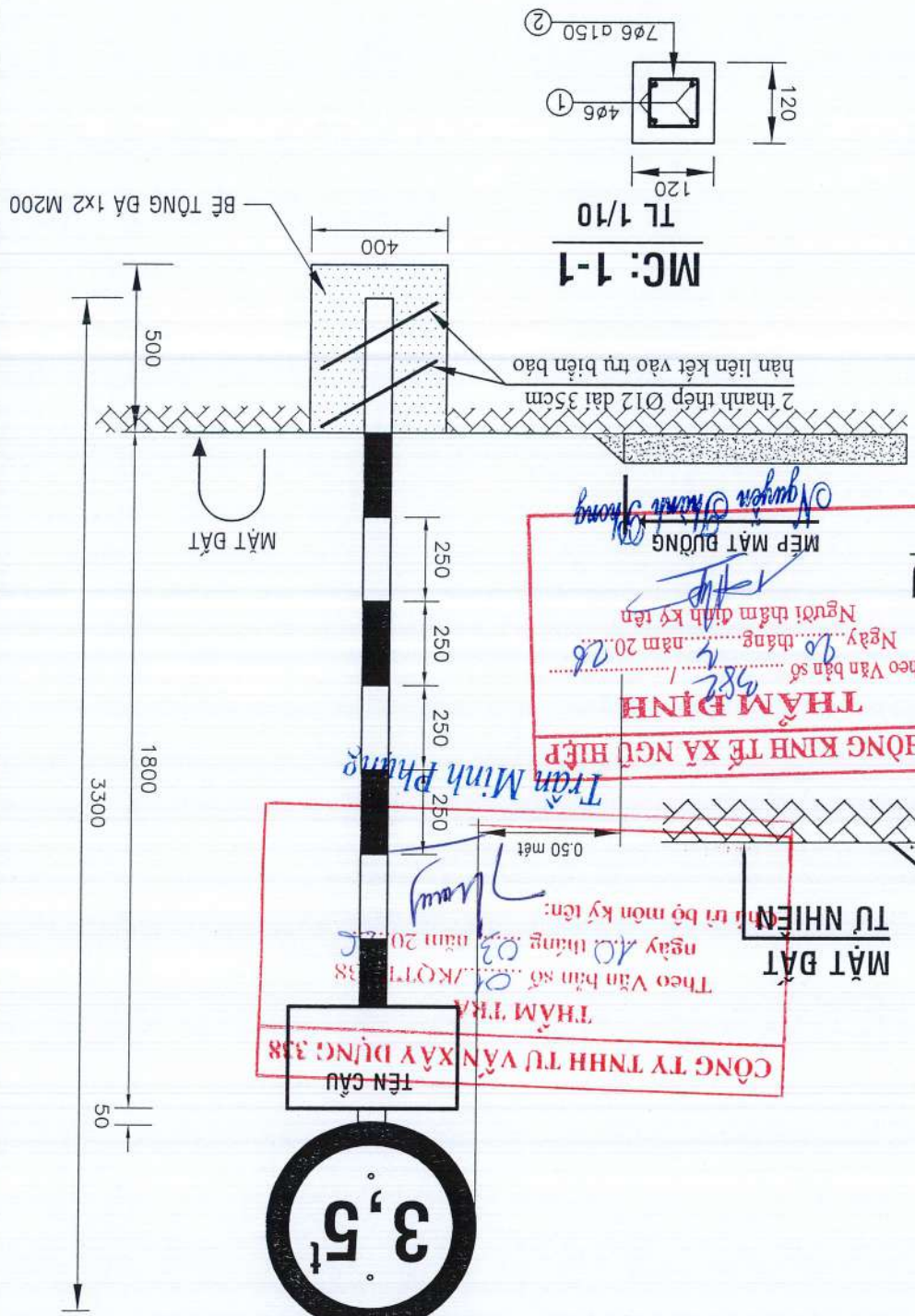
VỊ TRÍ CỘC TIÊU



02/1 TL



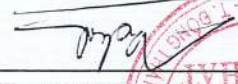
MC: 1-1



CẦU TẠO BIỂN BẠO
TRÚ BIỂN BẠO

MẶT CẮT NGANG MẪU MẮT ĐƯỜNG RỘNG 3,50m

- Lãng nhạ 2 lớp tiêu chuẩn 3kg/m²
- Tủi nhạ lot tiêu chuẩn 1kg/m²
- Trại cấp phối dả 0x4 day 30cm, K ≥ 0,98
- Trại vãi địa kỳ thuật Rk ≥ 12,00 kN/m
- Nền đường đắp đất đầm chặt K ≥ 0,95

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THE PHAT SỐ 04 ĐƯỜNG TÙ KIẾT - PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY - TỈNH ĐỒNG THÁP Đ.T: 0733.919669 - Đ.Đ: 0982.430134		KIỂM TRA 		PHẠM QUỐC VIỆT	TỈ LỆ : 1/500	NGÀY HẸT :/...../2026 BD: 01/01	BV TKTC BẢN VẼ SỐ
		CHỮ TRỊ TK THIẾT KẾ VE					
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOÀN ẤP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP HÀNG MỤC: MẶT ĐƯỜNG LĂNG NHỰA - CẦU VÀ CÔNG THOÁT NƯỚC		GIAM ĐỌC 		NGUYỄN THẾ ĐUỆM	MẶT CẮT NGANG MẪU VÀ CHI TIẾT BIỂN BẢO HIỆU		
		NGUYỄN THẾ ĐUỆM 					

KIỂM TRA	NGUYỄN THẾ DUYỆM	PHẠM QUỐC VIỆT
VẼ		
THIẾT KẾ		
CHỦ TRÌ TK	NGUYỄN THẾ DUYỆM	
GIÁM ĐỐC		
CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ & XÂY DỰNG THE PHAT SỐ 041, ĐƯỜNG TỰ KIẾT - PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY - TỈNH ĐỒNG THÁP ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP HÀNG MỤC: CẦU Kéo KM+300		
BÀN VẼ SỐ		
NGÀY HT : .../.../2026		
TD : 01/02		

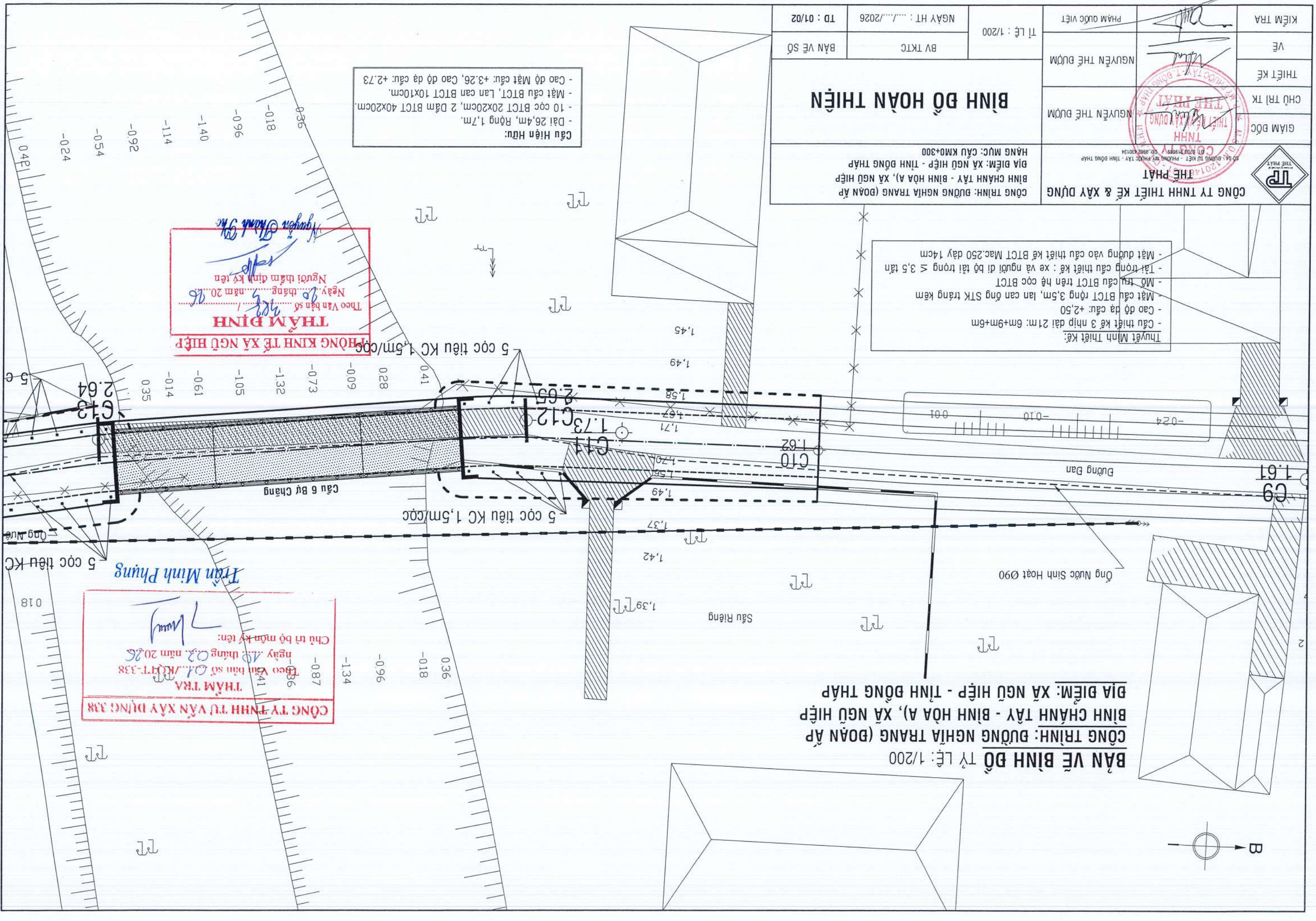
BÌNH ĐỒ HOÀN THIÊN

- Thuyết Minh Thiết Kế:**
- Cầu thiết kế 3 nhịp dài 21m: 6m+9m+6m
 - Cao độ dãi cầu: +2,50
 - Mặt cầu BTCT rộng 3,5m, lan can đồng STK trắng kẽm
 - Mô tuý cầu BTCT trên hệ cọc BTCT
 - Tải trọng cầu thiết kế : xe và người đi bộ tải trọng ≤ 3,5 tấn
 - Mặt đường vào cầu thiết kế BTCT Mac.250 dày 14cm

- Cầu Hiện Hữu:**
- Dãi 26,4m, Rộng 1,7m.
 - 10 cọc BTCT 20x20cm, 2 Dầm BTCT 40x20cm.
 - Mặt cầu BTCT, Lan can BTCT 10x10cm.
 - Cao độ Mặt cầu: +3,26, Cao độ dãi cầu: +2,73

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số .../...
Ngày ... tháng ... năm 20...
Người thẩm định ký tên: ...

THẨM TRA
Theo Văn bản số .../...
Ngày ... tháng ... năm 2026
Chủ trì bộ môn ký tên: ...



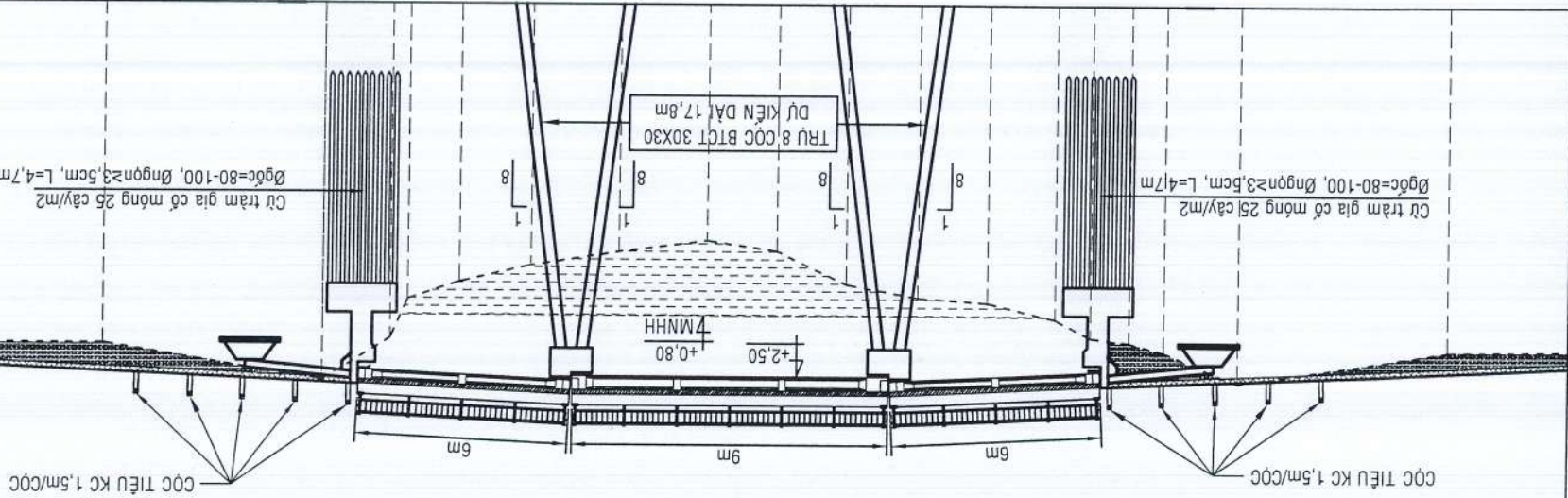
Tỉ lệ ngang: 1/200
Tỉ lệ đứng: 1/200

-8
-6
-4
-2
0
+2
+4
+6



Theo Văn bản số 1782
 Ngày 16 tháng 10 năm 2018
 Người tham định ký tên
 Nguyễn Thị Minh Hằng
 THẨM ĐỊNH
 PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP

BẢN VẼ TRẮC DỤC CẦU - T.L: 1/200



- Lãng nhựa 2 lớp, dày 2,5cm tiêu chuẩn 3kg/m²
- Tuổi nhựa lót bằng nhựa pha dầu tiêu chuẩn 1kg/m²
- Trãi cấp phối đá D_{max}=37,5mm dày 30cm, K ≥ 0,98
- Trải vải địa kỹ thuật (không dệt) R_k ≥ 12,00 kN/m
- Nền đường đắp đất (hoạt cắt đất) đầm chặt K ≥ 0,95

CUỐI CÔNG TRÌNH

PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 482/SL/ĐKT
Ngày tháng năm 2026
Người thẩm định ký tên
Nguyễn Minh Phụng

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 338
THẨM TRA
Theo Văn bản số 01/KQT-338
ngày 03 tháng 03 năm 2026
Chữ ký bộ môn ký tên:
Thủy

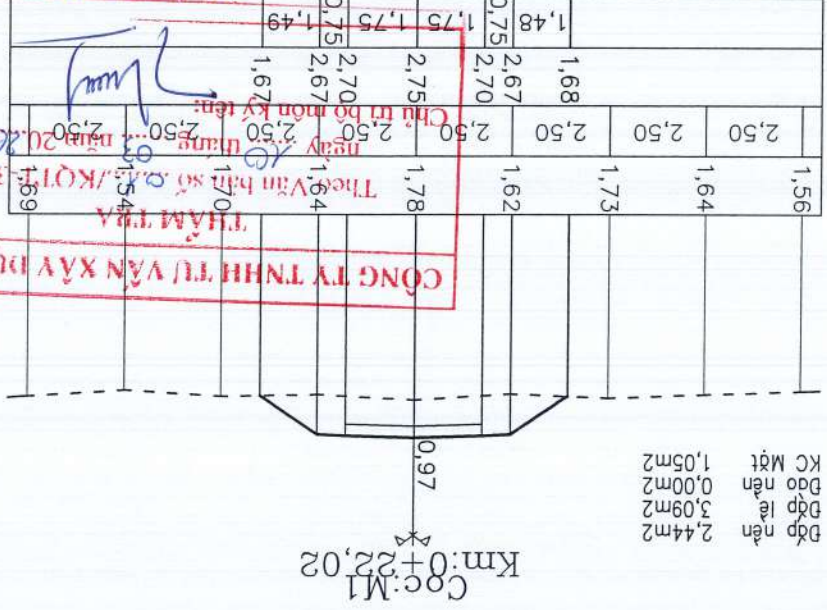
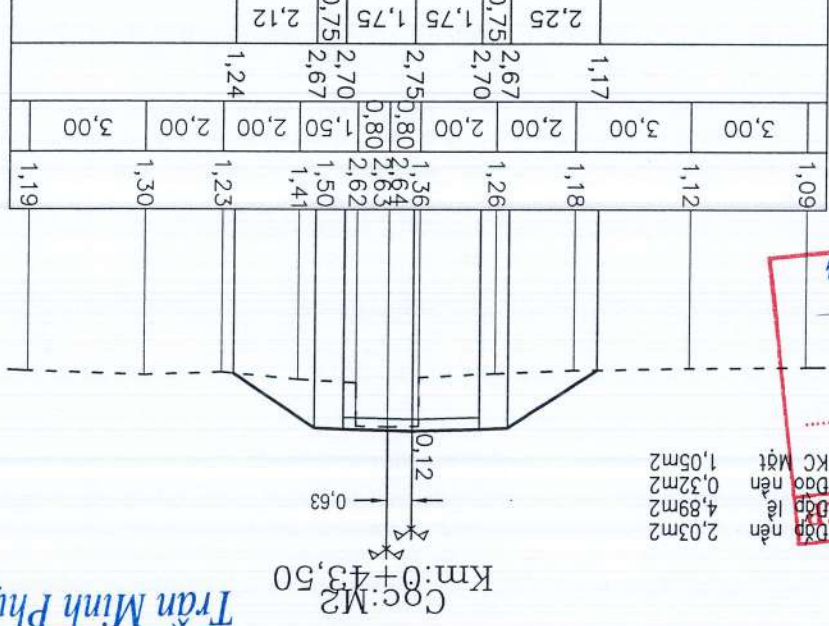
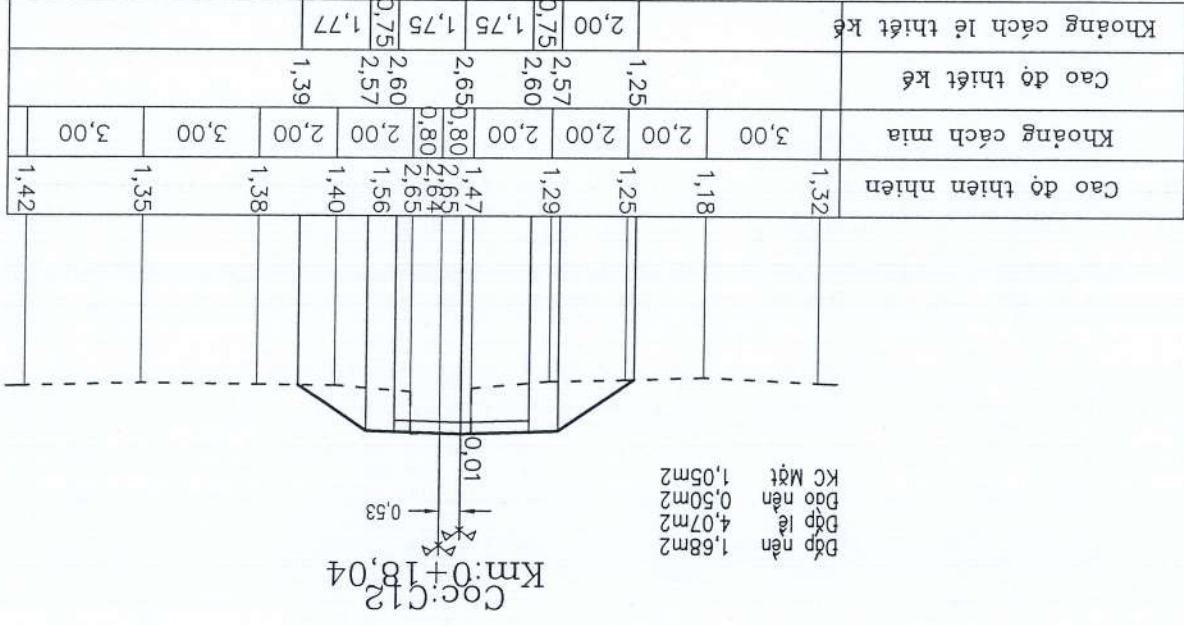
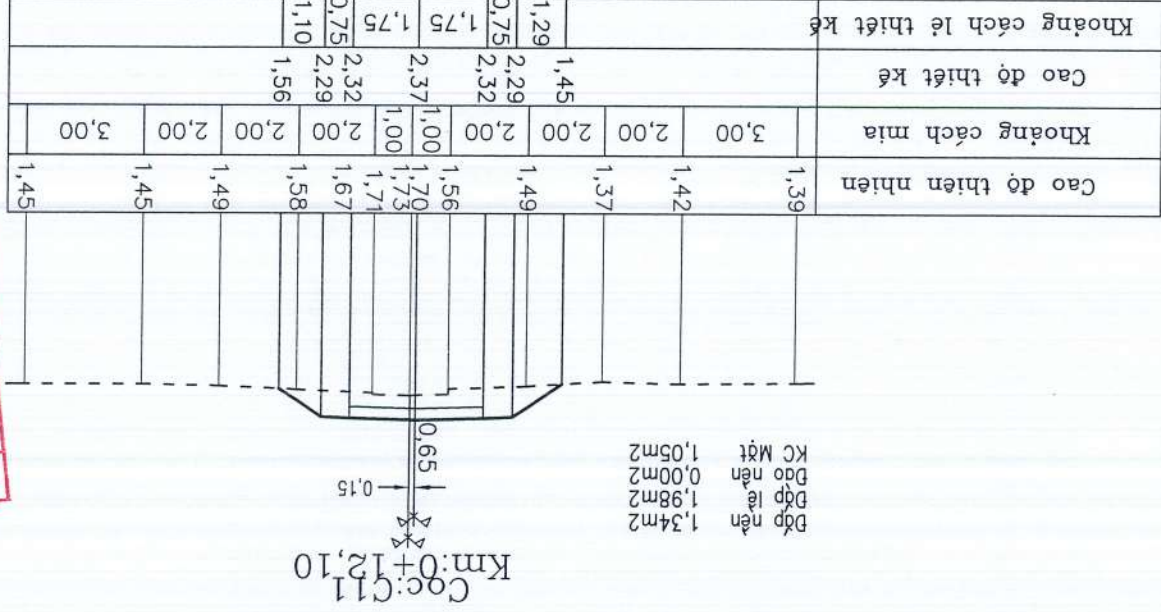
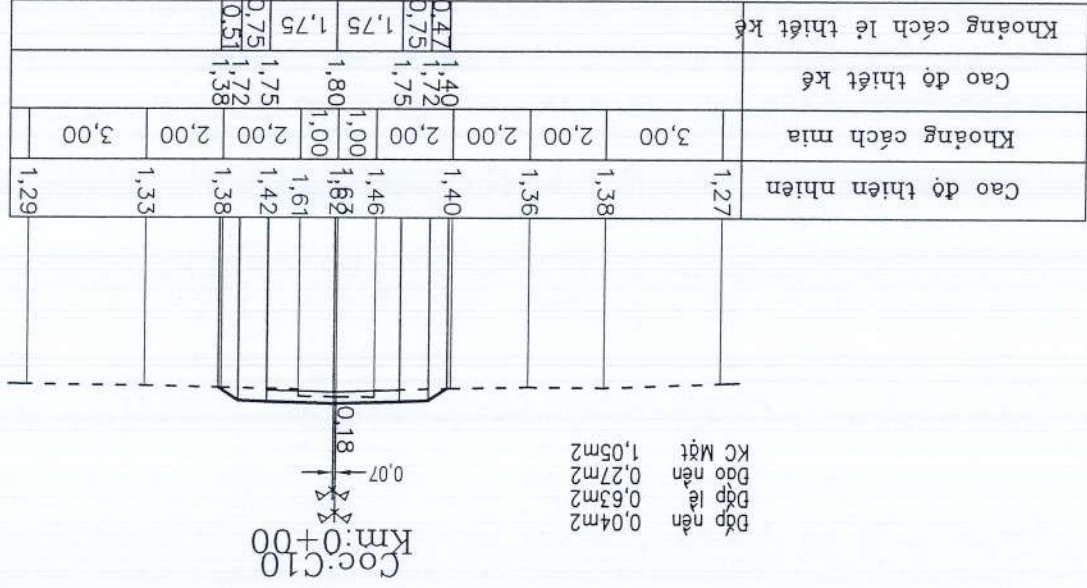
Trần Minh Phụng

C11	C12	M1	T1	T2	M2	C13	C14	C16
1.73	2.65	1.78	0.41	-0.09	-0.14	0.35	1.63	1.72
2.38	2.75	2.75	3.05	3.05	2.75	2.47	1.80	1.59
5.94	2.07	1.00	1.02	1.93	2.00	2.00	2.00	12.17
18.04	22.02	28.24	37.28	43.50	44.32	50.51	64.52	
12.10	22.02	22.02	22.02	22.02	22.02	22.02	22.02	
5%	5%	5%	5%	5%	5%	5%	5%	
CHIEU DÀI CẦU 21,48M (TÍNH ĐẾN PHÍA SAU TƯỜNG HẬU MỒ								

THIẾT KẾ TRẮC DỤC CẦU	GIẤM ĐỌC	CHỦ TRÌ TK	THIẾT KẾ	VẼ	KIỂM TRA
	NGUYỄN THẾ DŨM	NGUYỄN THẾ DŨM	NGUYỄN THẾ DŨM	PHẠM QUỐC VIỆT	
	NGUYỄN THẾ DŨM	NGUYỄN THẾ DŨM	NGUYỄN THẾ DŨM	PHẠM QUỐC VIỆT	
CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ & XÂY DỰNG					
THẾ PHÁT					
SỐ 04 - ĐƯỜNG TỖ KIỆT - PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY - TỈNH ĐỒNG THÁP					
ĐT: 0793.919699 - ĐC: 0982.430134					
TP					
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG NGHĨA TRẠNG (ĐOẠN ÁP					
BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP					
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP					
HÀNG MỤC: CẦU KM0+300					
TỶ LỆ: 1/200					
BV TKTC					
BẢN VẼ SỐ					
TD: 02/02					

TRẠC NGANG ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOẠN ẢP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP - TL: 1/200

HÀNG MỤC: ĐƯỜNG VÀO CẦU KM0+300



PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số năm 20.....

Ngày..... tháng..... năm 20.....

Người thẩm định ký tên

Nguyễn Thành Hưng

KIỂM TRA	THIẾT KẾ	CHỦ TRÌ TK	GIÁM ĐỐC
VE	NGUYỄN THẾ DUYỆT	NGUYỄN THẾ DUYỆT	NGUYỄN THẾ DUYỆT
PHẠM QUỐC VIỆT	TRÊN BẢN VẼ	TỈ LỆ: GHI	TRÊN BẢN VẼ
NGÀY HT :/...../2026	BV TKTC	TRAC NGANG THIẾT KẾ	TRAC NGANG THIẾT KẾ
ID: 01/02	BẢN VẼ SỐ		

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THE PHAT

SỐ 04 ĐƯỜNG TỨ MẾT - PHƯỜNG MỸ PHƯỚC TÂY - TỈNH ĐỒNG THÁP

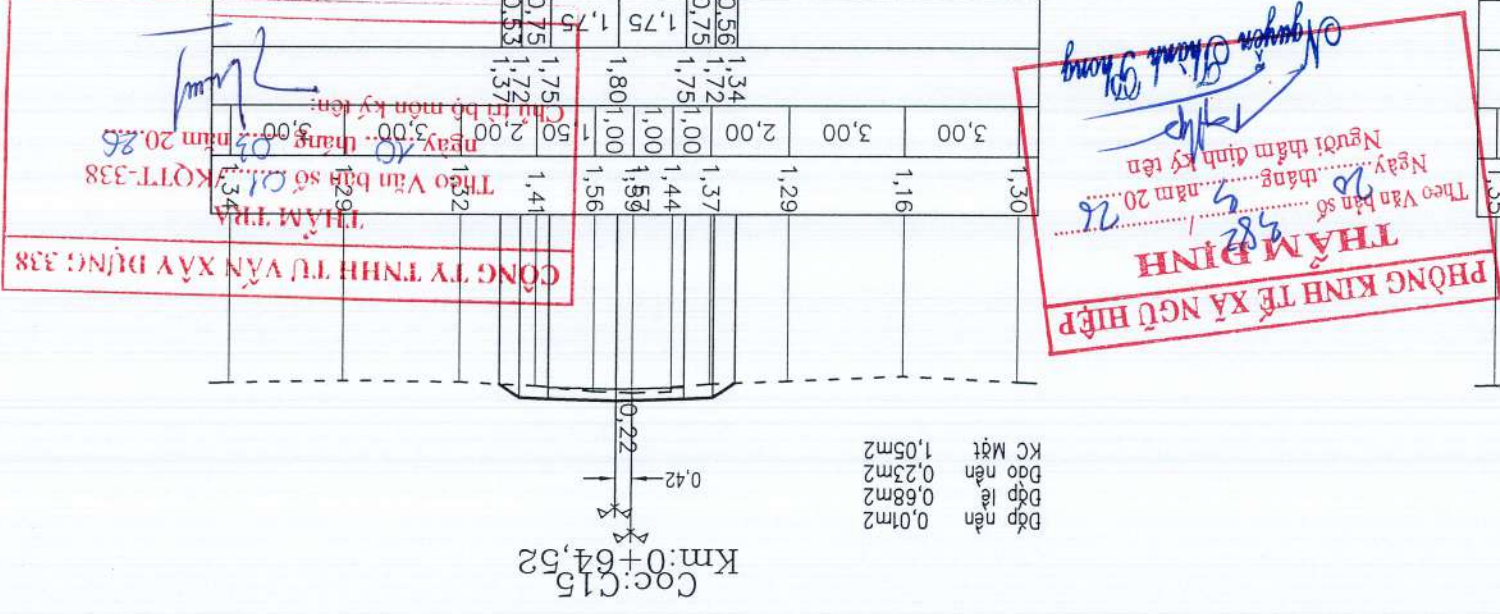
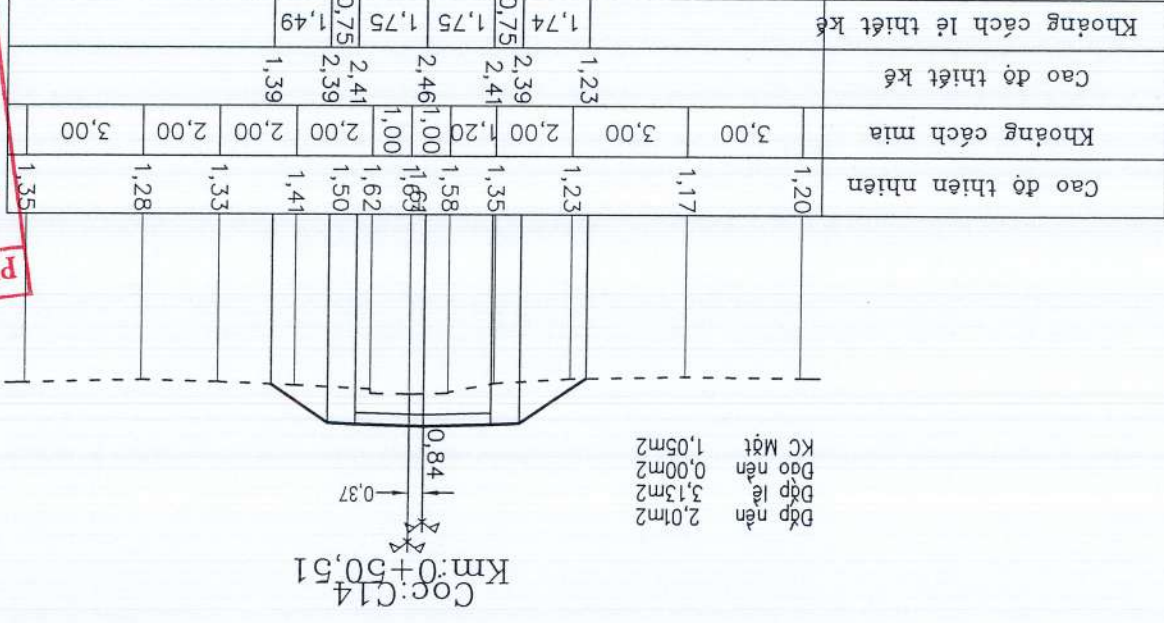
ĐT: 0733 919669 - 091 0982 430134

BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP

HÀNG MỤC: ĐƯỜNG VÀO CẦU KM0+300

TRẠC NGANG ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOÀN ẤP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP - TL: 1/200



BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

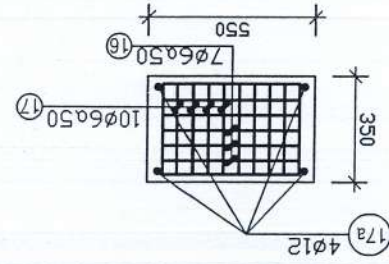
Công trình: ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOÀN ẢP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP

Địa điểm: Xã Ngũ Hiệp - Tỉnh Đồng Tháp

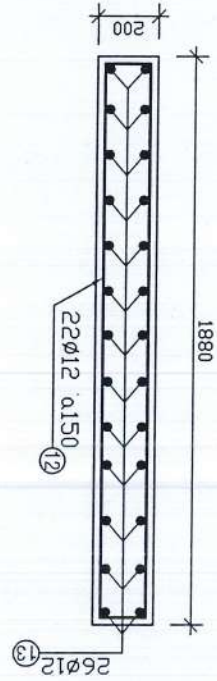
Hàng mục: Cầu Km0+300 (Đường Vào Cầu)

TÊN CỘT	CỦ LY	Diện tích mặt cắt (m2)				Diện tích mặt cắt TB (m2)				Khối lượng (m3)			
		Đắp nền	Đắp lề	Đào nền	KC mặt	Đắp nền	Đắp lề	Đào nền	KC mặt	Đắp nền	Đắp lề	Đào nền	KC mặt
C10	12,10	0,04	0,63	0,27	1,05								
C11		1,34	1,98		1,05	0,69	1,31	0,14	1,05	8,35	15,79	1,63	12,71
C12	5,94				1,05	1,51	3,03	0,25	1,05	8,97	17,97	1,49	6,24
M1	3,98	1,68	4,07	0,50	1,05								
M2	21,48	2,44	3,09		1,05	2,24	3,99	0,16	1,05	48,01	85,71	3,44	22,55
C14	7,01				1,05	2,02	4,01	0,16	1,05	14,16	28,11	1,12	7,36
C15	14,01				1,05	1,01	1,91	0,12	1,05	14,15	26,69	1,61	14,71
		0,01	0,68	0,23	1,05								
	64,52												
										101,84	188,51	10,28	67,75

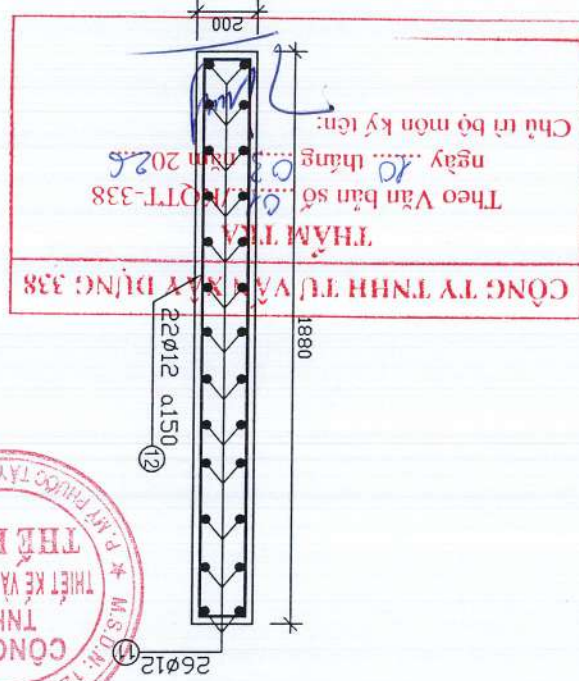
CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP HẠNG MỨC: ĐƯỜNG VÀO CẦU KMO+300	TRẠC NGANG THIẾT KẾ		NGUYỄN THẾ BÙM	NGUYỄN THẾ BÙM	PHẠM QUỐC VIỆT	TỈ LỆ: GHI TRÊN BẢN VẼ	BV TKTC	BÀN VẼ SỐ	NGÀY HT :/...../2026 TD: 02/02
	KIỂM TRA	VẼ	THIẾT KẾ	CHỮ TRÍ TK	GẤM ĐỌC	PHÂN CÔNG	PHÂN CÔNG	PHÂN CÔNG	PHÂN CÔNG



CHI TIẾT BỔ TRÍ THẾP GỒI CẦU : TL 1/20



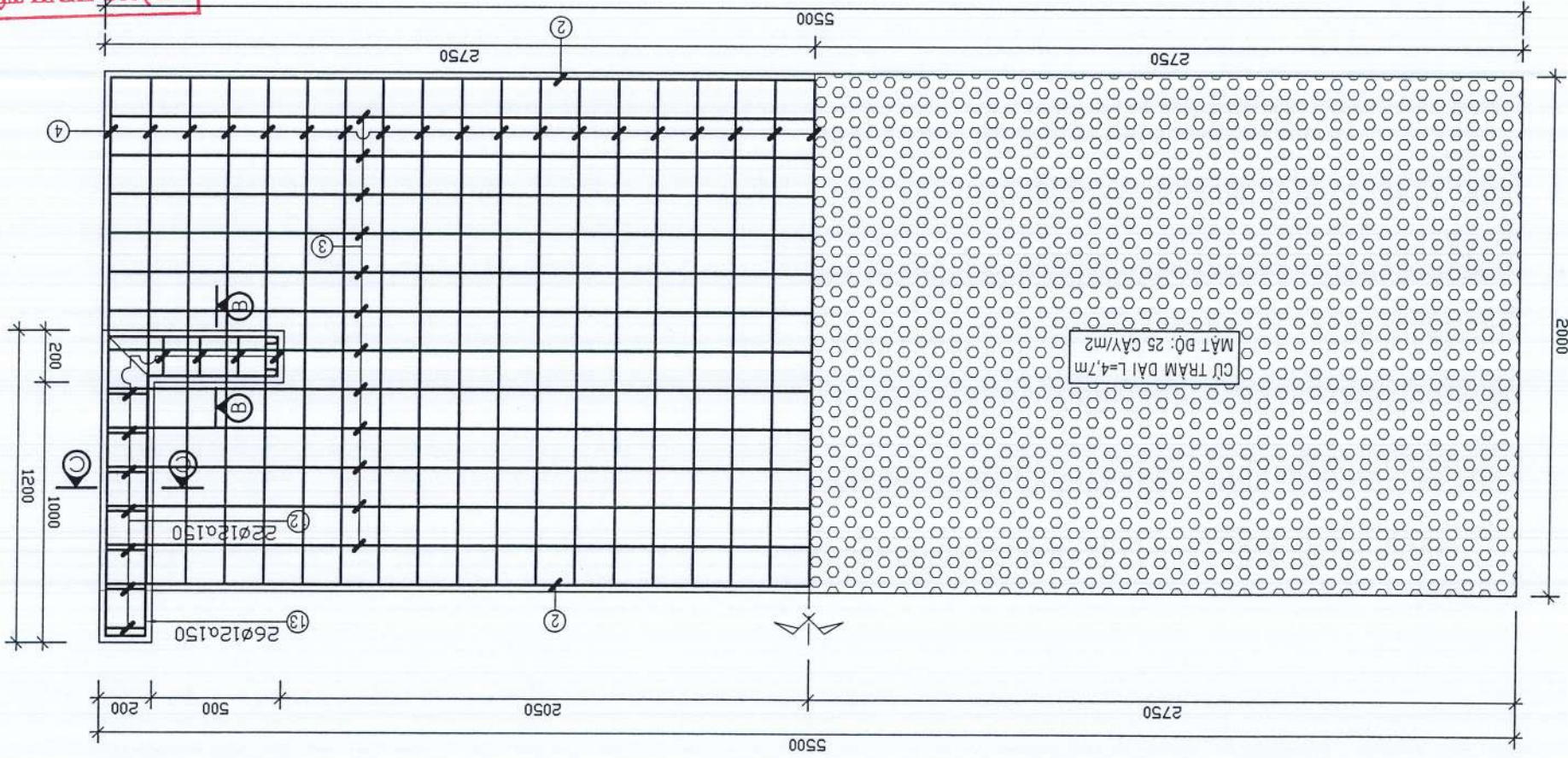
Trần Minh Phụng
MC C-C TL:1/20



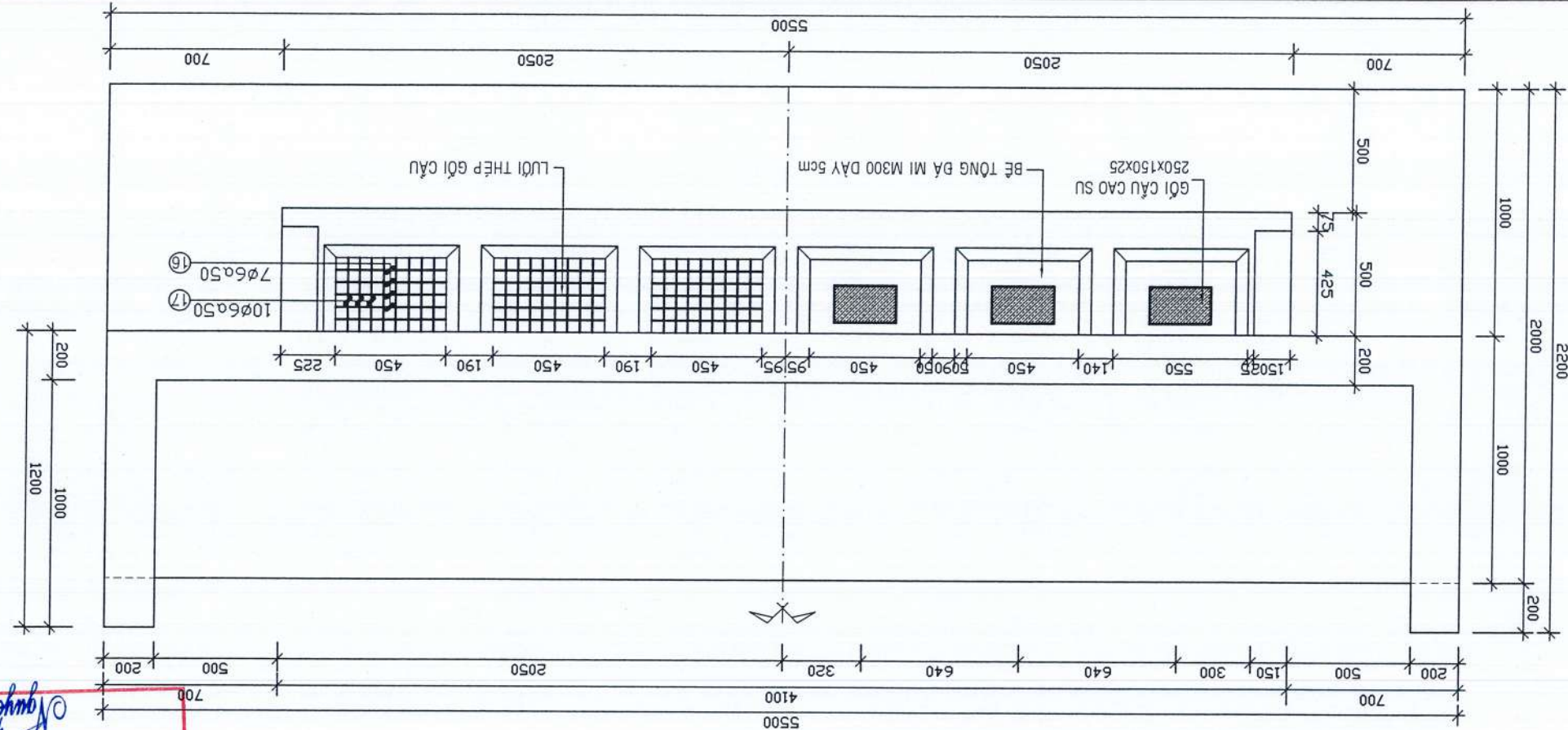
MC B-B TL:1/20



MẶT BẰNG BỐ TRÍ GỒI CẦU (MỒ 1 & MỒ 2) : TL 1/20



MẶT BẰNG GIA CỐ MÔNG (MỎ 1 & MỎ 2) : TL 1/20



MẶT BẰNG BỐ TRÍ GỒI CẦU (MỒ 1 & MỒ 2) : TL 1/20

PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP

THẨM ĐỊNH

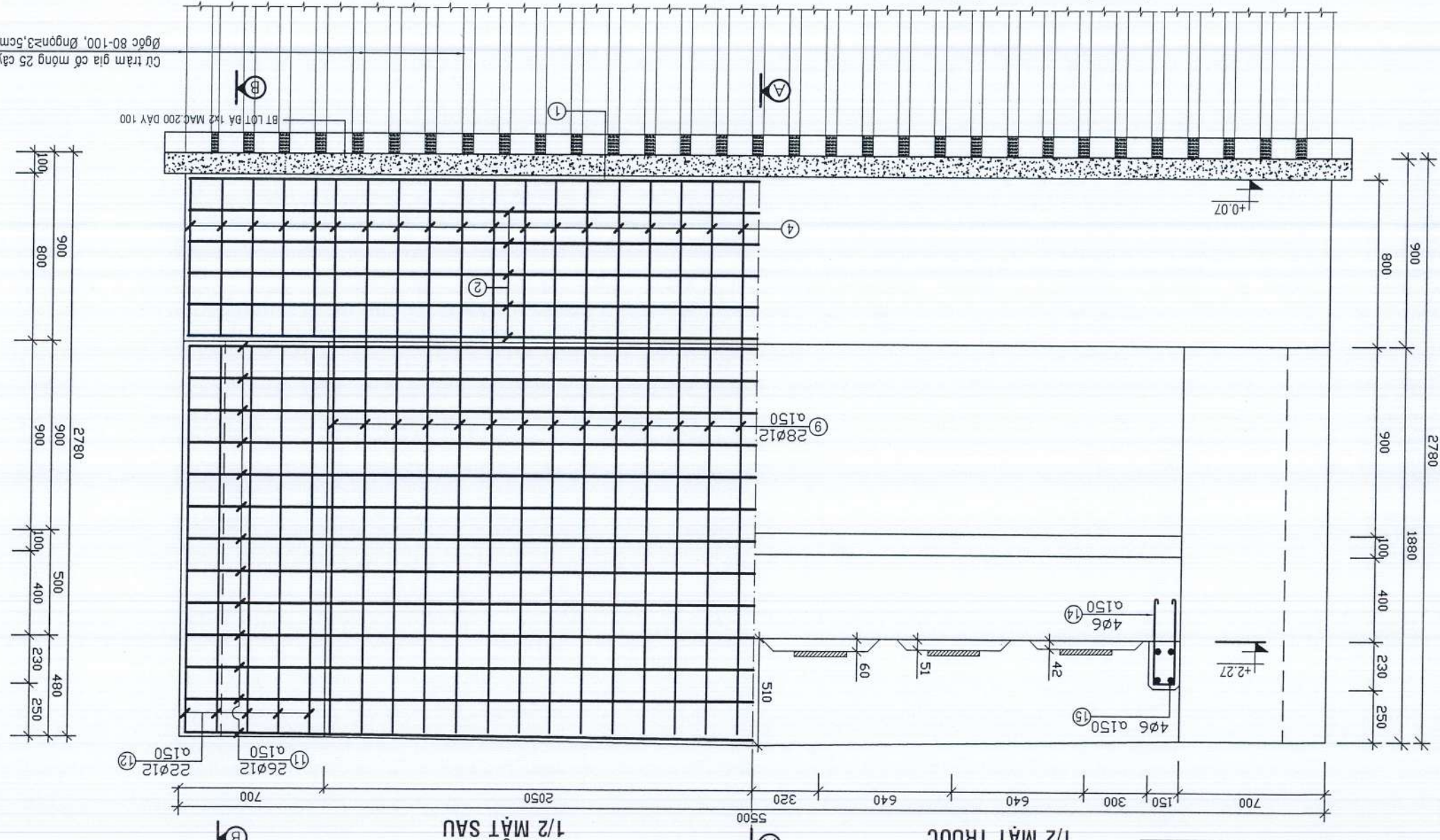
Theo Văn bản số 322 /
Ngày tháng năm 20.....

Người thẩm định ký tên

Nguyễn Thành Trọng

Nguyen Thanh Thong

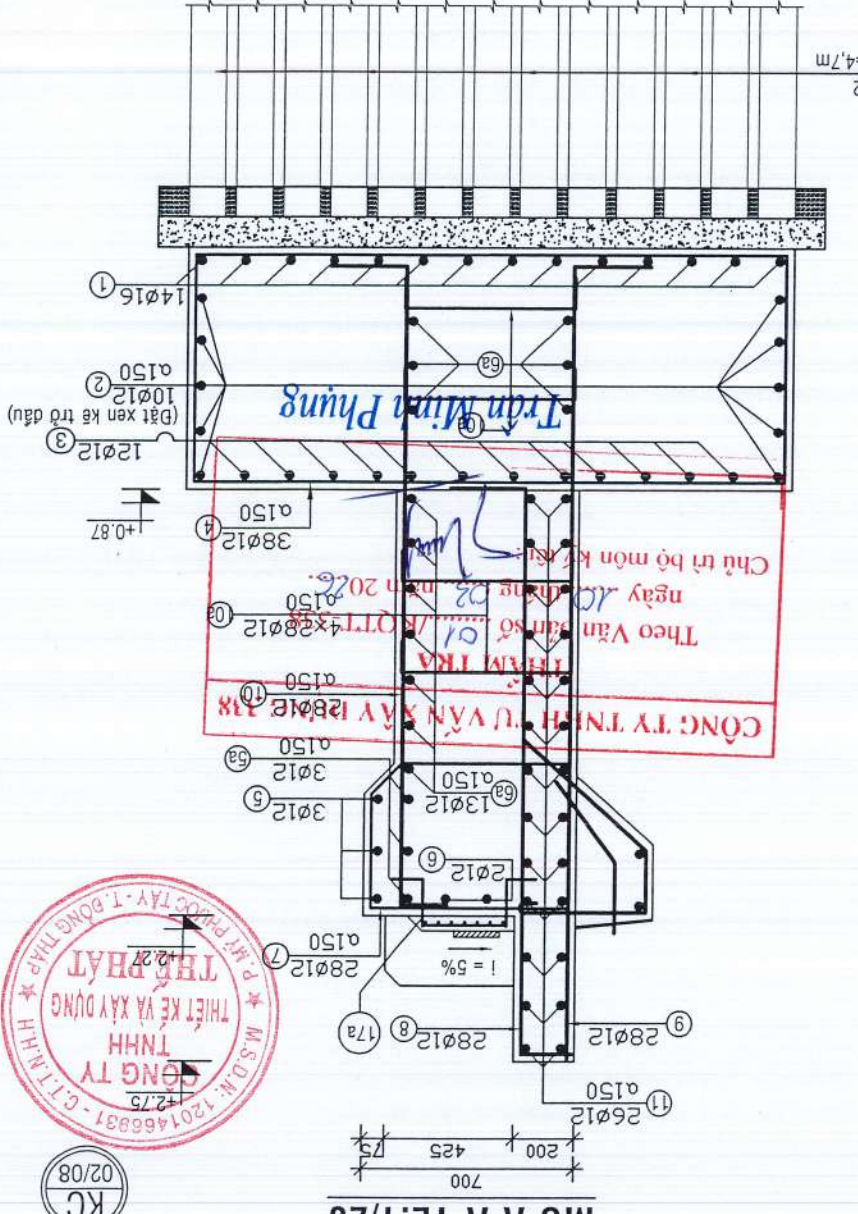
MẶT ĐỪNG MÔ : TL 1/20



1/2 MẶT TRƯỚC

1/2 MẶT SAU

MC A-A TL:1/20



BẢNG THÔNG KÊ THÉP MÔ CẦU

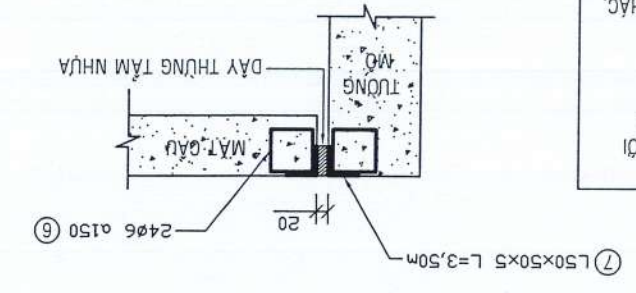
CẦU SỐ	HIỆU	SỐ BỐ UỖN	Φ	SỐ LƯÔNG	CHIỀU DÀI (m)	1 C KIẾN T BỐ	1 THANH T BỐ	LƯÔNG	KHỐI	Kg/m	BT ĐÀ	BT ĐÀ	1x2 M300 MI M300
2													
3													
4													
5													
6													
6a													
7													
8													
9													
10													
10a													
11													
12													
13													
14													
15													
16													
17													
17a													
VÀN KHUÔN GỖ=85,24 m2													
THÉP TRÒN Φ6 = 25,31 Kg													
THÉP TRÒN Φ12= 2.117,83 Kg													
THÉP TRÒN Φ16= 240,80 Kg													
28,26													
0,10													

GHI CHÚ:
* VÀN KHUÔN GỖ MÔ CẦU
(5,5+0,2)x2x1,88=21,43m2
(2,0+5,5)x0,8x2=12,00m2
(0,4x0,9x2+0,5x0,4x2+(0,5+0,4)/2x0,15)x2=0,46m2
(0,425x0,23x2+0,23x0,15)x2=0,46m2
=> TỔNG = (21,43+12,00+1,21+0,46+7,52)x2mô=85,24m2
-Mô mố: 4,1x0,4x0,5+(0,5+0,4)/2x0,1x4,1=1,004m3
4,1x0,4x0,9+0,23x0,425x0,15x2=1,505m3
-Bê mố: 5,5x1,88x0,2=2,068m3
-Tường chắn 5,5x1,88x0,2=2,068m3
1,0x1,88x0,2x2=0,752m3
=>TỔNG =(1,004+1,505+8,80+2,068+0,752)x2mô=28,258m3
* BT ĐÀ MI GỒI CẦU

GHI CHÚ:
- THÉP DÙNG TRONG KẾT CẤU CỘ MẠC THÉP CB300 VỚI
THÉP CỘ BƯỜNG KÍNH D<10 VÀ CB400-V VỚI THÉP CỘ
BƯỜNG KÍNH D>10
- MỖI NƠI CỘT THÉP PHẢI DÁT L=30d, BT MỖ ĐÀ
1x2 M.300, BT GỒI CẦU ĐÀ MI M.300, LỚP BT BẢO VỆ
CỘT THÉP a=20 ĐỐI VỚI BÀN VÀ a=25 VỚI KẾT CẤU KHÁC.
- BT PHẢI ĐƯỢC BẢO DƯỠNG THEO TCVN 4453 - 1995
- TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG PHẢI DÁT NGAY CÁC
THANH THÉP HÌNH KHÊ CỘ GIỮA L50x50x5, KHÔNG ĐƯỢC
THI CÔNG SAU.

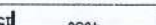
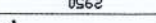
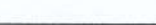
PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 18/QTĐ-TT, năm 2026
Ngày 18 tháng 12 năm 2026
Người thẩm định: Nguyễn Văn Hùng

CHI TIẾT KHÊ CỘ GIỮA TÀI MỖ

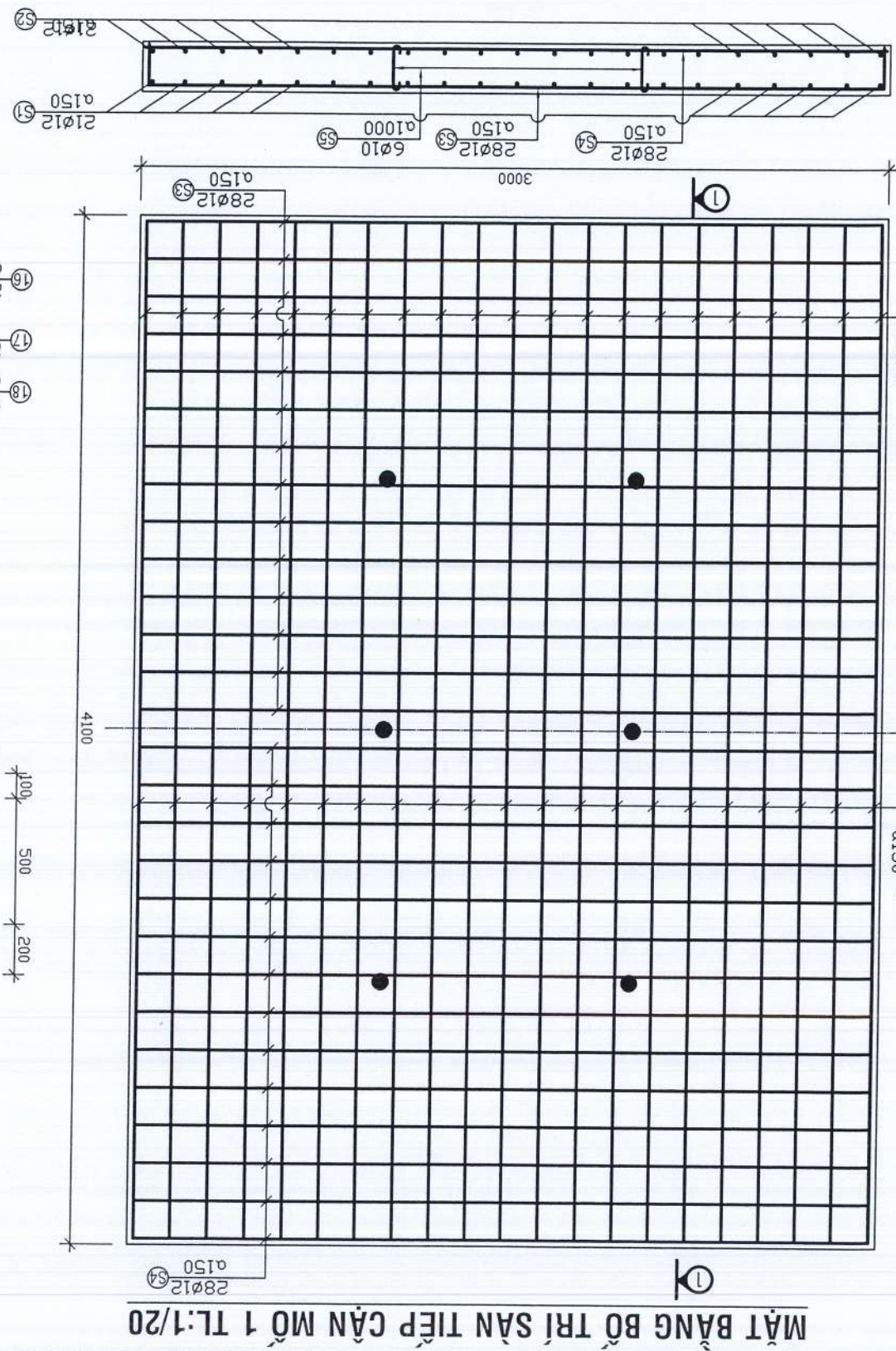


HÀNG MỤC: CẦU KM0+300

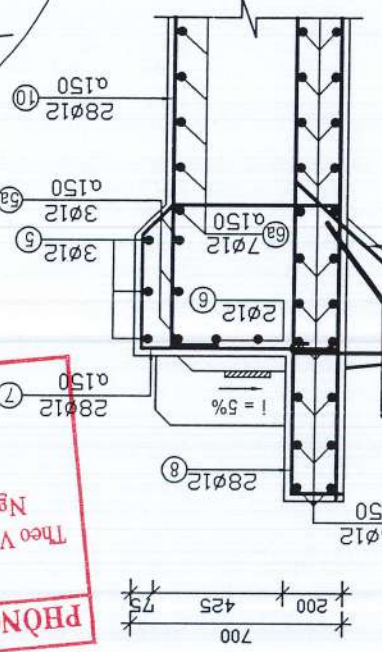
MC 1-1 TL:1/20 1/2 MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP LỚP TRÊN TL:1/20 1/2 MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP LỚP DƯỚI TL:1/20

VẠN KHUÔN GỖ: 10,88 m2											
CẦU	SỐ	KIẾN HIỆU	SỐ BỐ LƯN	Φ	SỐ LƯỢNG		CHIỀU DÀI (m)	KHỐI	Kg/m	BT ĐÀ	BT ĐÀ
					T BỐ	T BỐ					
SÀN TIẾP CẬN	16			12	28	56	1,280	68,88	61,17	0,888	
	17			16	2	4	4,050	16,20	25,56	1,578	
	18			20	9	18	0,700	12,60	31,12	2,470	
	S1	150		12	21	42	4,350	182,70	162,24	0,888	
	S2			12	21	42	4,050	170,10	151,05	0,888	
S3		150		12	28	56	3,250	182,00	161,62	0,888	
S4				12	28	56	2,950	165,20	146,70	0,888	
S5				10	6	12	0,270	3,24	2,00	0,617	
THÉP TRÒN Φ10 = 2,00 Kg											
THÉP TRÒN Φ12 = 682,77 Kg											
THÉP TRÒN Φ16 = 25,56 Kg											
THÉP TRÒN Φ20 = 31,12 Kg											
5,66											

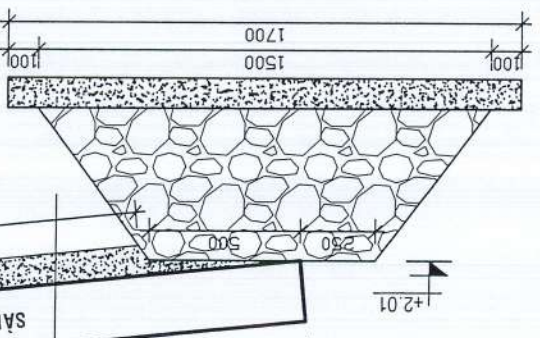
BẢNG THÔNG KẾ THÉP SÀN TIẾP CẬN



GHI CHÚ:
* VẠN KHUÔN GỖ
- Sàn tiếp cận: (4,1+3)x0,2x2=2,84m2
(0,34+0,25)x4,1=2,42m2
(0,475+0,25)/2x0,25x2=0,18m2
=> (2,84+2,42+0,18)x2m6=10,88m2
* BT SÀN TIẾP CẬN ĐÀ 1X2, MAC 250
- Sàn tiếp cận: 4,1x3x0,2=2,46m3
(0,475+0,25)/2x0,25x4,1=0,37m2
=>(2,46+0,37)x2m6=5,66m3



MC A-A TL:1/20



MẶT BẰNG BỐ TRÍ SÀN TIẾP CẬN MỖ 1, MỖ 2 TL:1/20

MC A-A TL:1/20

- Lãng nhựa 2 lớp, dày 2,5cm tiêu chuẩn 3kg/m2
- Tuổi nhựa lót bằng nhựa pha dầu tiêu chuẩn 1kg/m2
- Trãi cấp phối đá Dmax=37,5mm dày 30cm, K ≥ 0,98
- Trãi vải địa kỹ thuật (không dệt) Rk ≥ 12,00 KN/m
- Nền đường đắp đất (hoạt cắt den) đầm chặt K ≥ 0,95

PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...
Ngày... tháng... năm 20...
Người thẩm định ký tên...
Nguyễn Thanh Phong

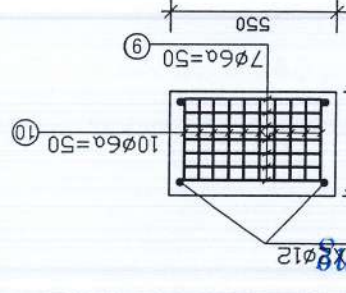
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT
THAM TKA
Theo Văn bản số.../QT-T-358
ngày... tháng... năm 20...
Chủ trì bộ môn kỹ thuật

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG
THE PHAT
M.S.D.N: 1201466931 - C.T. NHÀ HẠ
P. M.P. PHƯỚC TÂY - T. BÔNG THẬP

HÀNG MỤC: CẦU KM0+300

GHI CHÚ:
* BT LỚT ĐÀ 1X2, MAC 150
2,25x4,1x0,1=0,923m3
1,7x4,1x0,1=0,697m3
=> (0,923+0,697)x2sàn=3,24m3
* ĐÀ HỐC XÂY MÔNG, VỮA XM MAC 100
(0,75+1,5)/2x0,5x4,1=2,306m3
=>2,306x2sàn=4,612m3

HÀNG MỤC: CẦU KM0+300

[illegible]

CHI TIẾT BỒ TRÍ THẬP GỒI CẦU : TL 1/20

- GHI CHÚ :

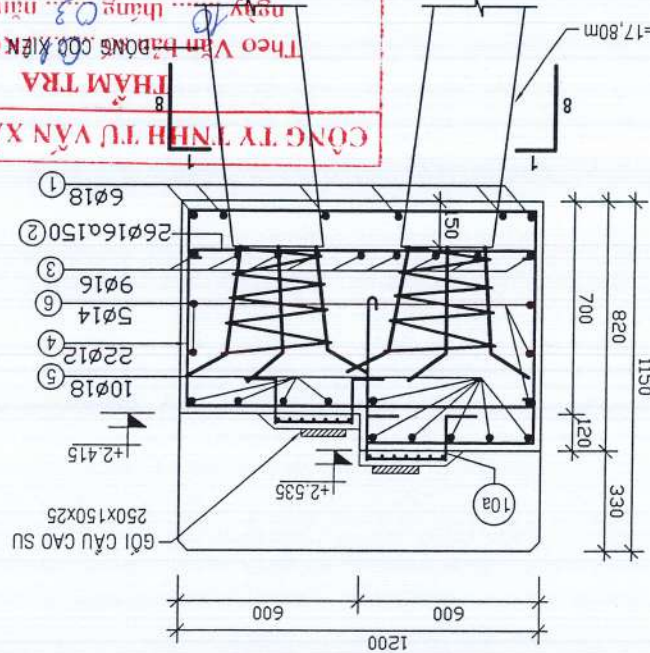
- THEP DUNG TRONG KET CAY CO MAC THEP C8300 VỚI THEP C0 ĐƯỜNG KINH D<10 VÀ C8400-V VỚI THEP C0 ĐƯỜNG KINH D>10

- THEP TRON TRONG KHI GIA CÔNG PHAY UỖN MỘC THEO QUY ĐỊNH, THEP C0 GỖ KHÔNG CẦN UỖN MỘC, MỖI NƠI CẮT THEP PHẢI ĐẠT L=30d.

- BÊ TÔNG TRỤ CẦU DÀ 1x2 M300 , BÊ TÔNG GỖI DÀ MI M300 - LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ CẮT THEP TỐI THIỂU a=25.

- TRINH TỰ THÌ CÔNG NHƯ SAU: KHI ĐỒNG CỌC XONG TIẾN HÀNH ĐẬP ĐẦU CỌC SÂU 40cm CÁC THANH THEP CHỖ UỖN THEO HÌNH VẼ , LẬP DUNG CỐT THEP XÀ MŨ , VÁN KHUÔN PHẢI KÍN KINH TRÁNH MẮT NGƯỜI XE GAY LỖ RONG, ĐỒ BÊ XÀ MŨ TRỤ CẦU PHẢI PHẢI VÀ ĐỒ SÚT ĐẶT VỚI CẦU THEO TCVN 4453-1995, BÊ TÔNG PHẢI ĐƯỢC BẢO DƯỠNG LIÊN TỤC TRONG 6 NGÀY ĐẦU THEO QUY ĐỊNH CỦA TCVN 4453-1995.

MC A-A TL:1/20

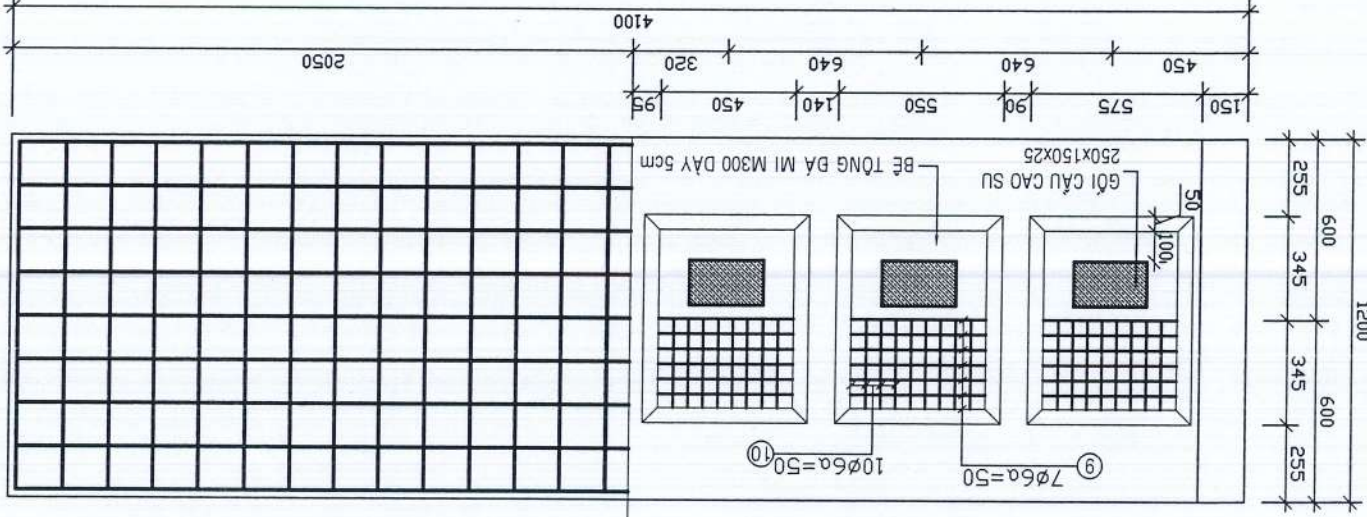


a) biến thiên từ $u_{d\lambda} = 550$ và $u_{d\lambda} = 670$

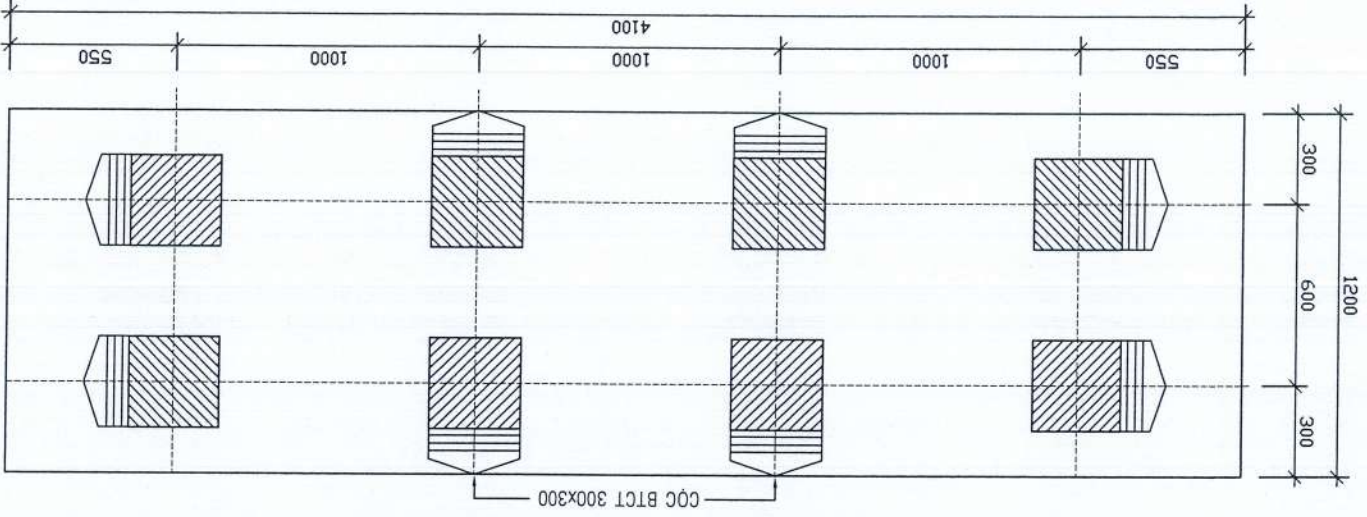
50-570
Ø12
6a
00 DDC

8 COC B

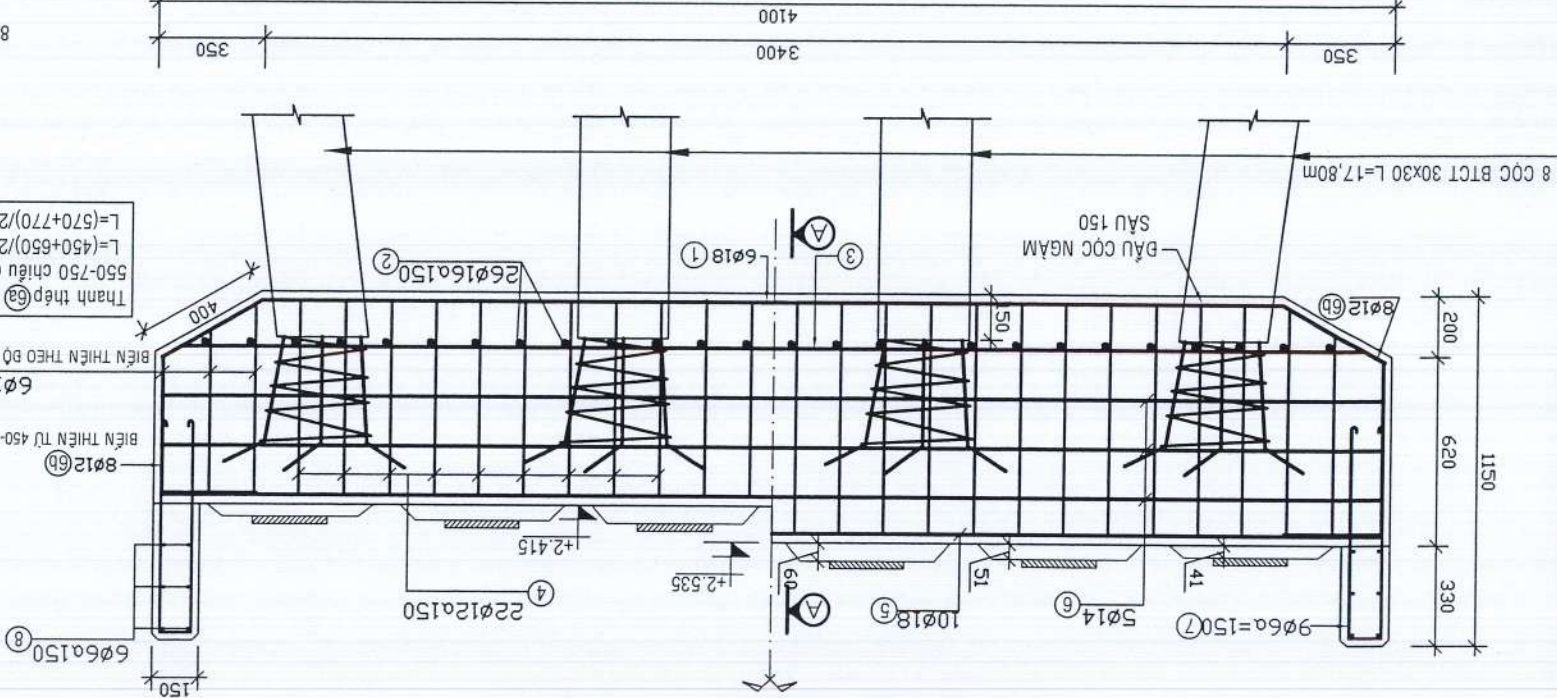
1/2 MẶT BẰNG GỒI CẦU



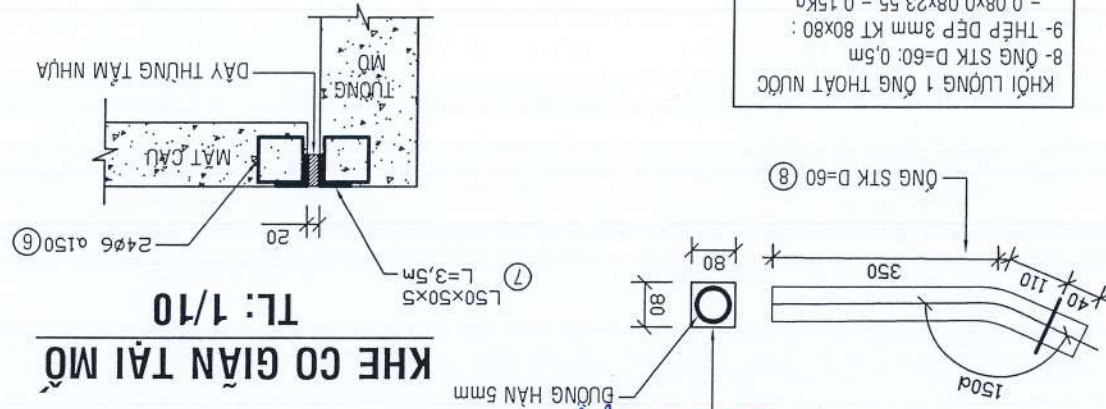
MẶT BẰNG BỐ TRÍ CỘT TRỤ CẦU : TL 1/20



MẶT ĐƯƠNG TRÚ CẦU : TL 1/20



HÀNG MỤC: CẦU KM0+300



8- ÖNG STK D=60; 0,5m
9- THÉP DÉP 3mm KT 80x80 :
= 0,08x0,08x23,55 = 0,15kg

KHE CO GIẢN TÀI MÔ

TL: 1/10 (SL:4CK)

ÔNG THOÁT NƯỚC D=60

PHÒNG KINH TẾ VÀ NGŨ TIẾP

* VÁN KHUÔN GỖ MẶT CẦU & DẦM NGANG
 - MẶT CẦU :

$$(0,25+0,37) \times 2 + (4-0,22 \times 6) \times 6 = 23,52 \text{ m}^2$$

$$(0,25 \times 0,37) \times 4 + 0,12 \times 3,5 \times 2 = 1,21 \text{ m}^2$$
 - DẦM NGANG:

$$(0,1 \times 2 + 0,54 \times 5) \times 2 \times 0,19 \times 3 = 3,31 \text{ m}^2$$

$$0,2 \times 0,19 \times 6 = 0,23 \text{ m}^2$$

$$\Rightarrow \text{TỔNG} = (23,52 + 1,21 + 3,31 + 0,23) \times 2 \times \text{hấp} = 56,54 \text{ m}^2$$
 * BT MẶT CẦU & DẦM NGANG
 - MẶT CẦU:

$$(0,25 \times 0,37 \times 2 + 0,12 \times 3,5) \times 6 = 3,63 \text{ m}^3$$
 - DẦM NGANG:

$$(0,54 \times 0,19 \times 0,2 \times 5 + 0,1 \times 0,19 \times 0,2 \times 2) \times 3 = 0,33 \text{ m}^3$$

$$\Rightarrow \text{TỔNG} = (3,63 + 0,33) \times 2 \times \text{hấp} = 7,92 \text{ m}^3$$
 * BT NHỰA CARBONCOR DÀY 3CM BẢO VỆ MẶT CẦU

$$3,56 \times 2 \times \text{hấp} = 42 \text{ m}^2$$

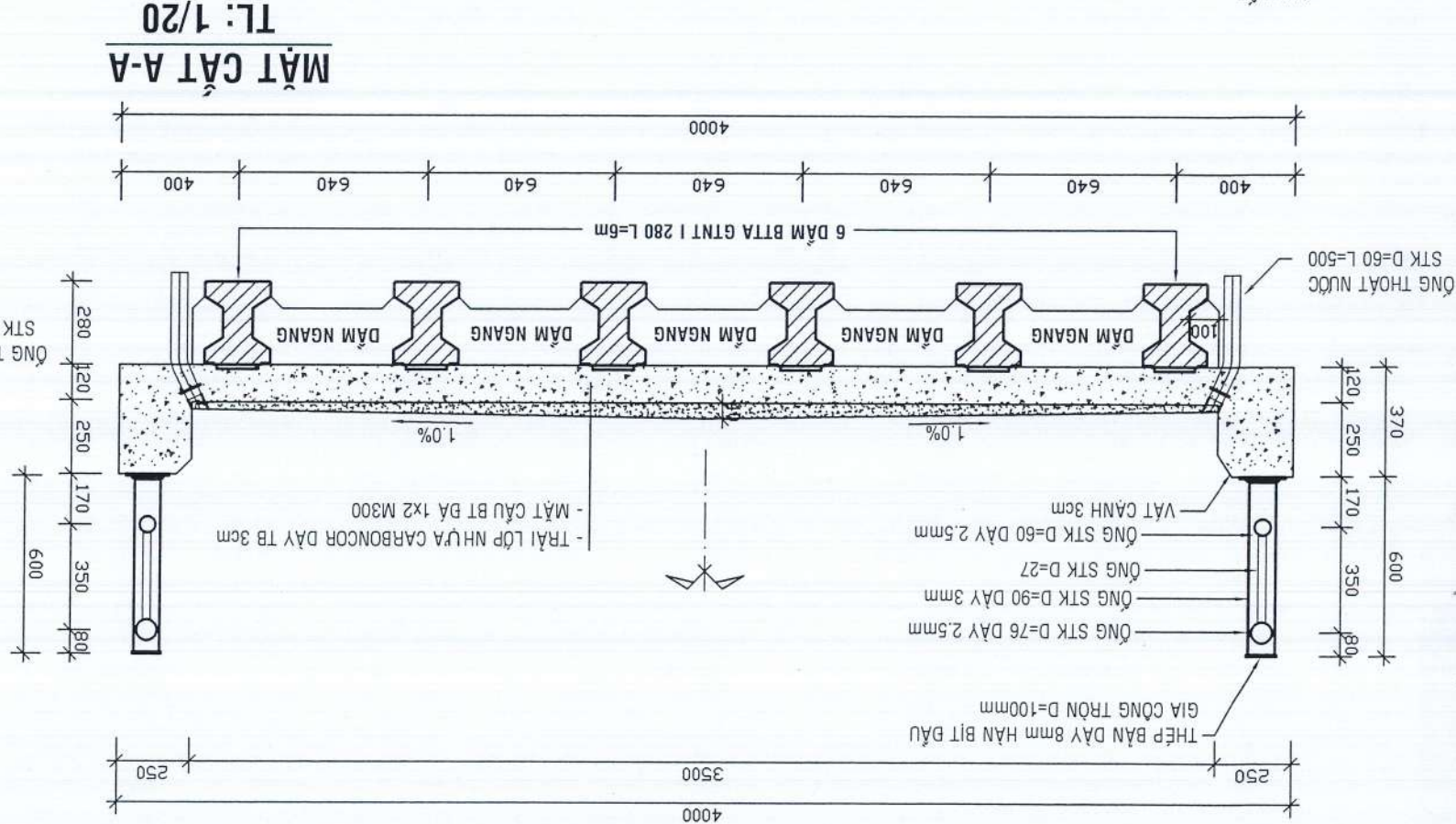
GIỚI CHỮ :
 - THẺ ĐƯNG TRONG KẾT CẤU CỘ MẠC THẺ CB300 VỚI THẺ CỘ ĐƯNG KINH D > 10 VA CB400-V VỚI THẺ CỘ ĐƯNG KINH D > 10
 - THẺ TRÒN TRONG KHI GIA CÔNG PHẢI UỖN MỘC THEO QUI ĐỊNH, THẺ CỘ CỘ KHÔNG CẦN UỖN MỘC, MỌI NƠI GẮT THẺ PHẢI DẮT L=30
 - BỀ TỶNG MẶT CẦU DÀ 1x2 M300 , TRẢI LỚP CARBONCOR,
 - LỚP BỀ TỶNG BẢO VỆ a=20 ĐỐI VỚI BÀN VÀ a=25 ĐỐI VỚI KẾT CẤU KHÁC.
 - THẺ TỰ THẺ CÔNG NHƯ SAU : ĐỒ BỀ MẶT CẦU DÀ 1x2 XONG SAU 24 GIỜ MỚI TIẾN HÀNH THI CÔNG LỚP NHỰA CARBONCOR , BỀ TỶNG
 PHẢI ĐƯỢC BẢO ĐƯNG LIÊN TỤC TRONG 6 NGÀY ĐẦU THEO QUI ĐỊNH CỦA TCVN-4453 - 1993
 - TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG MẶT CẦU PHẢI DẮT NGAY CÁC THANH THẺ DẸP CHẶN ĐỂ HẠN CHẾ HỖN HỢN L50x50x5 KHE CO
 GIÀN , KHÔNG ĐƯỢC THI CÔNG SAU .

MC NGANG NHIP 6m
TL:1/20

TL:1/20

MC NGANG NHIP 6m
TL:1/20

TL:1/20



MẬT CẮT A-A
TL: 1/20

TL: 1/20

BẢNG THÔNG KÊ THIỆP MẶT CẦU NHẬP 6m

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	SỐ ĐỒ VẼ	Φ	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG	KHỐI LƯỢNG	BT ĐÁ	CARBONCOR(m2)
NHỊP 6m	1	5950	6	70	140	6,05	847,00	187,99	0,222
2	1A	80 5950 80	10	4	8	6,11	48,88	30,14	0,617
2	2	80 3950 80 50	10	49	98	4,11	402,78	248,33	0,617
3	3	80 3950 80 50 320	10	49	98	4,94	484,12	298,48	0,617
3a	3a	40 70 40 150 50 210 150	6	30	60	0,15	9,00	2,00	0,222
4	4	50 210 150	6	75	150	0,82	123,00	27,30	0,222
5	5	150 3430 150	12	12	24	3,73	89,52	79,48	0,888
KHE CỎ GIẢN	6	70 70	6	48	96	0,28	26,88	5,97	0,222
2	7	150x50x5 L=3,5m		2	4	3,50	14,00	52,78	3,770
								932,46	7,93
									42,00

THEP TRON D=6 = 223,26 Kg

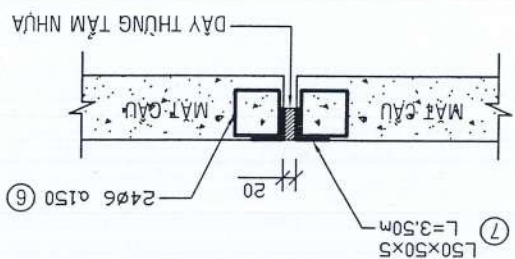
THEP TRON D=10 = 576,94 Kg

THEP TRON D=12 = 79,48 Kg

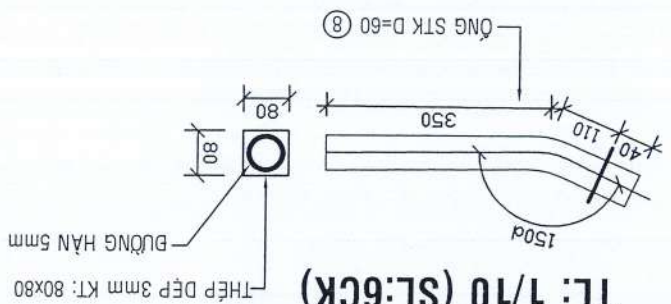
THEP HINH L50x50x5 = 52,78 Kg

VÁN KHUÔN GỖ = 56,55 m2

HÀNG MÙC: CẤU KIỆN +300

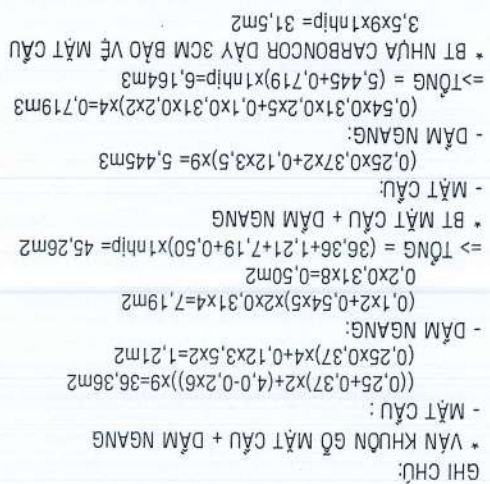


KHE CO GIẢN TÀI NHIP
TL: 1/10



ÔNG THOÁT NƯỚC D=60 TL: 1/10 (SL:6CK)

ONG STK D=60; 0,5m
THEP DEP 3mm KT 80x80 :
= 0,08x0,08x23,55 = 0,15kg



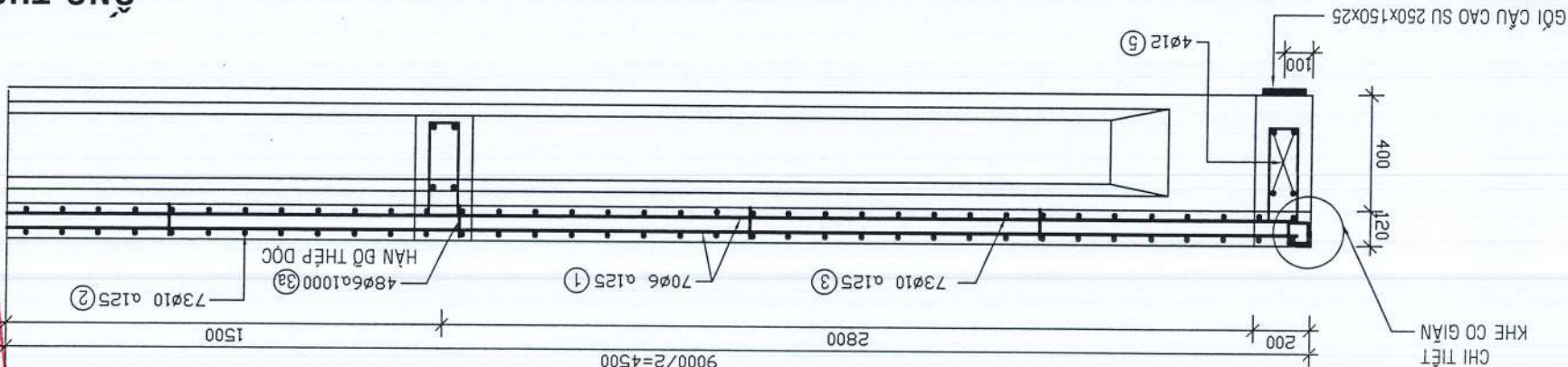
THAM DINH

Ngày tháng năm 2008

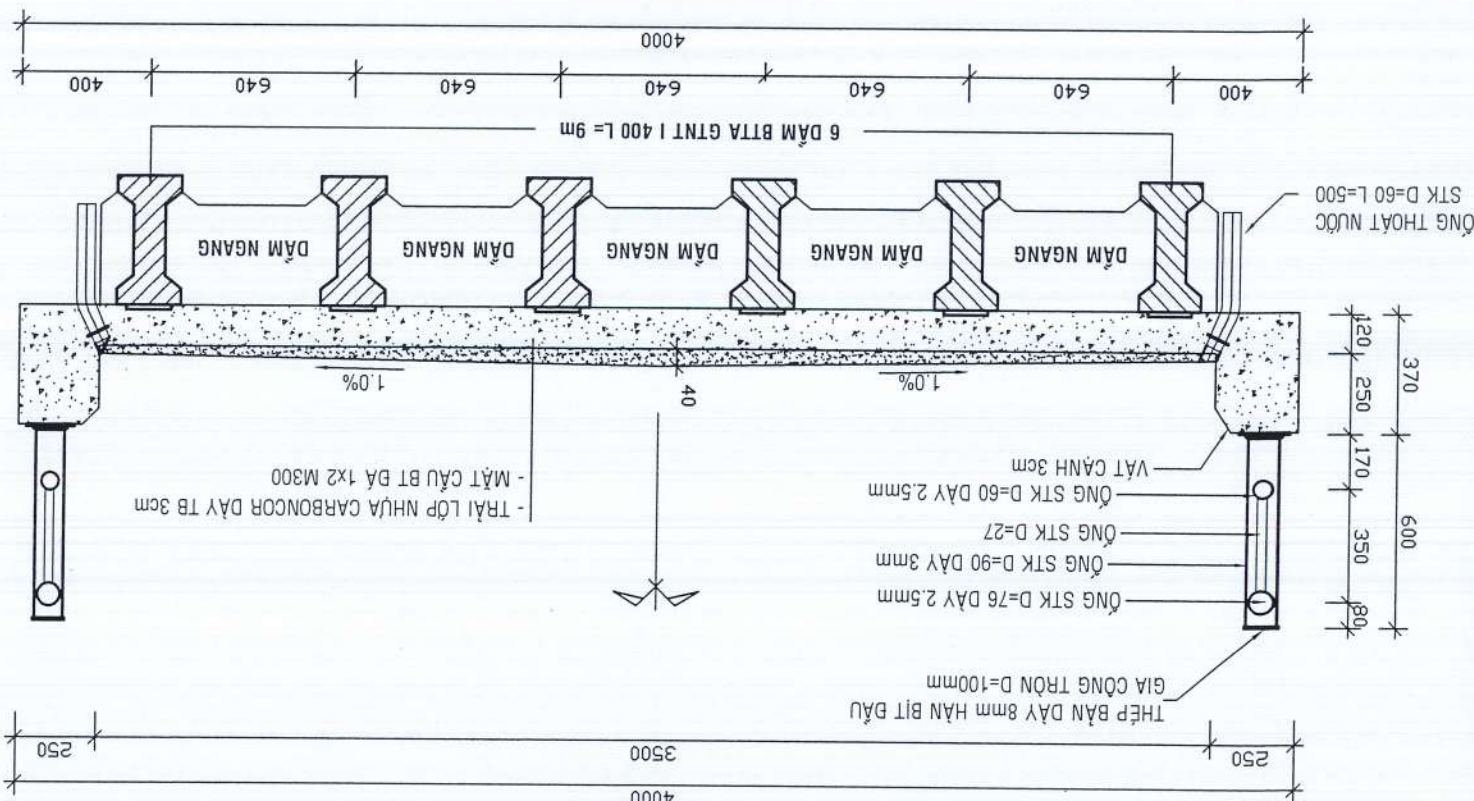
Người thẩm định ký tên

Nguyễn Thanh Hoàng

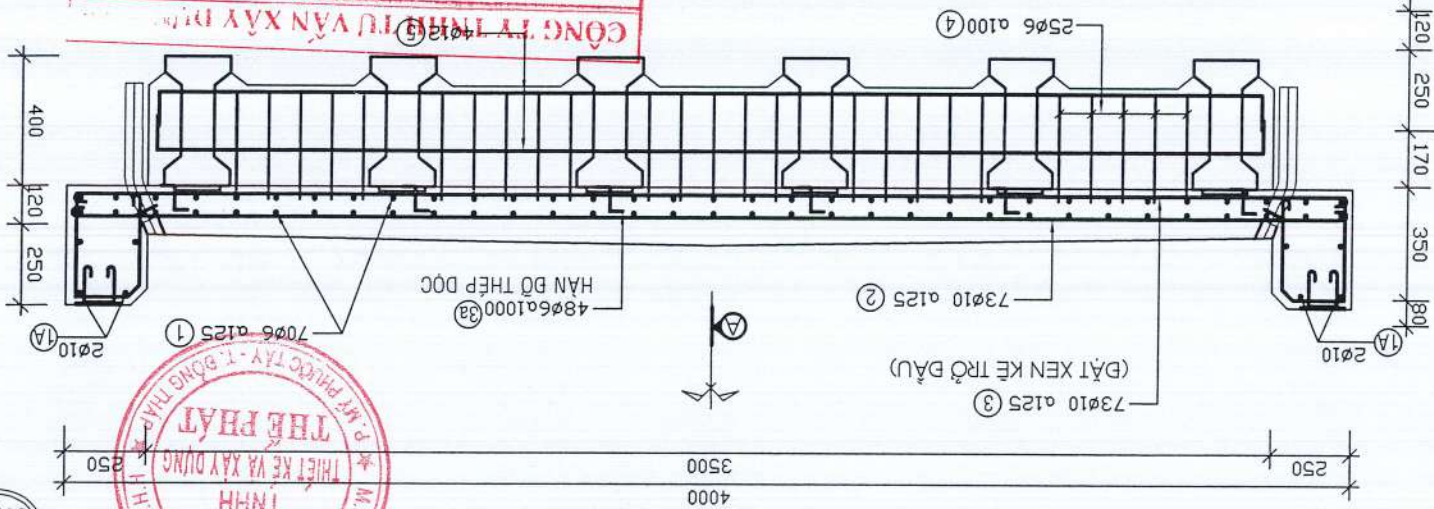
THÔNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP



MẶT CẮT A-A
TL: 1/20



MC NGANG NHIP 9m
TL:1/20



MC NGANG NHIP 9m
TL:1/20

- GHI CHÚ :

- THẾ DƯNG TRONG KẾT CẤU CỘT MẠC THEP C83000 VỚI THEP CỘT BƯNG KINH D<10 VÀ C84000-V VỚI THEP CỘT BƯNG KINH D<10 THEP TRÒN TRƯỚC KHAI GIA CÔNG PHẢI UỖN MỐC THEO QUY ĐỊNH, THEP CỘT KHÔNG CẦN UỖN MỐC, MỌI NƠI CỘT THEP PHẢI ĐẶT L=300

- BÊ TÔNG MẶT CẦU DÀ 1x2 M300 , TRẢI LỚP CARBONCOR.

- LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ a=20 ĐỐI VỚI BÀN VÀ a=25 ĐỐI VỚI KẾT CẤU KHÁC.

- TRÌNH TỰ THÍ CÔNG NHƯ SAU : ĐỔ BÊ MẶT CẦU DÀ 1x2 XONG SAU 24 GIỜ MỚI TIẾN HÀNH THÍ CÔNG LỚP NHỰA CARBONCOR , BÊ TÔNG PHẢI ĐƯỢC BẢO DƯỠNG LIÊN TỤC TRONG 6 NGÀY ĐẦU THEO QUY ĐỊNH CỦA TCVN 4453 - 1995

TRONG QUÁ TRÌNH THÍ CÔNG MẶT CẦU PHẢI ĐẶT NGAY CÁC THANH THEP ĐỂ CHẶN LẤN CÁN VÀ THANH THEP HÌNH L50x50x5 KHE CỎ GIẢN , KHÔNG ĐƯỢC THÍ CÔNG SAU .

Trần Minh Phụng

Thảo Văn bản số 07/KROTT-338
Ngày 04 tháng 01 năm 2025

Chữ từ bộ môn kỹ thuật:

Iran Minh Phung

KINH D < 10 VÀ CB400-V LẠI THẾ CỎ ĐÔNG KINH D > 10
CỎ SỎ KHÔNG CẦN ĐÓN MỘC, MỖI NƠI CỎ THẾ PHẢI ĐẶT L=30d.

CONG TY TNHH LUY X NVA

CẦU	SỐ	HIỆU	SỐ ĐỒ VẼ	Φ	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI	Kg/m	BT DÀ	BTN
KIỆN	SỐ	HIỆU	SỐ ĐỒ VẼ	Φ	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI	Kg/m	BT DÀ	BTN
NHẬP 9m	1	50								
NHẬP 9m	2	80	3950	80	10	73	4,11	300,03	184,98	0,617
	3	80	3950	80	10	73	4,94	360,62	222,34	0,617
	3a	40	70	40	6	48	0,15	7,20	1,60	0,222
	4	50	320	150	6	100	1,04	104,00	23,08	0,222
	5	150	3450	12	16	3,75	60,00	53,27	0,888	
KHE CỎ GIẢN	6	70	150	6	48	0,28	13,44	2,98	3,770	
	7		L50x50x5 L=3,5m		2	4	3,50	14,00	52,78	31,50
2										

THẺ TRÒN D=6 = 168,27 Kg

THẺ TRÒN D=10 = 429,78 Kg

THẺ TRÒN D=12 = 53,27 Kg

THẺ HÌNH L50x50x5 = 52,78 Kg

VÁN KHUÔN GỖ = 45,26 m2

BẢNG THÔNG KÊ THẺ MẶT CẦU NHẬP 9m

A red circular official stamp. The outer ring contains the text "CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THE PHAT" at the top and "M.S.D.N.: 1201468931 - C.T.N.H.P." at the bottom, separated by two stars. The center of the stamp features the words "THE PHAT" in large, bold, capital letters.



THẨM TRA			
Theo Văn bản số 04 /KOTT-338	ngày 03 tháng 03 năm 2025	 Chủ tịch Bộ môn Kỹ thuật:	

Trần Minh Phụng

PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP

THẨM ĐỊNH

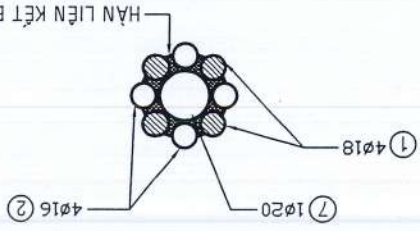
Theo Văn bản số
Ngày... tháng... năm 20....

Người thẩm định ký tên.....

Lưu kết hạn
(Handwritten signature)

10/10

THẺ MŨI CỎC TL:1/10



BẢNG THỐNG KÊ THẾP

BỀ TÔNG CỌC MẠC 300 DÀ 1x2 =	8,268 m3	VÁN KHUÔN=	60,480 m2
------------------------------	----------	------------	-----------

GHỊ CHÚ :

- BẾ TÔNG BỨC CỘC MẠC 300 DÃ 1X2, XI MĂNG PC40
- THÉP DÙNG TRONG KẾT CẤU CỘ MẠC THÉP C8300 VỚI THÉP CỘ BK D>10
- VÀ C8400-V VỚI THÉP CỘ DƯNG KINH D>10
- BẾ TÔNG THÌ CÔNG PHẢI ĐƯỢC BẢO DƯNG LIÊN TỤC
- TRONG THỜI GIẢN >6 NGÀY THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 6.5.2
- CỦA TCVN 4453-1998 VỚI DỘ ẨM TỰ NHIÊN.
- THANH THÉP SỐ ⑦ ĐẶT NHỎ RA KHỎI BẾ TÔNG 5cm

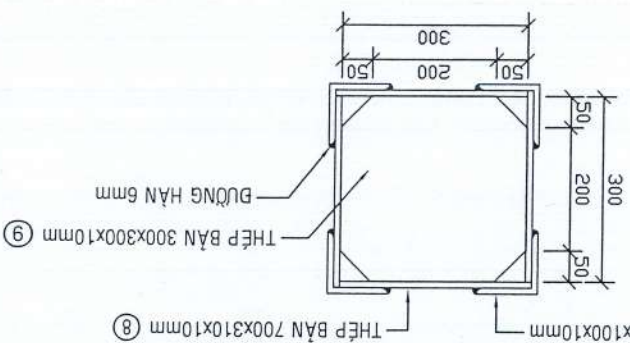
HÀNG MỤC: CẦU K M0+300

HÀNG MỤC: CẦU KMO+300

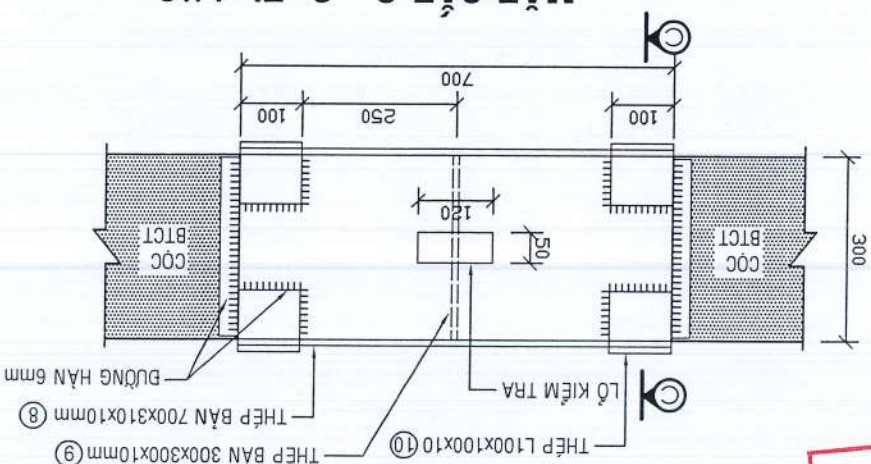
- BẾ TÔNG ĐỤC CỌC MÁC 300 D_A 1x2, XI MĂNG PC40
 - THÉP DÙNG TRONG KẾT CẤU CỘ MÁC THÉP CB3000 VỚI THÉP CỘ BK D_A 10
 VÀ CB400-V VỚI THÉP CỘ DÙNG KINH D_A 10
 - BẾ TÔNG THỊ CÔNG PHẢI ĐƯỢC BẢO DƯỠNG LIÊN TỤC
 TRONG THỜI GIỚI GIẢN >6 NGÀY THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 6.5.2
 CỦA TCVN 4453-1:1995 VỚI ĐỘ LÂM TỰ NHIÊN.

CẤU KIỆN	SỐ TT	KÝ HIỆU THẺP	SỐ LƯỢNG	C DÀI	D TÍCH	TRỌNG LƯỢNG (kg)
HỘP N CỤC	8	THẺP BÀN 700x310x10	4	64	0,217	1.090,21
	9	THẺP BÀN 300x300x10	1	16	0,090	113,04
	10	L 100x100x10	8	128	0,100	193,28
						78.500
						78.500
						15.100
						1.396,53

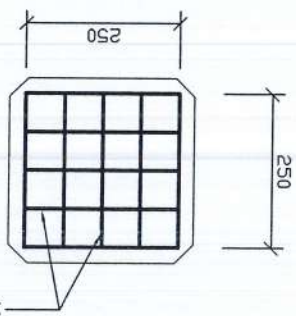
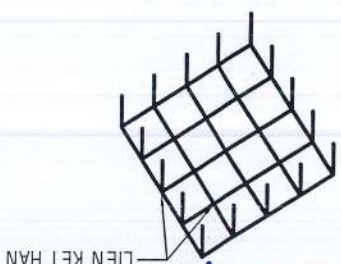
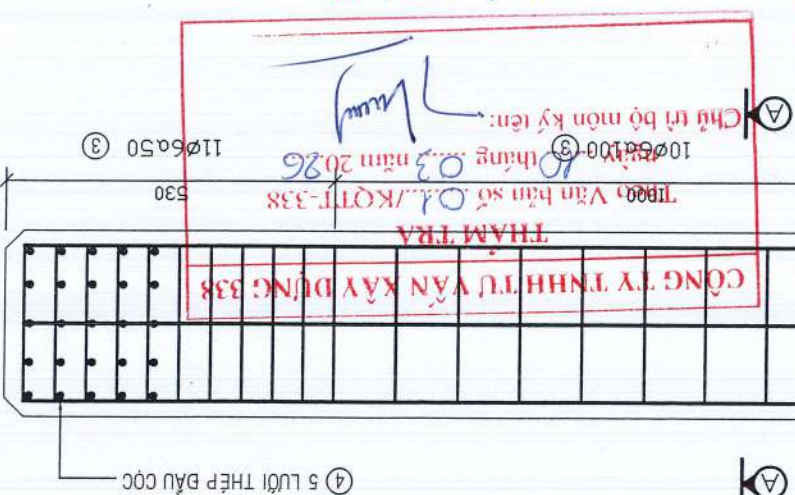
THÔNG KÊ THÉP HỘP NỘI CỘC 30x30



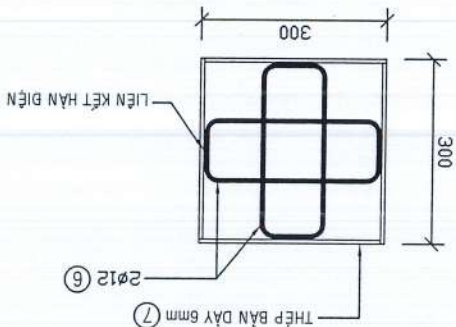
MẶT CẮT C - C TL:1/10



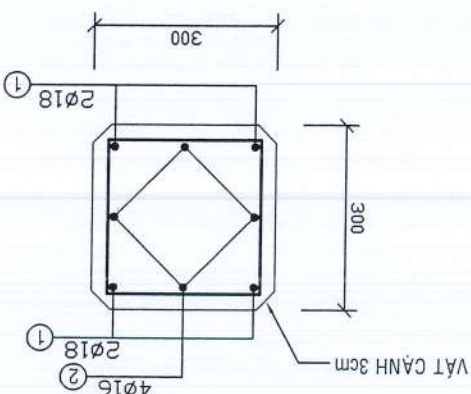
HỢP NỘI CỘC 11/10



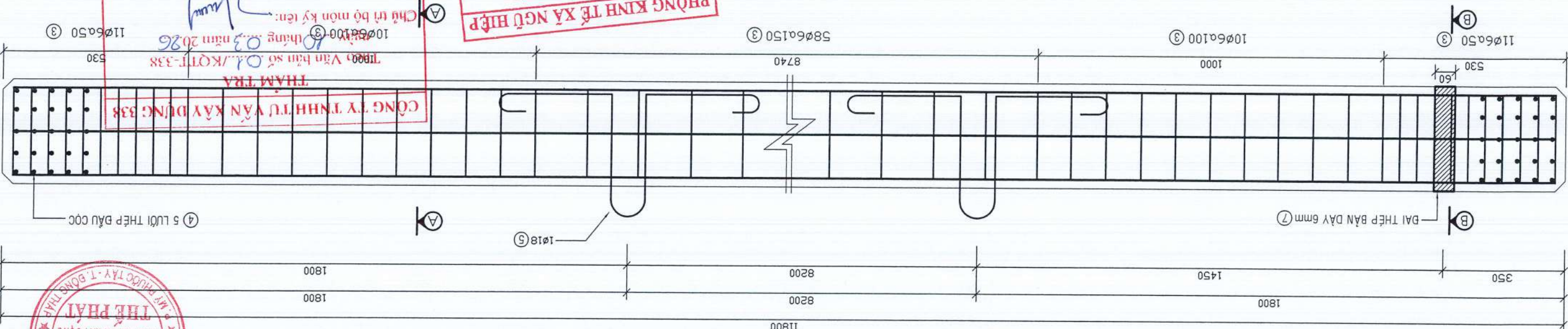
MẶT CẮT B - B TL:1/10



MẶT CẮT A - A TL:1/10



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

[illegible]

BẢNG THÔNG KÊ THIỆP

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THIẾT KẾ
Công trình: ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOẠN ẤP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP
Địa điểm: Xã Ngũ Hiệp - Tỉnh Đồng Tháp
Hạng mục: Cầu Km0+300 (Cầu Chính Và Đường Vào Cầu)

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHOẢNG LƯỢNG	
1. Tháo Dỡ Cầu Hiện Hữu				
1	Phá dỡ BTCT mặt cầu, dầm ngang, lan can hiện hữu: + Mặt cầu: 26,4mx1,7mx0,1m + Dầm cầu: 26,4mx0,2mx0,4mx2 + Trụ và móng cầu: 0,5mx0,5mx1,7mx4 + Lan can cầu hiện hữu: (0,1m+0,1mx26,4m+0,1mx0,1mx0,8mx26 trụ)x2	m3	12,358 5,386 4,224 1,700 1,048	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ
2	Nhổ cọc 200x200 trụ và móng cầu hiện hữu: (10x6m+10x4m)/100	100m	1,000	Phần ngập đất 6m và 4m
2. Cọc 300x300				
1	San đất tạo mặt bằng bãi đúc cọc: 15mx10mx0,1m/100	100m3	0,150	
2	Đệm cát bãi đúc cọc: 15mx10mx0,1m	m3	15,000	
3	Bê tông bãi đúc cọc đá 1x2 Mac 200: 15mx10mx0,1m	m3	15,000	
4	Sản xuất, lắp dựng cốt thép cọc DK<=10mm + Thép D=6mm: (301,56+515,04)kg/1000	tấn	0,817 0,817	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ
5	Sản xuất, lắp dựng cốt thép cọc DK<=18mm + Thép D=12mm: (21,60+21,60)kg/1000 + Thép D=16mm: (605,952+1181,61)kg/1000 + Thép D=18mm: (813,59+1588,81)kg/1000	tấn	4,233 0,043 1,788 2,402	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ
6	Sản xuất, lắp dựng cốt thép cọc DK>18mm + Thép D=20mm: (15,78)kg/1000	tấn	0,016 0,016	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ
7	SXLD thép dẹt, thép hình cọc + hộp nối cọc + Thép tấm: (1090,21+113,04+54,26+54,26)kg + Thép hình: 193,28kg	tấn kg kg	1,505 1,311,770 193,280	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ
8	Bê tông cọc đá 1x2 Mac 300: (8,268+16,992)m3	m3	25,260	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ
9	Ván khuôn gỗ cọc: (60,48+116,16)m2/100	100m2	1,766	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ
3. Mố Cầu (2 Mố)				
1	Đóng cọc Larsen FSP-1A 400 dài 6m/cọc (gia cố hố đào, tính khấu hao 1 tháng)	100m	2,970	Đóng ngập đất 4,5m
2	Nhổ cọc Larsen FSP-1A 400 dài 6m/cọc Mố 1: (1,2m+8,8m+1,6m)= 11,60m/0,4m= 29 cọc Mố 2: (6,8+8)= 14,8m/0,4m= 37 cọc 66ccc6mx35,5kgx(KH:1,17%x1tháng+3,5%x1lần= 4,67%)	100	2,970	
3	Đào đất thi công mố cầu Mố 1: 7mx3,5mx1,50mx1,3/100 Mố 2: 7mx3,5mx1,77mx1,3/100	kg 100m3	656,509 1,041 0,478 0,564	Tính khấu hao 1 tháng (29+37)cọc= 66 cọc
4	Đắp đất hoàn trả KL đào đất thi công mố, K=0,90 1,041m3x100-(5,5mx2mx0,8m+4,1mx0,6mx1,4m+2,02mx1mx0,2m)x2mố	m3	78,854	Trừ KL BT mố chiếm chỗ
5	Đóng cừ tràm gia cố mố cầu Mố 1: 5,5mx2mx25cây/x4,7m Mố 2: 5,5mx2mx25cây/x4,7m	100m 100m	25,850 12,925 12,925	Cừ tràm gia cố móng 25 cây/m2 Øgốc80-100, Øngon=4cm, L=4,7m
6	Vét đất đầu cừ dày 10cm 5,5mx2mx0,1m*2mố	m3	2,200	
7	Bê tông lót móng đá 1x2 Mac 150 5,5mx2mx0,1x2mố	m3	2,200	Đã trừ cọc chiếm chỗ
8	Sản xuất, lắp dựng cốt thép DK<=10mm + Thép D=6mm: 25,31kg/1000	tấn	0,025 0,025	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ
9	Sản xuất, lắp dựng cốt thép DK<=18mm + Thép D=12mm: 2,117,83kg/1000 + Thép D=16mm: 240,80kg/1000	tấn	2,358 2,118 0,241	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ
10	Ván khuôn gỗ mố: 85,24m2/100	100m2	0,852	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ
11	Bê tông mố cầu đá 1x2 Mac 300: 28,26m3	m3	28,260	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ
12	Bê tông đá mi gối cầu Mac 300: 0,10m3	m3	0,100	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ
4. Sàn Tiếp Cận (2 Sàn)				
1	Bê tông lót sàn tiếp cận đá 2x4 Mac 150 dày 10cm	m3	3,239	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ

Hạng mục: Cầu Km0+300 (Cầu Chính Và Đường Vào Cầu)

	(1,7mx4,1m+2,25mx4,1m)x0,1mx2M					
2	Ván khuôn sàn tiếp cận: 10,88m2/100	100m2	0,109		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
3	Sàn xuất, lắp dựng cốt thép DK<=10mm + Thép D=10mm: 2,0kg/1000	tấn	0,002		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
4	Sàn xuất, lắp dựng cốt thép DK<=18mm + Thép D=12mm: 682,77kg/1000 + Thép D=16mm: 25,56kg/1000	tấn	0,708		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
5	Sàn xuất, lắp dựng cốt thép DK>18mm: + Thép D=20mm: 31,12kg/1000	tấn	0,031		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
6	Bê tông sàn tiếp cận đá 1x2 Mac 250 dày 20cm: 5,66m3	m3	5,660		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
7	Bê tông lót sàn tiếp cận đá 1x2 Mac 150 dày 20cm: 3,24m3	m3	3,240		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
8	Dã học xếp khan: ((0,75+1,5)m/2x0,5mx4,1m)x2M	m3	4,613		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
5. Trụ Cầu (2 Trụ)						
1	Đóng cọc thép hình khung định vị, chiều dài cọc 12m, ngập đất 8m	100m	0,640			
2	Đóng cọc thép hình khung định vị, chiều dài cọc 12m, không ngập đất 4m	100m	0,320			
3	Nhổ cọc thép hình khung định vị	100m	0,640			
4	Thép I450(KH:1,17% $\times$ 1thàng+3,5% $\times$ 2lần= 8,17%)	kg	298,042			
5	Thép I300(KH:2% $\times$ 1thàng+7% $\times$ 2lần=16%)	kg	256,032			
6	Thép L100 (KH:2% $\times$ 1thàng+7% $\times$ 2lần=16%)	kg	4,768			
7	Đóng cọc 30x30 xiên dưới nước cọc dài 17,8m/cọc (2 trụ)	100m	2,440			
	8cọcx15,71m/100		1,257		Ngập đất: 15,71m	
	8cọcx14,79m/100		1,183		Ngập đất: 14,79m	
8	Phá vỡ bê tông đầu cọc: 16cọcx0,3mx0,3mx0,4m	m3	0,576		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
9	SXLD cốt thép trụ cầu DK<=10mm + Thép D=6mm: 74,5kg/1000	tấn	0,075		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
10	SXLD cốt thép trụ cầu DK<=18mm + Thép D=12mm: 294,82kg/1000 + Thép D=14mm: 48,92kg/1000 + Thép D=16mm: 205,99kg/1000 + Thép D=18mm: 261,58kg/1000	tấn	0,811		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
11	Ván khuôn gỗ mũ trụ và bê trụ: 29,164m2/100	100m2	0,292		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
12	Bê tông trụ và bê trụ đá 1x2 M.300: 7,375m3	m3	7,375		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
13	Bê tông đá mi gối cầu Mac 300: 0,194m3	m3	0,194		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
6. Mặt Cầu Nhịp 6m (2 nhịp)						
1	Vận chuyển đầm I280 dài 6m	tấn.km	396,000		Cự ly vận chuyển 60Km	
	Số lượng: 12đầmx0,55x60				Trọng lượng: 0,55 tấn/đầm	
2	Lắp đặt gối cao su	cái	24,000			
3	Lắp đầm BT DUL dài 6m	cái	12,000		12đầmx6m=72m	
4	SXLD thép dệp lan can + ống thoát nước (9,86+21,2+0,15x4x2)kg=32,26kg/1000	tấn	0,032		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
5	SXLD cốt thép để neo lan can DK<=10mm + Thép D=8mm: 6,95kg/1000	tấn	0,007		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
6	SXLD thép hình khe co giãn: 52,78kg/1000	tấn	0,053		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
7	SXLD cốt thép để neo khe co giãn + Thép D=6mm: 5,97kg/1000	tấn	0,006		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
8	SXLD cốt thép mặt cầu DK<=10mm + Thép D=6mm: (223,26-5,97)kg/1000 + Thép D=10mm: 576,94kg/1000	tấn	0,794		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
9	SXLD cốt thép mặt cầu DK<=18mm + Thép D=12mm: 79,48kg/1000	tấn	0,079		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
10	Ván khuôn gỗ mặt cầu + đầm ngang: 56,55m2/100	100m2	0,566		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
11	Bê tông đá 1x2 Mac 300 mặt cầu + đầm ngang: 7,93m3	m3	7,930		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
12	Bê tông nhựa carboncor dày trung bình 3cm bảo vệ mặt cầu: 42m2/100	100m2	0,420		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
13	SXLD ống thép STK lan can D=27: 36,48m/100	100m	0,365		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
14	SXLD ống thép STK lan can và ống thoát nước D=60: (23,2+0,5x4x2)m/100	100m	0,272		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
15	SXLD ống thép STK lan can D=76: 23,2m/100	100m	0,232		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
16	SXLD ống thép STK lan can D=90: 12m/100	100m	0,120		Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ	
17	Chết khe co giãn bằng dây thừng tấm nhựa đường: 3,5mx2	m	7,000		Ghi chú trên bản vẽ	

THẨM ĐỊNH
PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP
Ngày: 20 tháng 03 năm 2025
Người thẩm định ký tên: Nguyễn Đình Trọng

THẨM TRA
Theo Văn bản số 01/KOTT-338 ngày 03 tháng 03 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên: Trần Minh Phụng



Hạng mục: Cầu Km0+300 (Cầu Chính Và Đường Vào Cầu)

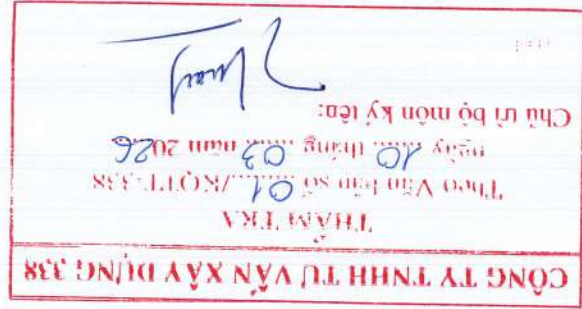
18	Sơn lan can 3 nước:17,0m ²	m ²	17,000	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ
7. Mặt Cầu Nhịp 9m (1nhịp)				
1	Vận chuyển đầm 1400 dài 9m	tấn.km	468,000	Cự ly vận chuyển 60km
2	Lắp đặt gối cao su Số lượng: 6đầmx1,3x60	cái	12,000	Trọng lượng: 1,3 tấn/đầm
3	Lắp đầm BT DUL dài 9m	cái	6,000	đầm 9m=54m
4	Chiều dài đầm BT DUL 1400: 6x9m ³	m	54,000	
5	SXLD thép dệp lan can + ống thoát nước (6,9+14,84+0,15x6)kg=22,64kg/1000	tấn	0,023	
6	SXLD cốt thép đế neo lan can DK<=10mm + Thép D=8mm: 4,87kg/1000	tấn	0,005	
7	SXLD thép hình khe co giãn: 52,78kg/1000	tấn	0,053	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ
8	SXLD cốt thép đế neo khe co giãn + Thép D=6mm: 2,98kg/1000	tấn	0,003	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ
9	SXLD cốt thép mặt cầu DK<=10mm + Thép D=6mm: (168,27-2,98)kg/1000	tấn	0,595	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ
10	+ Thép D=10mm: 429,78kg/1000 SXLD cốt thép mặt cầu DK<=18mm + Thép D=12mm: 53,27kg/1000	tấn	0,430 0,053 0,053	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ
11	Ván khuôn gỗ mặt cầu + đầm ngang: 45,26m ² /100	100m ²	0,453	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ
12	Bê tông đá 1x2 Mac 300 mặt cầu + đầm ngang: 6,164m ³	m ³	6,164	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ
13	Bê tông nhựa carboncor dày trung bình 3cm bảo vệ mặt cầu: 31,5m ² /100	100m ²	0,315	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ
14	SXLD ống thép STK lan can D=27: 27,36m/100	100m	0,274	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ
15	SXLD ống thép STK lan can và ống thoát nước D=60: (17,6+0,5x6)m/100	100m	0,206	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ
16	SXLD ống thép STK lan can D=76: 17,6m/100	100m	0,176	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ
17	SXLD ống thép STK lan can D=90: 8,4m/100	100m	0,084	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ
18	Chết khe co giãn bằng dây thường tấm nhựa đường: 3,5mx2	m	7,000	Ghi chú trên bản vẽ
19	Sơn lan can 3 nước: 12,63m ²	m ²	12,630	Bảng thống kê khối lượng trên bản vẽ
8. Đường Vào Cầu				
1	Tháo dỡ tấm đan đường hiện hữu: (64,52m-26,4m)/m	cái	13,000	
2	Đào đất nền đường (tận dụng 75% đất đào): 10,28m ³ /100	100m ³	0,103	Tận dụng 75% đắp lề đường vào cầu
3	Đắp đất lề đường, K=0,90: 188,51m ³ /100	100m ³	1,885	
4	Đất mua: + Đất đắp lề: 188,51m ³ x1,1 + Tận dụng: -10,28m ³ x75%	m ³	199,651 207,361 -7,710	
5	Đắp cát đen nền đường và mở rộng, K=0,95: + Đắp nền: 101,84m ³ /100 + Hoàn trả mặt đàn: 43,04mx2mx0,07m/100	100m ³	0,180 0,120 0,060	KL đắp mở rộngS1+...+S5: 3,07m ³
6	Trải vải địa kỹ thuật nền đường (loại không dệt) Rk=12KN/m	100m ²	2,001	43,04m*(3,5m+(0,15m+0,5m*2))/100
7	Trải đá Dmax= 37,5mm dày 30cm + Nền đường 43,04mx3,5mx0,3m/100	100m ³	0,452 0,452	
8	Tuổi nhựa lót bằng nhựa pha dầu TC 1kg/m ²	100m ²	1,506	43,04mx3,5m/100
9	Tuổi nhựa 2 lớp dày 2,5cm tiêu chuẩn 3kg/m ²	100m ²	1,506	43,04mx3,5m/101
13	Lắp dựng và sơn cọc tiêu 120x120: 31 cọc	trụ	31,000	
14	Lắp đặt trụ biển báo	trụ	2,000	
15	Lắp đặt biển tải trọng (BB tròn)	biển	2,000	
16	Lắp đặt biển tên cầu (BB chữ nhật)	biển	2,000	
17	Đào móng trụ biển báo: 2trụx0,4mx0,4mx0,5m	m ³	0,160	
18	Bê tông móng cọc tiêu và trụ biển báo: + Cọc tiêu: 20cọcx(0,4x0,4x0,4-0,12x0,12x0,3) + Trụ biển báo: 2trụx0,4mx0,4mx0,5m	m ³	1,354 1,194 0,160	

PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 282/2020/ĐKT-H
Ngày 20 tháng 02 năm 2020
Người thẩm định ký tên
Nguyễn Đình Phụng

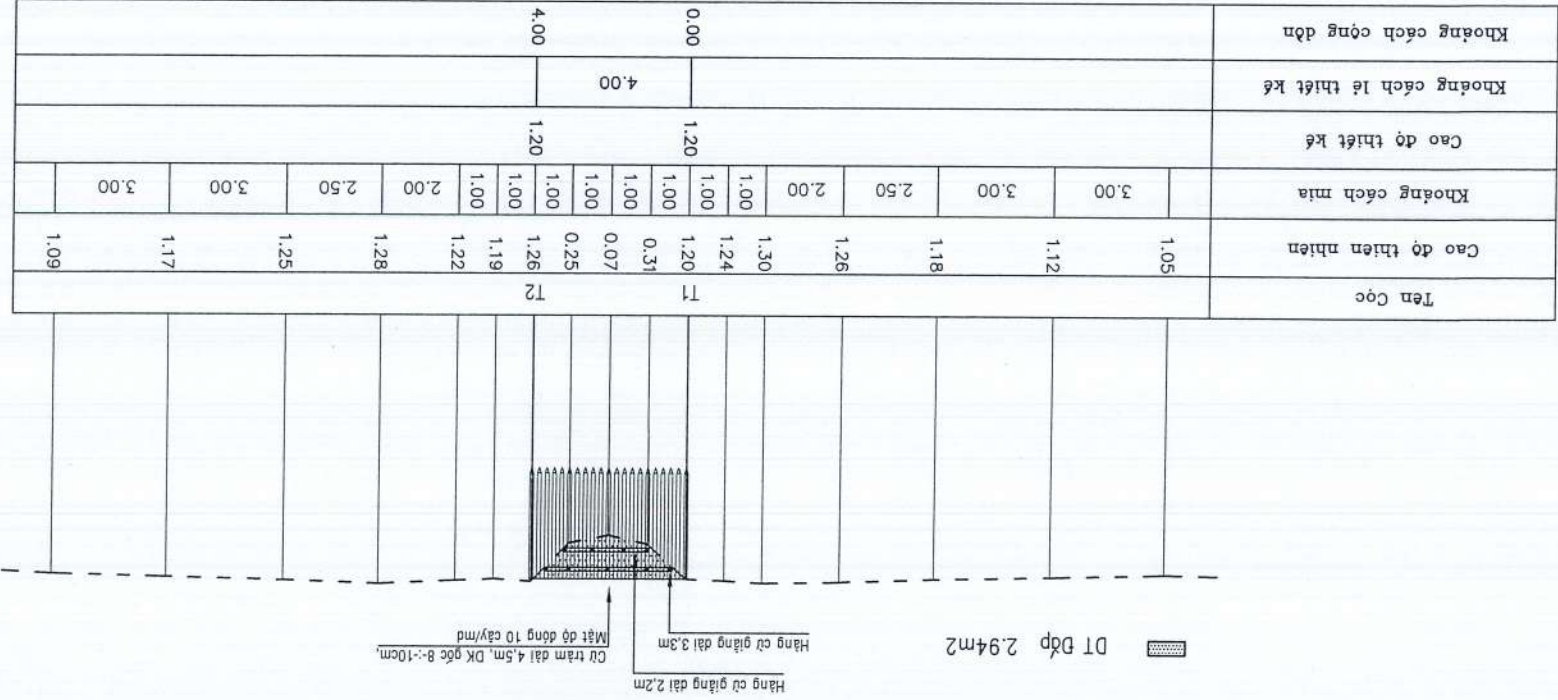
Trần Minh Phụng

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THE PHAT
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 282/2020/ĐKT-H
Ngày 20 tháng 02 năm 2020
Chủ trì dự môn ký tên
Mười

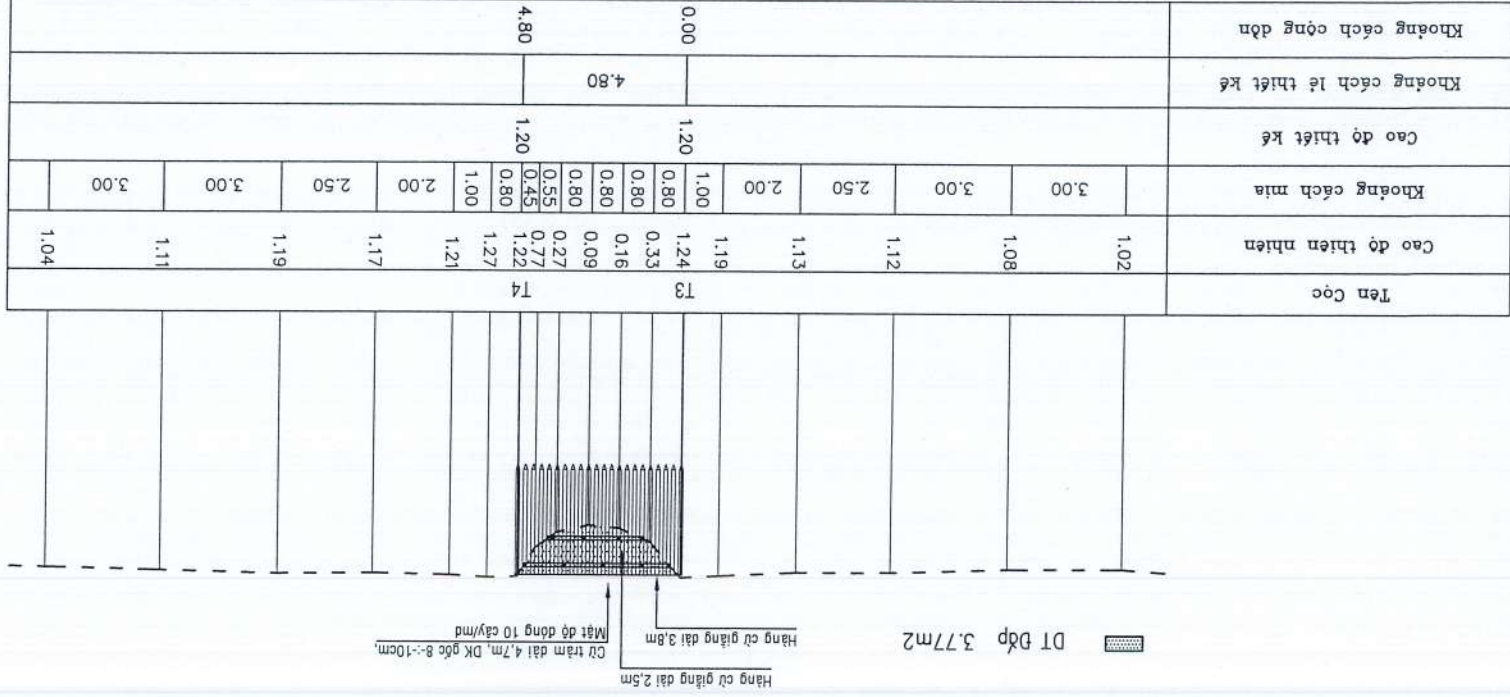
1. BẢN VẼ
CỒNG K0+572
(CỒNG D=1000 DÀI 10M)



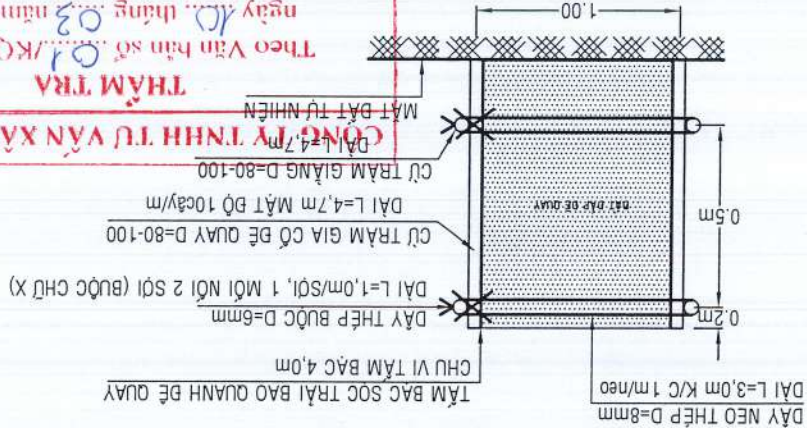
TRẮC DỤC ĐỀ QUAY SỐ 1 - TL: 1/200



TRẮC DỤC ĐỀ QUAY SỐ 2 - TL: 1/200



MC NGANG ĐỀ QUAY SỐ 1 & 2 - TL: 1/50



THẨM TRA

Theo Văn bản số 03/KQTT-338 ngày 10 tháng 03 năm 2026

Chủ trì bộ môn kỹ thuật:

Trần Minh Phụng

GHỊ CHÚ: CÔNG TRẦN D=1000, L=10M (KM0+572)
- ĐỀ QUAY SỐ 1, SỐ 2 VÀ SỐ 3= 4,0m+4,8m+4,0m= 12,80m
- CỤ TRẮM GIỮA CỘ ĐỀ QUAY DÀI 4,7m/CÁY ĐỔ GỐC 80°-100
MẶT ĐỘ GIA CỘ 10 CÂY/MĐ, CỤ ĐỒNG THÀNH HAI HẸNG GIA CỘ
- CAO BỘ ĐẦU CỤ THIẾT KẾ ĐỀ QUAY SỐ 1, SỐ 2 VÀ SỐ 3: +1,20
- KHỐI LƯỢNG ĐẤT ĐẬP ĐỀ QUAY SỐ 1: 2,94m²x1,0m = 2,94m³
- KHỐI LƯỢNG ĐẤT ĐẬP ĐỀ QUAY SỐ 2: 3,77m²x1,0m = 3,77m³
- KHỐI LƯỢNG ĐẤT ĐẬP ĐỀ QUAY SỐ 3: 3,23m²x1,0m = 3,23m³
- KHỐI LƯỢNG TẦM BẠC CHẶN ĐẤT: 4,0m x 12,8m = 51,52m²
- THIỆP BUỘC & THIỆP NEO: 55,97kg
+ THIỆP BUỘC D=6mm: (5+4+5+4+5+4)m x 1m x 2x2b= 23,98kg
+ THIỆP NEO D=8mm: (5+4+5+4+5+4)m x 3,0m x 0,395= 31,99kg
ĐẤT ĐẬP ĐỀ QUAY KHAI THÁC TẠI CHỖ, SAU KHI THI CÔNG ĐỀ QUAY XONG
ĐÀO PHẢI ĐỀ QUAY TRẢ LẠI MẶT ĐẤT HIỆN TRẠNG
- KHỐI LƯỢNG ĐẤT THI CÔNG CÔNG (TẦM DỪNG 50% ĐẤT ĐÀO): 22,05m³
- CAO BỘ ĐỖ CÔNG: -0,50

PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIẾP

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 03/KQTT-338 ngày 10 tháng 03 năm 2026

Người thẩm định kỹ thuật:

KIỂM TRA

THIẾT KẾ

CHỦ TRÌ KỸ THUẬT

NGUYÊN THỂ ĐUỠ

NGUYÊN THỂ ĐUỠ

PHẨM QUỐC VIỆT

TL: 1/200

BV TKTC

TN: 01/02

TRẦN MINH PHỤNG

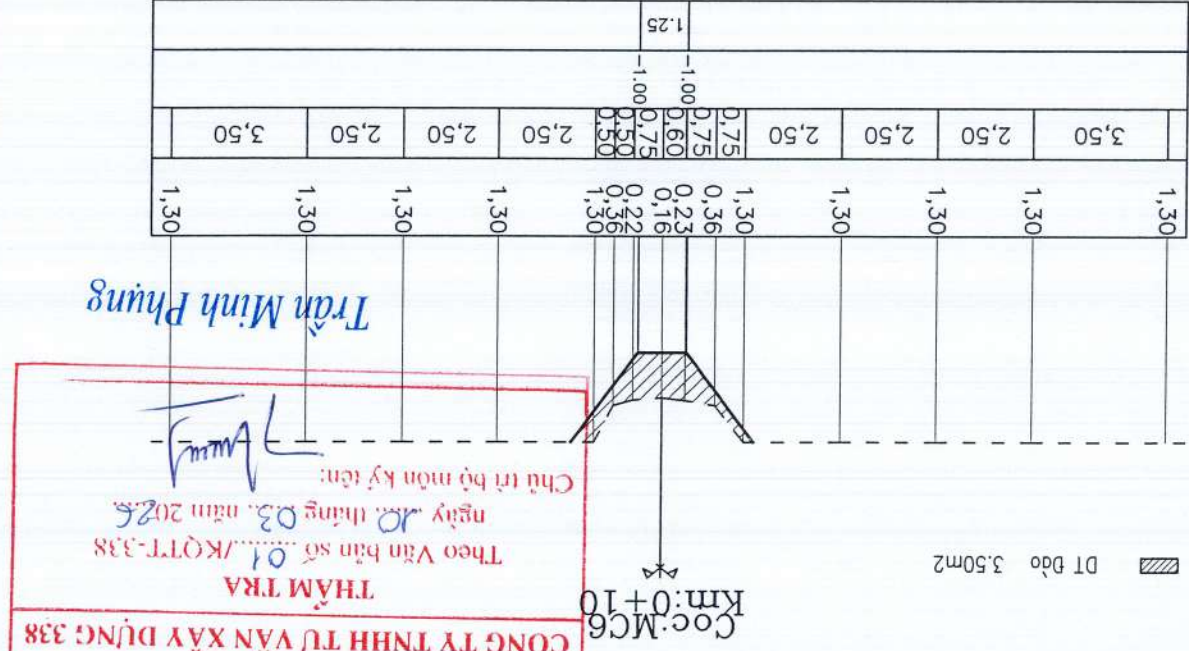
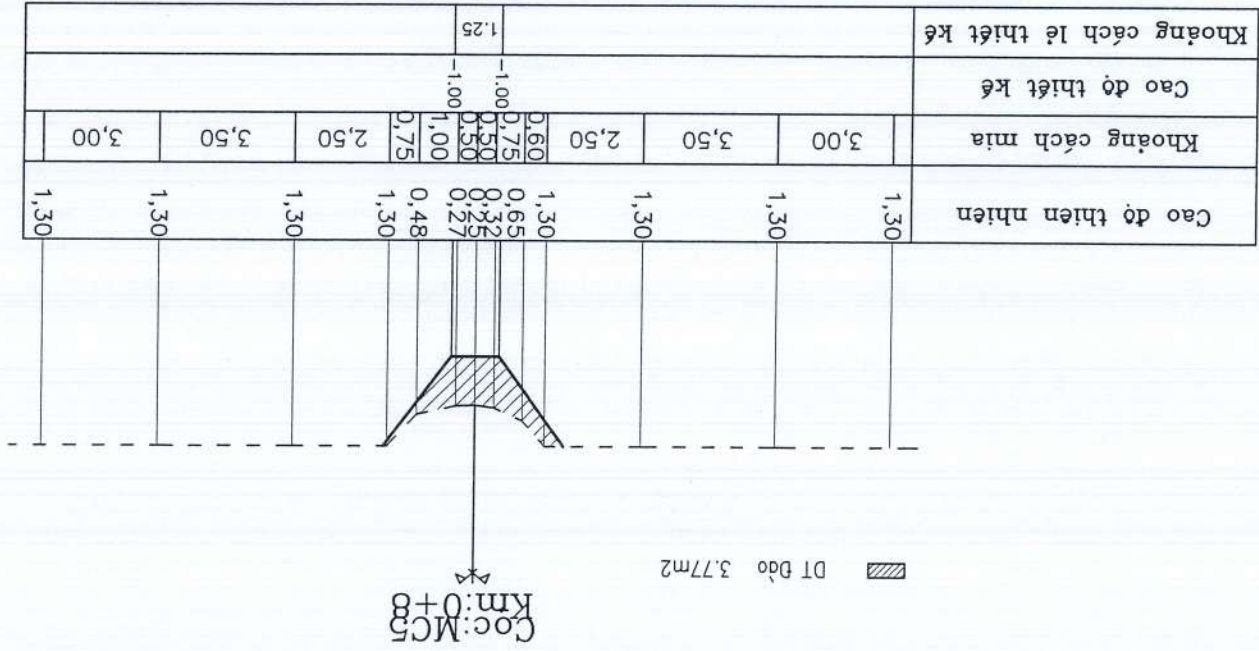
THẨM TRA

Theo Văn bản số 03/KQTT-338 ngày 10 tháng 03 năm 2026

Chủ trì bộ môn kỹ thuật:

TÊN MC	Khoảng Cách (m)	DT Mặt Cắt Đào (m2)	DT Mặt Cắt Đào TB (m2)	KL Đào (m3)
MC1		1,41		
MC2	2,00	1,51	1,46	2,92
MC3	2,00	1,58	1,55	3,09
MC4	2,00	1,71	1,65	3,29
MC5	2,00	3,77	2,74	5,48
MC6	2,00	3,50	3,64	7,27
Tổng:				22,05

BẢNG KL ĐÀO ĐẤT MỘNG CÔNG
HÀNG MỤC: CÔNG KMO+572 (D=1000 DÀI 10M)



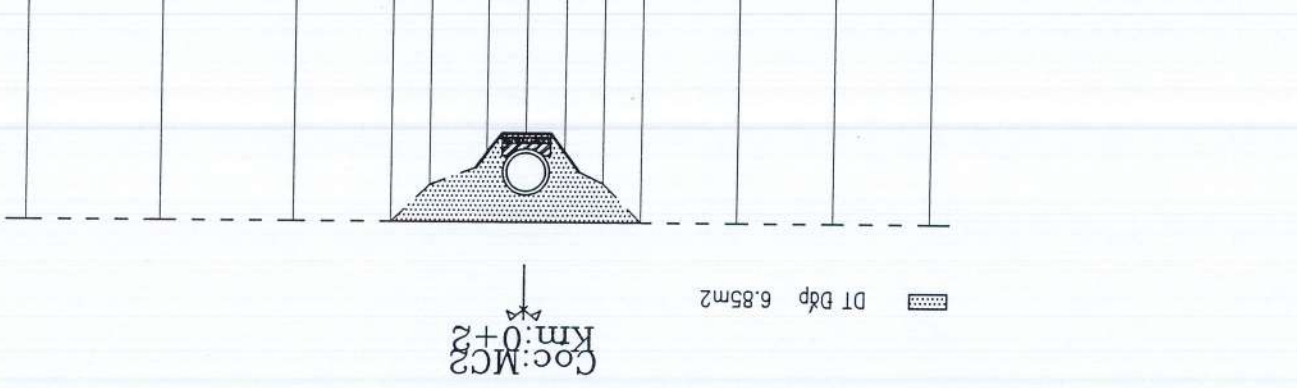
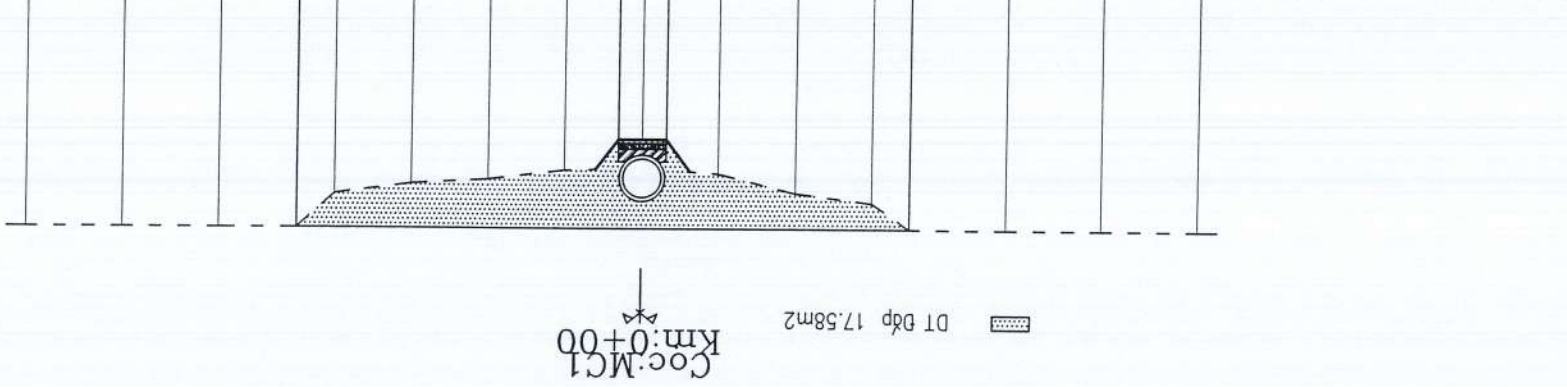
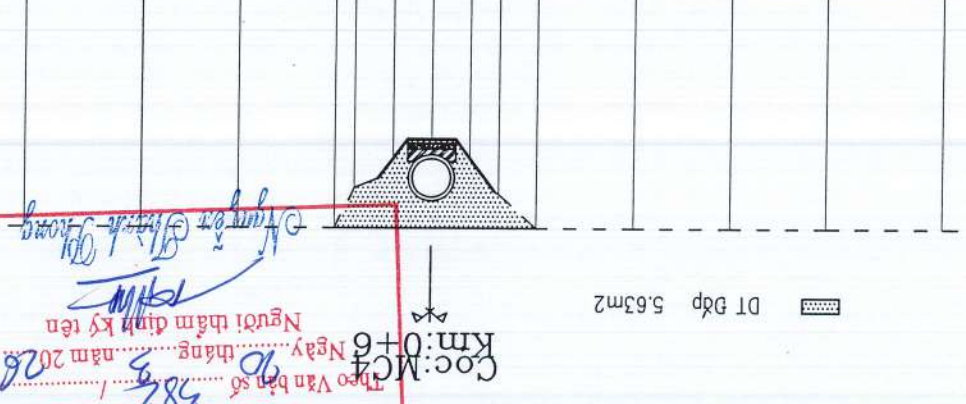
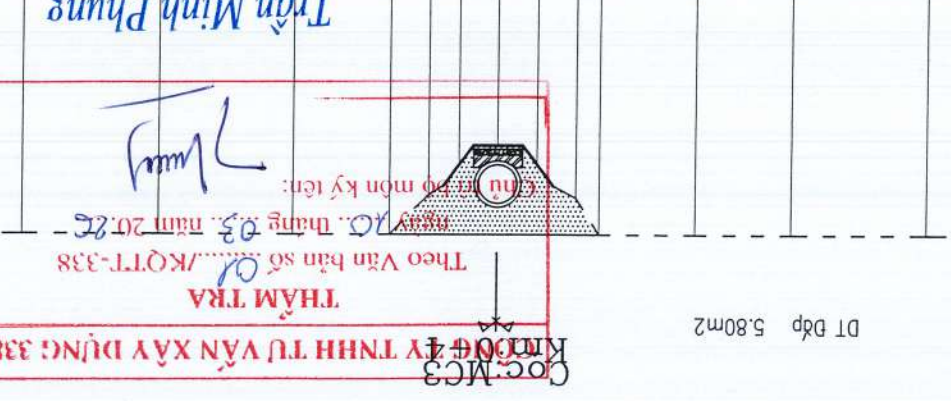
KIỂM TRA	PHẠM QUỐC VIỆT	TỈ LỆ: 1/200	NGÀY HT: .../.../2026	TN: 02/02
VỀ				
THIẾT KẾ	NGUYỄN THẾ DUYỆT			
CHỦ TRÌ TK				
GIÁM ĐỐC	NGUYỄN THẾ DUYỆT			

MẶT CẮT NGANG
ĐẠO MỘNG CÔNG

THẺ PHÁT
 CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG
 ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP
 BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP
 HÀNG MỤC: CÔNG KMO+572 (D=1000 dài 10m)

PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số .../... năm 20...
 Ngày... tháng... năm 20...
 Người thẩm định ký tên: ...

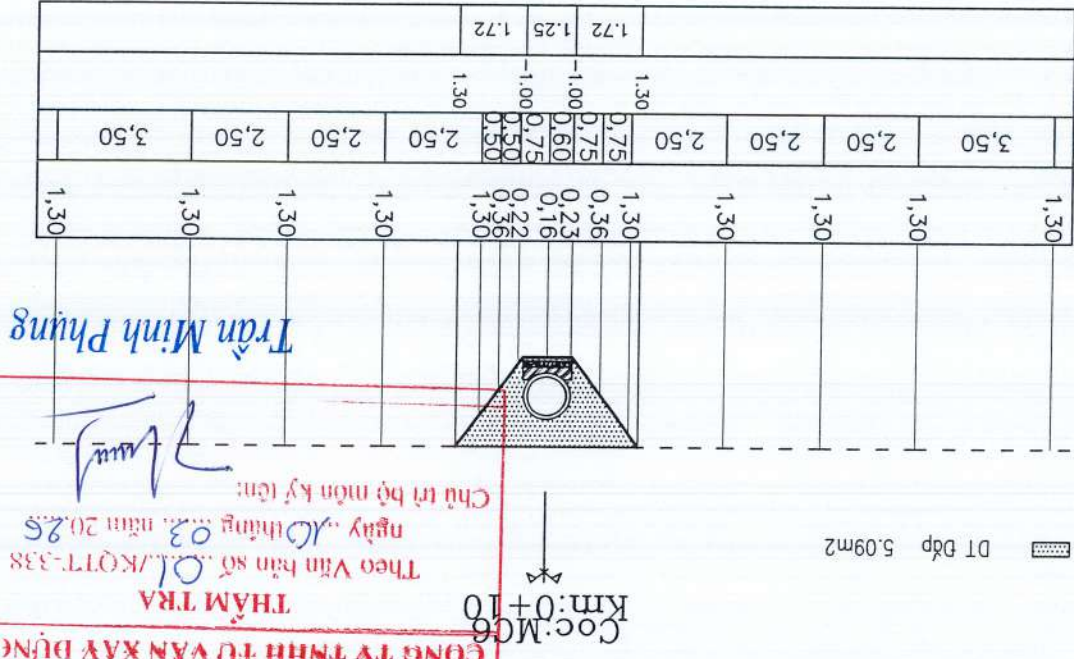
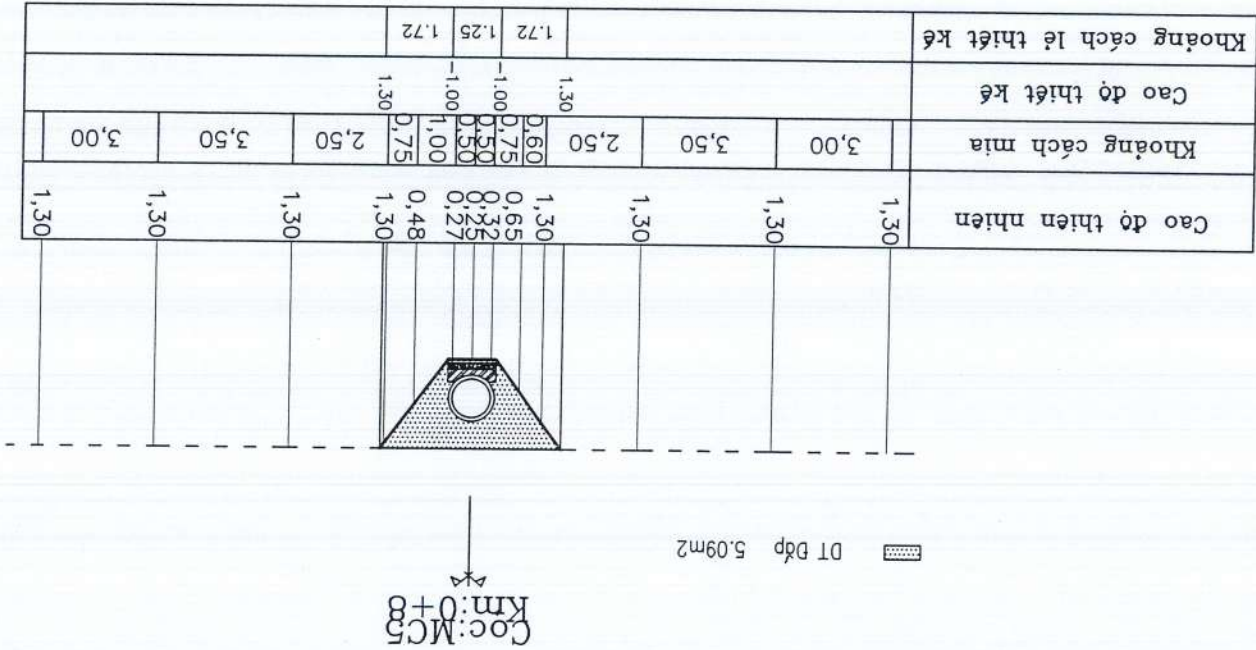
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 338
THẨM TRA
 Theo Văn bản số .../... năm 2026
 ngày... tháng... năm 2026
 Chủ trì bộ môn ký tên: ...

[illegible][illegible][illegible][illegible]

	KIỂM TRA VE THIẾT KẾ CHỦ THÌ	PHẠM QUỐC VIỆT NGUYỄN THỊ BÙM NGUYỄN THỊ BÙM	NGÀY HT :/...../2026 TÊN : 1:200 BV TKTC BẢN VẼ SỐ	TN: 01/02
	GIÁM ĐỐC CHỖ KÝ VÀ XẤY DỮNG CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THE PHAT BIA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP HẠNG MỤC: CÔNG K/M0.572 (D=1000 dài 10m) CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOÀN A)	MẶT CẮT NGANG ĐẬP ĐẤT LUNG CỒNG		

TÊN MC	Khoảng Cách (m)	DT Mặt Cắt Đào (m2)	DT Mặt Cắt Đào TB (m2)	KL Đào (m3)
MC1		17,58		
MC2	2,00	6,85	12,22	24,43
MC3	2,00	5,80		12,65
MC4	2,00		5,72	11,43
MC4	2,00	5,63		
MC5	2,00	5,09	5,36	10,72
MC6	2,00	5,09	5,09	10,18
Tổng:				69,41

BẢNG KL ĐẬP ĐẤT LUNG CỐNG
HÀNG MỤC: CỐNG KM0+572 (D=1000 DÀI 10M)



KIỂM TRA	PHẠM QUỐC VIỆT	TỈ LỆ: 1/200	NGÀY HT: .../.../2026	TN: 02/02
THIẾT KẾ	NGUYỄN THẾ DŨM	BV TKTC	BẢN VẼ SỐ	
CHỦ TRÌ TK	NGUYỄN THẾ DŨM	MẶT CẮT LUNG CỐNG		
CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THẾ PHÁT HÀNG MỤC: CỐNG KM0+572 (D=1000 dài 10m) GIÁ ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP CÔNG TRÌNH: BƯỞNG NGHĨA TRĂNG (BỎAN ẤP				

PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số .../.../... năm 20...

Ngày ... tháng ... năm 20...

Người thẩm định ký tên

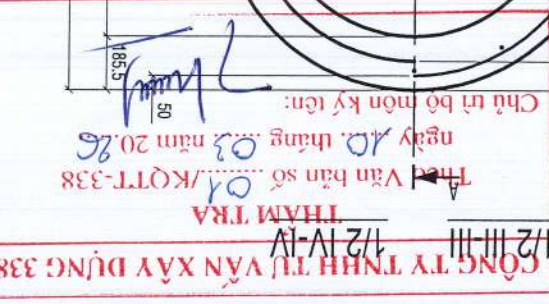
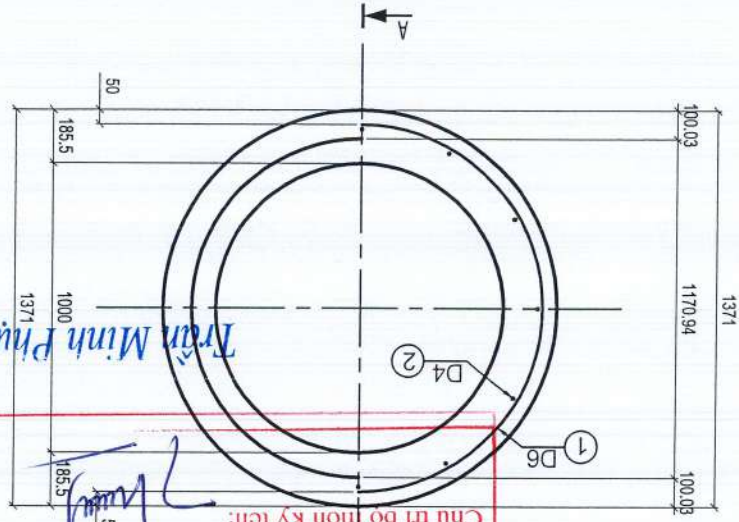
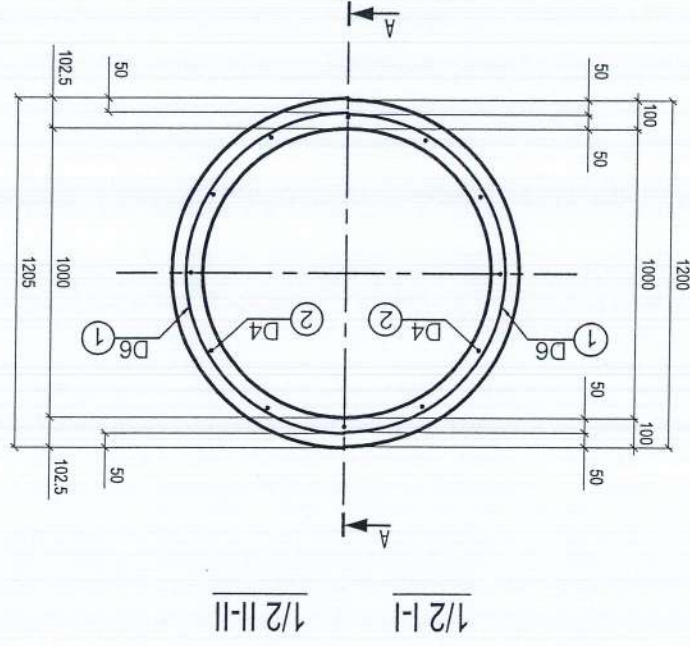
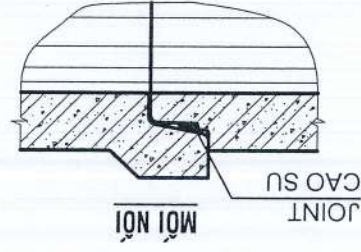
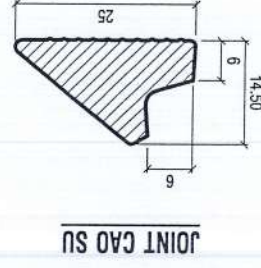
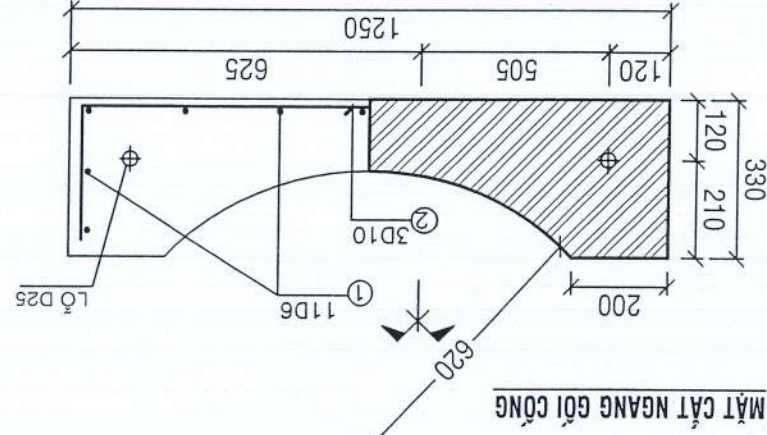
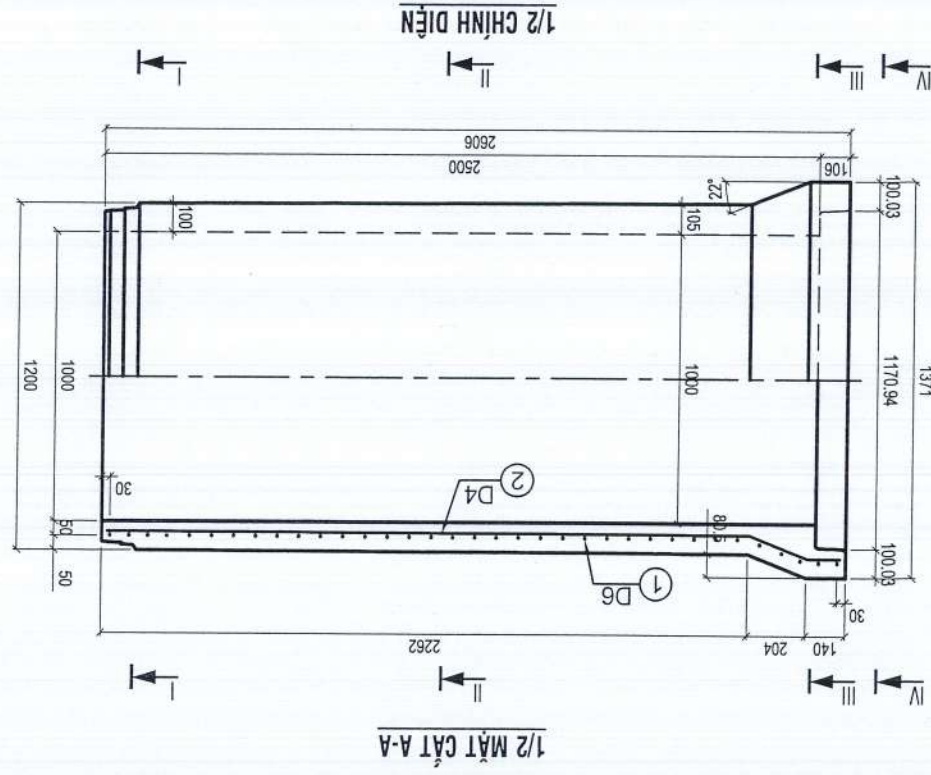
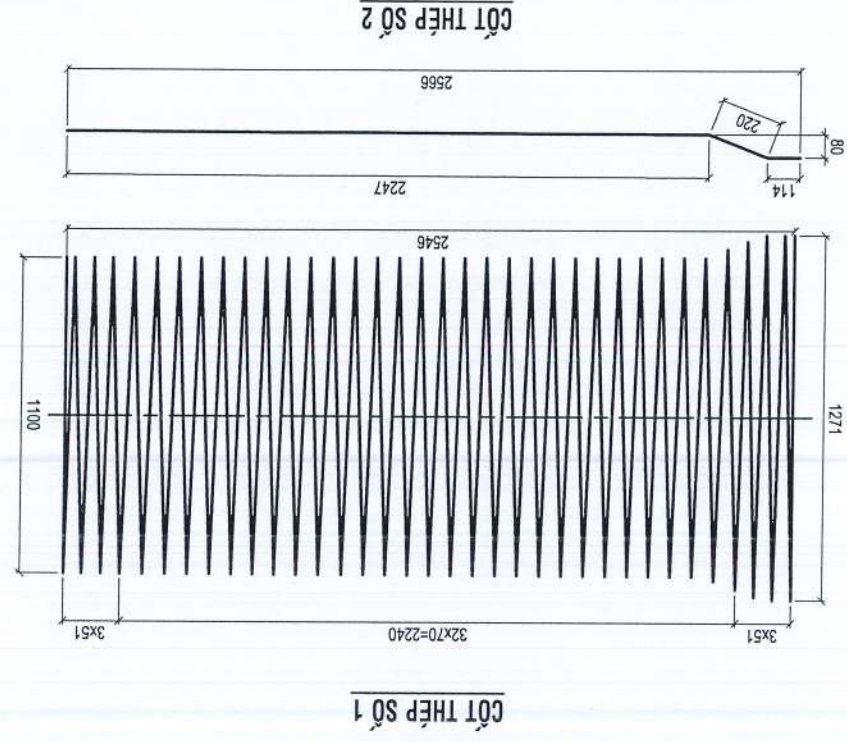
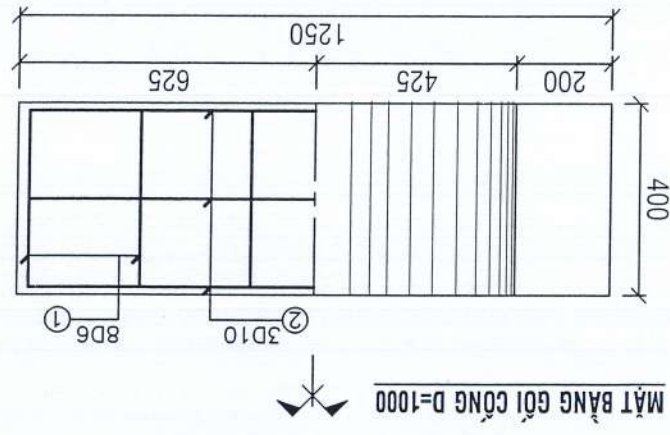
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 338

THẨM TRA

Theo Văn bản số .../.../... năm 2025

Ngày ... tháng ... năm 2025

Chủ trì bộ môn ký tên:



BẢNG THÔNG KÊ CỘT THÉP									
Cấu kiện	STT	Hình dạng, kích thước	Đường kính (mm)	Chiều dài thanh (mm)	Số lượng		1 CK Toàn bộ	Tổng chiều dài (m)	Trọng lượng (kg)
Số lượng: 1	1			6	350	11	11	3.85	0.855
	2			10	1800	3	3	5.40	3.33

Ghi chú:

1. Kích thước trong bản vẽ ghi bằng mm.
2. Liên kết những thanh cốt thép được tiến hành bằng máy hàn hoặc buộc.
3. Cốt thép các bon thấp kéo nguội có $R_a=3.800 \text{ kg/cm}^2$.
4. Chiều cao dấp đất trên lưng công từ 0,6m -:- 4m.
5. Tải trọng thiết kế $H_{10} - X_{60}$.
6. Công được chế tạo bằng công nghệ quay ép.

PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP

THẨM ĐỊNH

382

Theo Văn bản số / năm 20.....

Ngày tháng năm 20.....

Người tham định ký tên

Nguyễn Minh Giang

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THE PHAT Số 04 Đường 10/10, CT. - Phường 10, Quận 10 - TP. HCM ĐT: 0908.023714	GIẤM ĐỐC		NGUYỄN THỊ BÙM	BẢN VẼ CẦU TẠO CÔNG TRẦN D=1000 DÀI 2,5m (LOẠI H.10-X-60)	BẢN VẼ SỐ BV TKTC	NGÀY HT :/2026	BV: 01/01
	CHỦ TÀI X		NGUYỄN THỊ BÙM				
	THIẾT KẾ		NGUYỄN THỊ BÙM				
	VẼ		PHẠM QUỐC VIỆT				
	KIỂM TRA		PHẠM QUỐC VIỆT				

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG NGHĨA TRANG (ĐOẠNẤP BÌNH CHÁNH TÂY - BÌNH HÒA A), XÃ NGŨ HIỆP

HÀNG MỤC: CỐNG TRÒN D=1000, L=10m (Km0+572)

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGŨ HIỆP - TỈNH ĐỒNG THÁP



STT	TÊN HÀNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐVT	KHOẢNG LƯỢNG	GHI CHÚ
	1./ Tháo dỡ cầu cũ và đóng đê quay			
1	Phá vỡ bê tông cốt thép cầu: + Mặt cầu: 11mx2m*0,12m + Mố cầu: 2*0,5*0,5*2 + Lan can: 11 trụx.1mx0,1mx0,8m+11mx0,1mx0,1mx2bên + Dầm BTCT 20cmx15cm: 11*0,2*0,15*4	m3	5,268 2,640 1,000 0,308	
2	Nhổ cọc cầu cũ (15x15)cm: 12x4m/100 Đóng cừ tràm đê quay số 1+2+3: (4m+4,8m+4m)*10cây*3,5*2b/100 Cừ tràm đóng đê quay + giằng dọc: (4m+4,8m+4m)*10cây*2b*(3,5*1,05+1,2)+(3,3m+2,2m+3,8m+2,5m+3,6m+2,6m)*2b	100m	0,480	Nghập đất TB 4m
3	Buộc cốt thép neo đê quay ĐK≤10mm: + Thép D=6mm: 23,98kg/1000 + Thép D=8mm: 31,99kg/1000	tấn	0,056 0,024 0,032	Mật độ đóng 10 cây/md, cừ dài 4,7m/cây
4	Đào đất đắp đê quay	100m3	0,099	Thống Kế trên bản vẽ
5	+ Đê quay số 1: 2,94m2*1,0m/100 + Đê quay số 2: 3,77m2*1,0m/100 + Đê quay số 3: 3,23m2*1,0m/100		0,029 0,038 0,032	
6	Đào phá đê quay hoàn trả hiện trạng	100m3	0,099	
7	Đào đất móng cống 22,05m3/100 Đóng cừ tràm ngập đất 4,7m gia cố móng cống: 10*1,25*4,7*25/100	100m3	0,221	Bảng thống kê MC ngang đào móng
8	Cừ tràm: 10*1,25*4,7*25*1,05	m	1542,188	
9	Vết bùn vệ sinh đầu cừ (vết sâu 10cm): 10*1,25*0,1	m3	1,250	
10	Đệm cát móng cống dày 10cm: 10*1,25*0,1	m3	1,250	
11	Bê tông lót móng dày 10cm, đá 1x2 M.150: 10*1,25*0,1	m3	1,250	
12	Bê tông móng dày 15cm, đá 1x2 M.200: 10*1,25*0,15	m3	1,875	
13	Lắp dựng gối cống D1000: 12cái	cái	12,000	
14	Lắp dựng giằng cao su 1000: 3cái	cái	3,000	
15	Lắp đặt cống BTLT H.10-X60 D1000: 4cái	cái	4,000	
16	Chiều dài cống BTLT H.10-X60 D1000: 4ống 2,5m	m	10,000	
17	Ván khuôn gỗ móng cống : (10*0,58+1,25*0,25)*2b/100	100m2	0,122	
18	Bê tông móng cống M.200: (10mx0,31m2-12x0,31m2x0,4m)	m3	1,612	Đã trừ gối cống (Sgối=0,31m2)
19	Đóng cừ tràm ngập đất TB 4,5m gia cố cửa cống: (1+2,5+6+8,5)mx4,5x14cây/100	100m	11,340	Cừ gia cố dài 6,0m/cây, Đóng 14cây/m (2hàng)
20	Cừ tràm đóng+giằng dọc: (1+2,5+6+8,5)*14*(4,5*1,05+1,5)+(1+2,5+6+8,5)*2	m	1604,700	

THÀNH ĐÌNH
PHÒNG KINH TẾ XÃ NGŨ HIỆP
Người thẩm định ký tên
Ngày tháng năm 2026

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG
THẾ PHÁT
Theo Văn bản số 22/KQTT-338
ngày 22 tháng 02 năm 2026
Chủ trì bộ môn ký tên:
Đoàn Công D=1000 dài 2,5m

10	Buộc thép neo đầu cừ KC 1m/mỗi/2sợi, D= 6mm: (1+2,5+6+8,5)m ^x 1x2sx0,222/1000	tấn	0,017	
11	Trải lưới gân 4mmx4mm vào khung cừ gia cố mép kênh: (1+2,5+6+8,5)*1,5/100	100m ²	0,270	Khổ lưới 1,5m
21	Đắp đất lưng cống, K≥0,90: 69,41m ³ /100	100m ³	0,694	
22	Đất mua: 69,41m ³ *1,1	100m ³	76,351	
23	SXLD cọc tiêu: 10 cọc	cọc	8,000	
24	Bê tông móng cọc tiêu đá 1x2 M200: 8*(0,4*0,4*0,4-0,12*0,12*0,3)	m ³	0,477	



